

# PHÔ THÔNG

TẠP CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỐ BIỂN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VŨ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



BỘ MỐI SỐ 32 — 15-4-1960

1.— Nên mở rộng chương trình ngoại ngữ	Nguyễn-Vũ	7—9
2.— 40.000.000 người Mỹ	T. F. James	10—15
3.— Người phu trạm	Đặng văn Nhâm	16—18
4.— Con chó thiến (lùy bát)	Bàng Sơn	19—21
5.— Gặp nhau (thơ)	Kiều Mai Hương	22
6.— Cố giáo của chúng tôi	Phùng Tuệ Châu	23—28
7.— Văn chương Rừng núi	Y-Tlong	29—34
8.— Thành Bắc Kinh	Trần Lệ Lang	35—37
9.— Giặc Chày vôi của Đoàn Trung	Nguyễn Quang	38—47
10.— Con chim sẻ (thơ)	Nguyễn đình Giang	48
11.— Tân Đà Nguyễn khắc Hiếu	Nguyễn văn Còn	49—51
12.— Chơi thuyền sông Tân Bình	Phan Khôi	52—53

# Kỳ sau : (PHÒ - THÔNG số 33)

Đặc-biệt về LỄ PHẬT-ĐÀN (8 tháng 4 Â-L)

và LỄ LAO-ĐỘNG (1-5-1960)



- \* Mình ơi ! Lịch-sử ngày 1-5  
trên thế-giới như thế nào ? . . . . . Diệu-Huyền
- \* Ngày 1-5 của Lao-động Việt-Nam . . . . . Trần-quốc-Bửu  
chủ-tịch Tòng-Liên-đoàn  
Lao-Công Việt-Nam
- \* Sư-cụ Đồ-tháp-Thuận, Đại-diện  
Vua Lê-dai-Hành, tiếp Đại-sứ Tàu Lý-Giác . . Mạnh-Tường
- \* Thông-diệp của Phật và Trái bom Nguyên-tử . Giáo-sư Zutshí  
(Tân Đề Li, Ấn-Độ)
- \* Ý-nghĩa lá cờ Phật-giáo . . . . . Tân-Sơn
- \* Hoàng-tử Siddharta (thơ) . . . . . Nguyễn-Vỹ  
Dịch ra thơ Anh-văn : Siddharta  
Sautama's adventures . . . . . G.S. Đặng-công-Thắng  
Giám đốc The Polyglote House
- \* Văn-minh Phật-giáo . . . . . Bác-sĩ André Migot (Paris)
- \* Đức Nagasena ngụy biện hay không ? . . . . Thầm-thệ-Hà.
- \* Tung-tích mo-hồ (Thơ) . . Bà Tương-Phố (Nha-Trang)  
Ngày xuất-thé (Thơ) . . . . . Cô Cầm-Thủy (Huế)
- \* Đệ-nhị Thế-chiến giữa  
Thơ mới và « Thơ Tự-Do » . . . . . Phượng-Hải

---

Bài đăng PHÒ-THÔNG luôn luôn là những bài được  
chọn-lọc.

---

Phò-Thông có một số độc-giả khá đông ở Pháp, Ý,  
Đức, Anh, Ấn, Mỹ, Úc, Nhựt, Phi-luật-Tân, Xiêm,  
và Nam-Dương.

## ★ Của ô. J. Richardson, Mục-sư Đạo Tin Lành.

MỘT CÂU ĐỔI CHỈ CÓ 2 CHỮ. Tôi xin gởi đến *Phò Thông* tạp chí một vế câu đổi viet ngữ, xin mời quý Bạn đọc *Phò Thông* đổi lại chơi cho vui. Câu đổi tuy chỉ có 2 chữ, nhưng bao hàm đầy đủ ý nghĩa, xin biên ra sau đây :

*Thời thế thời, thế thế thời, thời thế thời thời thế thế.*

Tôi sẽ rất hoan nghênh những câu các bạn đổi lại, gởi dâng trong *Phò Thông*.

« NỢ TRƯỚC HẸN-HÒ CON ĐÍ ĐẠM »...

## ★ Của ô. Yên-Long. (Qui Nhơn).

Trong *Phò Thông* số 31, bạn Lương-Trọng-Minh có nêu nỗi thắc mắc : về một bài thơ « vịnh kiều » mà bạn hỏi của ai ?

Theo lời kề lại của nhiều vị Quan trùm lúc trước có ở tại tỉnh Nam-Định, thì bài thơ ấy nguồn gốc như sau :

Hồi còn ngồi ghế Án-Sát ở Nam-Định, ông TÙ-ĐẠM nổi tiếng là một « cây ăn hối-lộ ». Một buổi nọ, không hiểu vì tội gì, một anh khóa-sinh bị bắt. Biết « quan lớn » ưa chuyện Kiều, anh khóa-sinh ung-dung, ngâm to thơ Kiều. Bực mình ông Án-Tù-Đạm sai lính bắt anh ta nín, anh ta không theo lời, Cụ lớn nỗi giận, hỏi anh :

— Anh giỏi Kiều lắm phải không ?

— Bầm Quan lớn giỏi thì không giỏi, nhưng cũng nhớ được nhiều. Ông Tù-Đạm quắc mắt bảo anh khóa làm một bài thơ vịnh kiều ngay tức khắc. Trước khi làm, anh Khóa xin — nếu làm được « cụ lớn », tha cho.

Vì Án-Sát cầm chึc roi mây phán :

— Hè làm được hay thì tha, còn không thì roi này vào đít.

Anh Khóa vâng lời xin giấy bút viết một bài thơ dâng lên Ông Tù-Đạm, như sau :

« Khóa cửa phòng xuân đê đợi chờ.  
Mà em mắt nết lự bao giờ  
Chàng Kim mê gái công đeo-dâng  
Viên ngoại chiểu con chết ngắt ngơ  
Nợ trước hẹn hò con đí ĐẠM  
Duyên sau gấp gối cu TÙ  
Mười lăm năm ấy bao nhiêu sướng  
Còn trách lamen chí chử bán nợ ?

Xem xong, quan Án-Tù-Đạm điếc hồn, quan không ngờ thằng ranh con lại dám mượn Kiều đê chửi mình (con đí ĐẠM, bờ cu TÙ) nhưng việc lở rồi quan dành phải tha anh Khóa...

# PHÔ THÔNG

TẠP CHÍ

GÓP PHẦN TẠY CUNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỐI BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG HỒ VÀ KHẮC HIẾU

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VŨ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



## SƠ MÓI SỐ 32 — 15.4.1960

1.— Nên mở rộng chương trình ngoại ngữ	Nguyễn-Vũ	7 — 9
2.— 40.000.000 người Mỹ	T. F. James	10 — 15
3.— Người phu trạm	Đặng văn Nhâm	16 — 18
4.— Con chó thiến (tùy bút)	Băng Sơn	19 — 21
5.— Gặp nhau (thơ)	Kiều Mai Hương	22
6.— Cố giáo của chúng tôi	Phùng Tuệ Châu	23 — 28
7.— Văn chương Rừng núi	Y-Tlong	29 — 34
8.— Thành Bắc Kinh	Trần Lệ Lang	35 — 37
9.— Giặc Chày vôi của Đoàn Trung	Nguyễn Quang	38 — 47
10.— Con chim sẻ (thơ)	Nguyễn đình Giang	48
11.— Tân Đà Nguyễn khắc Hiếu	Nguyễn văn Còn	49 — 51
12.— Chơi thuyền sông Tân Bình	Phan Khôi	52 — 53

13.— <i>Gustave Flaubert</i>	Trúc Việt	54 — 64
14.— <i>Những áng thơ hay</i>	Thùm Thệ Hà	65 — 70
15.— <i>Văn sĩ thi sĩ</i>	Nguyễn Vỹ	71 — 75
16.— <i>Đặng Thúc Liêng</i>	Đặng công Thắng	76 — 81
17.— <i>Người thơ xuất hiện</i>	Mặc Thu	82 — 84
18.— <i>Cô gái diễn</i>	Vi huyền Đắc	85 — 90
19.— <i>Thơ lén Ruột</i>	Diệu Huyền	91 — 92
20.— <i>Chuyện Cà kẹ</i>	Trọng Tấu	93 — 97
21.— <i>Mình ơi!</i>	Diệu Huyền	98 — 108
22.— <i>Không Minh</i>	Nguyễn quang Lực	109 — 110
23.— <i>Giới thiệu sách</i>	P. T	111 — 114
24.— <i>Kiên Trinh</i>	Cô Văn Nga	115 — 119
25.— <i>Đáp bạn bốn phương</i>	Bạch Yến và Diệu Huyền	120 — 130

Sắp xếp bài, trình bày bìa và nội dung cho màu Cánh Diều V

\* Bản kẽm

\* Bia Offset . . . . . Nguyễn-Văn-Dầu  
Van-Quốc

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-liên trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu cầu để rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết lát.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
  - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Viet-Nam

*Nên mở rộng*

*Chương - trình*

*Ngoại - Ngữ*

*ở các lớp*

*Trung - học*

\* NGUYỄN - VĨ

**HÚNG TÔI** đã từng đạo đэт lên Bộ Quốc-Gia, Giáo-Dục và Chính-phủ nguyện-vọng tha-thiết của các lóp thanh-niên h iếu-học Việt-Nam ngày nay muốn có một trình-dộ văn-hóa tiến-triển theo kịp các lóp thanh-niên quốc-tế. Nhưng chúng ta vẫn chứng-kien một vài mâu-thuẫn khó hiểu, đã gây ra nhiều hậu-quả bất lợi rõ-ràng.

Xin thí-dụ như sau đây : 1.— Các kỳ thi Trung-học vừa rồi đã chứng-minh những hậu-quả ấy, và xác nhận những mâu-thuẫn ấy. Một mặt, chính-phủ rút hẹp chương-trình ngoại-ngữ, Pháp-văn và Anh-văn, một mặt đến kỳ thi chính-phủ lại cho những đề thi Pháp-ngữ và Anh-ngữ thật khó, khiến cho một số rất đông thí-sinh đều không làm nổi. Chương-trình ngoại-ngữ ở các lóp trung-học như thế nào mà trong kỳ thi năm ngoái đại đa số thí-sinh không dịch được chữ « *Auberge* », hoặc dịch là « *Trái cà dại-de* », « *đè sông* », « *vườn hoa* », « *con cốc* » v.v... Các bài thi Pháp-ngữ và Anh-ngữ năm nay cũng thế.

2.— Một số thí-sinh thi Tú-Tài Việt, nhờ Toán-Lý-Hóa, cùu-văn, và rán được số điểm trung-bình về Pháp-ngữ, Anh-ngữ, đó được bằng cấp, nhưng đến khi xin vào các trường Đại-học, thì lại bị chạm-trán với môn Pháp-văn và Anh-văn, nên không học nổi, rồi cũng đành bỏ dở. Nhất là ở trường Đại-học Y-khoa và Dược-khoa. Ở Đại-học Khoa-học cũng thế.

3.— Ở một vài trường khác, như ở Đại-học Văn-khoa, Luật-khoa, Sư-phạm, các bạn sinh-viên cũng không có một căn-bản ngoại-ngữ vững-vàng, không có khả-năng đối-dào về Pháp-ngữ, Anh-ngữ, cho nên sự học hỏi không sao tiến-bộ được theo kịp với các lóp thanh-niên Đại-học của các cường-quốc Âu-Mỹ. Sinh-viên Đại-học của nước ta bị thua kém cả các Sinh-viên Đại-học Nhật-bản và Án-Đô.

Vì thế, nên hiện nay có một số thanh niên Việt-Nam, hiếu-học phải tự học thêm Pháp-ngữ và Anh-ngữ ở trường tư-thục có các giáo-sư Pháp, Mỹ chuyên-môn dạy hai món ấy, hoặc ở Pháp-văn Đồng-minh hội (*Alliance Française*) và Việt-Mỹ hội. Nhưng chỉ là những con cháu các ông lớn và các gia-dinh khá-già mới được đeo đuổi các lóp ngoại-ngữ kia. Còn đại đa số thanh-niên ta đành chịu dốt ngoại-ngữ vậy.

Tất cả những người biết lo cho tiền-dân-tộc, đều băn khoăn tự hỏi : một Quốc-gia muốn hùng-cường, tiền-bộ, muôn vươn lên dài vinh-quang quốc-tế, mà cả một đám đông thanh-niên của thế-hệ mới đều không biết ngoại-ngữ, không đọc được các sách báo ngoại-quốc, không giao-thiệp được với người ngoại-quốc, dành phải ở eo-rô trong xó nhà mình, thì làm sao chen vai sát cánh được với Thế-giới & thời-đại guyễn-tử và vẹ-tinh nhân tạo này ?



## K

HÔNG ! Phải thay đổi chánh-sách giáo-dục thanh-niên gần như « bể quan tòa-cảng » đó đi ! Phải mở rộng giới-tuyển ngoại-ngữ cho thanh-niên Việt-nam hiện-đại. Một thanh-niên, một thiếu-nữ Việt nam ngày nay, phải biết nói, biết đọc và biết viết ít nhất là hai thứ ngoại-ngữ : Pháp, và Anh, là hai thứ tiếng được thông dụng nhất khắp hoàn-cầu, hai thứ tiếng của văn minh tiến bộ, hai thứ tiếng của Khoa-học loài người.

Những kẻ cứ bo-bo lấy tiếng mè đẻ của chúng ta làm tiêu-chuẩn duy nhất trong chương trình học-văn để cõ vượt theo cao trào mảnh-liệt của Thế-giới hiện nay, là những kẻ phản tiền-bộ và phản dân-tộc, vì họ sẽ bị cô-lập trên trường Quốc-tế nếu không bị bỏ rơi.

Không kém gì thanh-niên Nhật-bản và Ấn-Độ, tất cả các lớp thanh-niên trí-thức Việt-Nam đều phải thông-thạo Anh-ngữ hoặc Pháp-ngữ. Họ phải được hành-diện đúng ngang hàng với bất cứ thanh-niên tiến-bộ của nước nào. Trên các hội-trường Quốc-tế, nơi các buổi gặp-gỡ thân-tíbiên, trong các cuộc trao đổi văn-hóa quốc-gia, họ phải có thể dùng Anh-ngữ hay Pháp-ngữ để nói lên tiếng noi thuần-túy và anh-dũng của Dân-tộc Việt-Nam, phò-bày tư-tưởng tinh-nhị và sâu-sắc của Văn-hóa Việt-Nam, phát-huy tinh-thần mảnh-liệt và vẹ-vang của thanh-niên Việt-Nam. Họ không được thua ai, không chịu khuất-phục trước một người ngoại-quốc nào. Họ phải phò-trương cái hay cái giỏi của người Việt-Nam cho Thế-giới kính-phục nòi giống Việt-Nam.

Đừng để cho thanh-niên Việt-Nam cái tư-ty mặc cảm vì kém trình-độ văn-hóa Quốc-tế.

Hãy mở rộng những đường chân trời mới mẻ, cho tất cả các luồn gió của trí-thức được thổi vào đầu-óc thanh-niên Việt Nam, cho mạch sống của thế-hệ đương lên được thấm nhuần dưỡng-khí của Văn-hóa loài Người.

N. V.

# 40.000.000

người Mỹ đã lớn tuổi

## VĂN CÒN ĐI HỌC

★ T. F. JAMES

(*Cosmopolitan*)



THEO NHỮNG LỚP HỌC TRONG THÌ GIỜ NHÀN RỒI. Hồi trước chiến - tranh chỉ có một phần ba số này thôi. Số giáo - viên và lãnh - tụ phong - trào này hiện lên tới 5 triệu người, đó là chưa kể 100.000 người trong coi về hành - chính, giám - thị và nhân -

**N**GÀNH giáo - dục dành cho những người lớn tuổi đã phát triển một cách lạ thường từ sau Đệ - nhì Thế - chiến. Theo ông Malcolm Knowles, cựu Giám - đốc Hội Giáo - Dục người lớn, thì hiện nay có trên 40 TRIỆU NGƯỜI MỸ ĐANG

viên lưu - động. Sự phát - triển đó là do kết - quả của nhiều yếu - tố; trước hết là do lòng ham học hỏi của người Mỹ trung - lưu đã lớn tuổi và sau nữa là do sự tận - tụy của giáo - giới đối với các người ham chuộng văn - hóa.

Người Mỹ ngày nay đã dần

dân-nhận-thức rằng một người tốt-nghiệp nhà-trường ra chưa hẳn đã là có học. Giáo-dục không phải là một gói đồ mà là một phuơng-pháp. Mục-dịch của giáo-dục không phải chỉ là thu-thập mệt-mó kiến-thức là dù, mà còn là sự TRƯỞNG-THÀNH TÂM - TRÍ CỦA CON NGƯỜI khiến người đó trở thành một người tốt-dep hơn, hiểu biết nhiều hơn, trình-độ văn-minh tiến-bộ cao hơn.

Kết-quả là ngày nay dân-chúng Hoa-kỳ mỗi ngày mỗi tham-gia nhiều những lớp học không có liên-quan gì đến sự học hỏi về công việc làm của họ, và cũng không giúp họ dắt được mảnh bằng cấp nào cả.

Họ chỉ muốn được tự-do học hỏi, được hiểu biết để thường thức nghệ-thuật, thường-thức những bản nhạc hay, những câu văn đẹp, được thấu-triết những vấn-dề chính-trị, kinh-tế, khoa-học, và thấu hiểu những vấn-dề bao-la hơn về bản chất của loài người, cũng như của Đảng Tối Cao. Tại sao vậy? Bởi vì họ học hỏi này có thể giúp cho con người thấu lợom được cái tinh-

túy nhất của đời sống, và quan-trọng hơn nữa, là để thông-cảm thêm-hơn những người xung-quanh mình, những người cùng sống, cùng làm việc với mình.

Mỗi ngày mỗi thêm-nhiều xí-nghiệp, giờ đây đã nhận thấy rằng con người không hiểu biết và không biết thường-thức nghệ-thuật thường là những người không hiểu rõ loài người. Việc đó còn có nghĩa rằng người đó không có tư-cách để trở thành một người giám-đốc, vì rằng con người càng lên cao trên đài danh-vọng bao nhiêu, thì sự làm việc chung đụng giữa người và người lại càng quan-trọng bấy nhiêu.

Các xí-nghiệp lớn bên Mỹ chủ-trọng rất nhiều đến văn-dê này và ngay Công-Ty Điện-thoại Bell năm 1953 đã lập ra Viện nghiên-cứu Nhân-Văn dành cho các vị Giám-đốc tại đại-học-đường Pennsylvania. Công-ty Bell đã gửi một số những vị giám-đốc hứa hẹn nhất đến theo học một khóa 10 tháng chuyên về nghệ-thuật, triết-học và văn-chương. Họ học đủ thứ, nào là Leonard de Vinci, nào là

Sinclair Lewis, nǎo James Joyce. Và hiện nay khắp nước Mỹ đã có trên 30 trường đại-học mà những lớp học tương-tự dạy các vị Giám-đốc trau dồi thêm Văn-Hóa.

Dần dần giáo-giới đã nhận thức rằng đầu óc của người lớn tuổi khác hẳn đầu óc của thanh-niên. Trung - bình NHỮNG NGƯỜI TỪ 35 TUỔI TRỞ LÊN MỚI BẮT ĐẦU THEO HỌC NHỮNG LÓP NÀY. Như vậy có nghĩa là họ đều là những người đã già dặn việc đời. Họ có thể đang thời-kỳ tạo-lập gia-dinh hoặc đang chuẩn-bị hoàn-thành sự-nghiệp. Họ là những người có thể đóng góp nhiều vào lớp học do kinh-nghiệm của họ mang lại, và họ muốn rằng lớp học đó có liên-quan đến đời sống của họ.

Đối với một số người khác thì những lớp học này còn là một cơ-hội tốt để họ được tiếp xúc với đủ hạng người. Trong một lớp có thể có một ông chủ ngân-hàng, một vị mục-sư, vài ba bà nội-trợ, một chủ h้าง hoặc một công-nhan bán cây xăng. Một vài học-viên rất hăng

hái có thể là NHỮNG NHÀ BÁC - HỌC HOẶC KỸ - SU thuộc các ngành kỹ-nghệ địa-phương ; họ thấy rằng những lớp học này là phương - pháp lý-tưởng để TỰ - DO - HỌC HỎI NHỮNG ĐIỀU MÀ HỌ THIẾU THỐN TẠI NHÀ TRƯỜNG.

Tại Cleveland với sự bảo-trợ của Hội Phụ-nữ đại-học Cleveland, một nhóm giáo-sư tình-nghyen đã được gởi đi huấn-luyện tại những viện-học cuối tuần do những nhà học-giả tiếng tăm đảm-nhiệm như ông Henry Steele Commager và cô Margaret Mead. Những vị đó đã hướng-dẫn những lớp học ở salong » về các môn sử-ký, đầu-tư, Pháp-ngữ, văn-chương v.v. Những lớp học về đầu-tư, do những người giàu kinh-nghiệm về thương-trường hướng-dẫn được nhiều người ưa-thích nhất.

Nhưng đồng-thời, ngành giáo-dục dành cho người lớn cũng không bỏ quên NHỮNG NGƯỜI NÀO MUỐN HỌC ĐỂ KIẾM MÃNH BẰNG

**ĐẠI HỌC.** Về phương-diện này, thì các giáo-giới đang tìm cách để giúp người lớn theo đuổi việc học theo cách người lớn.

Hàng ngàn người Mỹ lớn tuổi đã nhờ sự giúp đỡ của các trường đại-học này mà thi đậu bằng đại-học hoặc được huấn-luyện về công việc làm quí giá. Ngày nay hầu hết các trường đại-học Mỹ đều chú trọng đến việc giáo-dục của người lớn, mỗi lớp học thuộc đủ các ngành, từ kiến-trúc đến ngành giao-dịch. Đại-học-đường California có trên 175.000 học-viên ghi tên theo học những lớp tối trong các đô-thị thuộc tiểu-bang này. Đại-học-đường Washington có một ban giáo-sư đặc-biệt thường xuyên tiếp xúc với các học-viên người lớn thuộc 130 đô-thị. Trường đại-học New York còn khuyến-kích các bà mẹ nên đem cả con nhỏ cùng đến trường. Trong khi bà mẹ học lớp văn-chương cận-đại, thì đứa con có thể giải-trí trong một lớp học đặc-biệt về nghệ-thuật chẳng hạn.

Nhiều phụ-nữ theo những lớp học tự cải-tiến nhưng phần

lớn học-viên phái nam thì chăm chú học những môn có liên-quan đến công việc làm của họ.

Đại-học-đường Indiana gần đây cũng mở trên 400 lớp hàm-thụ, và đây cũng là một trong những môn học phát triển mạnh nhất trong ngành giáo-dục người lớn. Mỗi năm có tới gần 175.000 học-viên ghi tên theo lớp học hàm-thụ của trên 150 trường - học và trường đại - học. Viện quân-nhân Hoa-kỳ cũng có lớp học cho gần 250.000 nhân-viên nhà binh trong nước và hải-ngoại; số học-viên của 450 trường hàm-thụ tư-nhân toàn-quốc lên tới 750.000 người.

Có tới gần 5.000 tổ - chức kỹ-nghệ và thương-mãi, trong số đó có những xí-nghiệp lớn vào bực nhất bên Mỹ, đã ký những hợp - đồng với một trường-học hàm-thụ duy-nhất — trường HÀM-THỤ QUỐC-TẾ & SCRANTON, International Correspondence Schools, Pennsylvania — để nhờ huấn-luyện. Học-phí từ 25 đến 500 mỹ-kim một khóa, và trung-bình mỗi học-viên phải mất 10 giờ mỗi tuần để học. Dù học-

viên là người lớn tuổi, hoặc người niên-thiếu, học có tần tối hay không là hoàn-toàn do cố gắng của chính mình.

Một trong những trường hàm-thụ thành-công nhất bên Mỹ là Trường Hội-Họa & Westport, Connecticut. Được thành-lập cách đây 10 năm, trường này mở những khóa học ba năm về môn hí-họa, hội-họa thương-mại dưới sự điều-khiển của những họa-sĩ tên tuổi như Norman Rockwell, Jon Whitcomb và Dong Kingman. Học-viên thuộc đủ giai-cấp, những nhà buôn nghỉ việc muôn học thêm một môn để giải-trí cũng có, hoặc những thanh-niên muôn trở thành họa-sĩ tương-lai cũng có. Họ có thể theo học lớp hàm-thụ, mà vẫn đi làm việc như thường, vẫn làm được bốn-phận gia-dinh, đồng-thời thực hiện được nguyện-vọng của họ và phát-triển được tài-ba của họ.

Chính-phủ Mỹ cũng không kém phần chú-trọng đến việc giáo-dục người lớn. Lớp bốn túc Nông-nghiệp, là tổ-chức giáo-dục người lớn, lớn bực

nhất thế-giới do quỹ chính-phủ dài-thọ có trên 8 triệu học-viên. Tổ-chức này được thành-lập từ năm 1914 và ngày nay số nhân-viên lên tới trên 12.000 người. Tổ-chức này chỉ nhắm vào dân-chúng miền đồng ruộng và tuy rằng hồi đầu chỉ dạy về các môn canh-nông nhưng sau này cũng có dạy thêm các môn kịch, âm-nhạc và nghệ-thuật. Hơn 100.000 nông-dân có chân trong những câu-lạc-bộ chuyên thảo-luận về những vấn-dề công cộng do chính-phủ cung cấp tài liệu. Những lớp học về âm-nhạc và chương-trình đọc sách càng ngày càng được phô-tập với những chiếc xe thư-viện.

Nhưng có lẽ viễn-tượng giáo dục hùng-thú nhất của người lớn mà từ trước tới nay nhiều người vẫn thường coi là một trò-lực lớn lao cho sự học hỏi là VÔ TUYẾN TRUYỀN-HÌNH. Cách đây 6 năm một loại máy vô-tuyến truyền-hình mới đã được ra đời cùng với loại máy vô-tuyến truyền-hình thương-mại thông thường. Đây là loại VÔ-TUYẾN TRUYỀN-HÌNH GIÁO-DỤC,

mà khắp nước Mỹ đã có tới 43 trạm. Nhiều trạm khác hiện đang được xây cất, và nhiều đô thị cũng đang chuẩn bị quyên tiền để dựng trạm riêng của mình. Chương trình ban ngày của vô-tuyến truyền-hình giáo-dục này có nhiều khả-năng tiềm-tàng đối với các trường-học, và chương-trình ban tối lại còn là một phương-tiện giáo-dục quan trọng đáng kể của người lớn mà từ trước đến nay người ta chưa hề khám-phá ra.

Cách đây hơn một trăm năm chính ông Henry David Thoreau đã từng viết rằng : « Kê ra cũng đến lúc ta phải lập ra những trường - học khác thường, những trường-học có

thể giúp ta không thể bỏ dở việc học khi ta bắt đầu trở thành người lớn ». Và những cái trường khác thường đó ngày nay đang được phát triển dần dần, tuy chậm, nhưng rất vững chắc. Với những trường-học đó, ngày nay người ta có thêm được một quan niệm giáo-dục mới, coi sự học hỏi là một phương-pháp gồm có hai giai-doạn : với giai-doạn thứ nhất ta thâu thập được những kiến-thức và kỹ-thuật căn-bản cần-thiết để sống, và với giai-doạn thứ nhì ta thâu thập được sự khôn-ngoan để xử-dụng những kỹ-thuật đó một cách hiệu-quả.



## \* DANH NGÔN

La femme est le plus affreux de tous les maux.

Đàn bà là cái tai họa ghê gớm nhất trong các tai họa.

EURIPIDE

## \* DANH NGÔN

La femme est le chef d'œuvre de l'univers.

Đàn bà là kiệt-tác của vũ-trụ.

LESSING. (Văn-sĩ Anh)  
(T.L.L. siru lâm)

# Người nhau TRẠM



\* ĐĂNG-VĂN-NHÂM

*Thương anh, em cũng muốn vồ,  
Sợ truồng nhà Hồ, sợ phá Tam-Giang.*

**C**ÂU ca-dao trên nói lên lòng yêu tha-thiết, chân thành của nàng thôn-nữ đối với tình nhân xa cách, muốn vào thăm nhau để thỏa mãn tình thương nhớ ; nhưng lại e nỗi đường xá xa xôi, quan san cách trở mà phương tiện vận chuyển trong nước ta thời bấy giờ còn quá thô sơ, chậm chạp.

Từ Bắc vào Nam, bây giờ, nếu đi phi cơ chỉ mất mấy tiếng đồng hồ là đến nơi. Còn ngày xưa, nhanh lắm cũng phải hàng tháng. Ấy là chưa kể đến những tai nạn thường xảy ra dọc đường, bị cướp sông, cướp chợ... hoành hành bóc lột, có khi lại còn giết cả người.

Xa nhau, muốn gặp nhau là

diều « thiên-nan, vạn nan ». Còn muốn liên-lạc thư từ thì lại càng khó nứa. Bởi thuở ấy, nước ta—cũng như hầu hết các nước hậu tiến ở Á-Đông — chưa có tờ chức bưu tín cho quần chúng. Nhà nước chỉ có « lính trạm » để liên-lạc trong chính quyền và chạy công văn mà thôi.

Tờ - chức « Lính trạm » là sáng-kiến của vua Lý-thái-Tôn (1028 - 1054). Nhà vua chia những quãng đường dài từ kinh-dô đến các tỉnh-ly xa xôi thành nhiều chặng nhỏ. Mỗi chặng như vậy gọi là một « Cung ». Mỗi cung đặt một « cung dịch » tức là một trạm bưu tín.

Ngoài việc chạy công văn, cung-dịch còn là nơi tiếp tế lương-thảo cho quân-đội khi cần đến. Dọc đường quan-lộ từ Huế ra Bắc hay vào Nam, đều có những Cung dịch làm bằng lá đơn sơ. Mỗi trạm có độ bốn hay năm phu trạm hoạt-động dưới sự chỉ-huy của một trạm trưởng. Trong số, lúc nào cũng phải có một người hoàn-toàn rảnh rỗi, túc trực để xử-dụng trong những trường-hợp cần thiết cấp bách. Tất cả đều trực thuộc Bộ Bình. Mỗi tỉnh đặt dưới sự quản-đốc

của một vị Án-Sát, lãnh lưỡng như « lính cơ » (lính hầu) và được miễn dịch.

Các công-văn do phu trạm chuyền đi đều được mât phong trong những « ống công văn » bằng tre to, hai đầu gắn sì kỵ-lrống. Người phu trạm, đeo nhung « ống công văn » trên lưng và cõi ngựa. Ngựa là phương-tiện vận chuyền thông-dụng nhất ở xứ ta. Ngoài ra, phu trạm còn phải chuyền-vận hành-lý hay khiêng kiệu, khiêng cáng cho các vị quan trong Trào. Và mỗi năm, còn phải lo chuyền vận các thứ thồ sàu quý của quan địa - phương dâng lên nhà vua, như : gạo Bắc Ninh, Chuối Nam-Định, Cam Vinh, mía Thanh-Hóá và vịt trời ở Hồ tây...

Phu trạm phục-sức tăm thường cũng như dân-chúng, chỉ mang trên vai 1 cái lục-lạc hay cái chuông nhỏ để báo-hiệu cho mọi người biết mà tránh, vì họ có quyền ưu-tiên đặc biệt khi đi đường cũng như lúc qua đò.

Trong việc quân cơ cấp bách, người phu trạm mang một huy-hiệu đặc-biệt là : « Hòn than, lông gà ».. Tay cầm một lông gà,

tay cầm một cây đuốc cháy, tượng trưng cho chữ « Hỏa tốc ». Thời gian di-chuyển công-văn



cũng được ấn-định rõ-ràng : Từ Huế ra Hà nội là sáu ngày. Gặp trường hợp « thương khan », chỉ có 3 ngày thôi, người phu trạm phải thay phiên nhau chạy suốt ngày đêm, băng rừng vượt núi. Nếu chậm trễ sẽ bị chiếu theo quân luật mà xử phạt. Điều 211 trong quân luật thời xưa có ghi : « Mọi sự chậm trễ trong việc di-chuyển công văn sẽ bị phạt đòn trung bình từ 20 đến 50 roi. » Ông Công Văn » bị mở ra mà Công Văn bên trong còn nguyên

nếp thì bị phạt đòn 20 roi. Hình phạt này tùy theo trường hợp, có thể tăng lên đến 60 hèo.

Nếu Công-Văn bị mất nếp thì bị phạt đòn từ 60 đến 100 hèo. Hình phạt này có thể tăng bội nếu là công văn quân-sự ».

Ngoài ra, điều 216 quân luật còn ghi : « Mọi chậm trễ của phu trạm làm thiệt hại cho việc binh bị sẽ có thể xử tội chém. »

Luật gắt gao là thế ! Nhưng trong thực tế, ai cũng phải nhìn nhận phu trạm rất lười và hay phá khuấy, sách - nhiều dân chúng : gây ồn ào, phá phách trong các hàng cơm, quán rượu dọc đường, hoặc ghẹo gái lúc qua đò...

Bởi vì, họ là những con người sống không có ngày mai. Trách nhiệm quá nặng nề, nguy hiểm trên những con đường xuyên sơn hiểm trở !

Bây giờ, giữa thời đại vội-tinh nguyên tử, phương tiện vận chuyển được cơ khí hóa đến cùng cực, nên hình ảnh « người phu trạm » đã bị xóa mờ trong quần chúng.

XI/59  
Tử-Quyên  
ĐẶNG-VĂN-NHÂM

con  
chó  
thiến



\* BĂNG-SƠN

**N**Ó là một con chó Tây của người ở cạnh nhà tôi. Thân hình to lớn nhưng hiềm mõi nõi là ốm quá. Nó thường qua nhà tôi để chờ những cơm thừa cá cặn. Tôi thấy tôi thương nén tôi thường cho nó ăn. Tôi cũng hay đưa với nó nên nó rất mến tôi. Mỗi lần tôi quăng cho nó một miếng xương là nó nằm xuống nhấp nại gặm từng vụn thịt hoặc gân dính ở kê xương. Có một lần tôi ném cho nó một khúc xương ống; miếng xương này đúng nghĩa với danh từ xương vì ngoài xương ra không còn một tí thịt dính vào; tuy xương cũng đã moi hết cả rồi. Trước khi quăng cho nó tôi không quên nhúng vào nước lạnh để rửa sạch những màng

mõi bám xung quanh. Vừa quăng xuống, nó liền ngoạm lấy và tha vào trong xó chẹt để thưởng thức. Ai thấy cũng đều bất ngờ. Nhưng thấy như vậy tôi lại càng cảm thấy thương nó hơn lên, vì không biết với miếng xương còn cứng hơn đá nó có ăn được gì không? Mọi sống gần nó chừng vài tháng nhưng tưởng như đã lâu lắm, vì giữa tôi và nó có rất nhiều kỷ niệm.

Ki-ki tuy cao lớn nhưng rất ốm, mà chủ nó lại muốn nó mập, muốn lông nó mướt. Nhưng mập sao được vì nó đã quen sung sướng rồi, ông bà cha mẹ nó sống sung sướng đầy đủ; đến phiên nó lại sống cực khổ tại xứ nóng bức này thì làm sao lông cho mướt

được. Vả lại nó là con trai trời còn bắt nó làm tròn bốn phận, là duy trì nòi giống; nó còn lo chuyện ái tình. Làm sao mà mập cho được.

Nhưng mà ông chủ lại muốn nó mập, thế mới biến. Tôi nghĩ tôi lại càng thương con chó Kiki.

Một buổi tôi cùng gia đình đang ngồi ăn trưa ở nhà sau; bỗng nghe tiếng kêu la của nó. Nhìn qua nhà bên kia, tôi thấy ông chủ nó bếp vào giữa hai tấm ván hai tay nắm hai chân nó kéo lên. Nó vùng vẩy nhưng vô ích, hai chân sau bị kéo lên bên trên, ở dưới là đầu và hai chân trước. Những tiếng cười, tiếng khóc của trẻ con xen lẫn. Trong giây lát tôi đã đoán biết chuyện gì sẽ xảy ra. Tôi khép vội cánh cửa nhà tôi. Tôi cố quên hình ảnh ấy để khỏi xốn xang trong khi ăn; nhưng tiếng la của nó làm tôi sốt ruột. Tiếng kêu của nó mỗi lúc mỗi quyết liệt; tiếng kêu dài và liên tiếp nhau, đôi khi đứt đoạn và ngừng một lát, rồi tiếng kêu như nghẹn lại. Tất cả người trên bàn ăn đều ngưng đùa. Tiếng kêu lại rít như tiếng cưa chạm phải đinh lại lẩn với tiếng cười. Sau đó tiếng kêu ngừng

lại và tiếp theo là tiếng người nói «xong rồi». Tôi sai người lên đóng cửa trên nhà kéo nó chạy qua nhà tôi; vì thường



ngày hè bị đánh hay bị đuổi là nó chạy sang nhà tôi, xem nhà tôi như một chỗ ăn náu những khi hoạn nạn. Nhưng kia; tôi quên đóng cửa sau, nên nó đã chạy vòng ra phía sau nhà tôi để vào và bây giờ nó đứng kia; tiếng kêu đau đớn vẫn còn; trông đôi mắt nó thiếu não quá! Trời ơi! máu chảy đầm đìa, đọng cả vũng, bệt trên nền xi-măng. Nó vừa liếm vừa ngoái cổ nhìn tôi. Thằng em tôi bỗng la lên: «Coi kia nó liếm». Nó liếm chừng nào thì máu ra chừng đó. Tôi nghĩ thầm không khéo nó chết mất. Cả nhà rên rỉ: «Làm sao mà nuốt cơm cho xuống». Tôi nói để mọi người khỏi ghê. «Có gì mà ghen, người ta uống máu chó, ăn tiết canh chó thì sao». Nói thế, nhưng tôi cũng gắng nuốt những miếng cuối cùng để đứng dậy.

Tôi chán ngán lên giường

năm trong khi con ở nhà tôi rên rỉ lấy khăn lau nhà và đuổi con chó đáng thương đi.

Tôi nghĩ tôi lại càng thương con chó Kiki.

Người ta coi thường sự đau đớn của nó, người ta tưởng rằng nó là khúc gỗ chẳng biết xúc động. Người ta bắt nó không được nghĩ đến chuyện ái tình, người ta bắt nó hy sinh ái tình.

Những ngày sau đó con ở nhà tôi thường đóng cửa vì sợ nó vào nhà; nhưng nó đã đi rồi; ba bốn ngày tôi không thấy nó. Bỗng ngày thứ tư, tôi lại thấy nó chạy ngang nhà tôi; sau đuôi máu vẫn còn rỉ. Tôi

chạy ra để trông nó cho rõ. Thân hình tiêu tụy, đuôi quặp xuống, phía sau vẫn nhầy nhụa máu; nhưng rồi nó lại bò đi và mắt hút vào sau cụm cây. Tôi bước ra ngoài, đến gần tay máy lấy cây vách những giọt máu đưa lên mắt xem, tôi thấy máu tươi quá và giống như máu người.

Qua hai ba ngày thấy vắng con chó, con ở nhà tôi không để ý nữa. Sáng ngày mai vừa thức dậy, con ở nhà tôi chạy lên nói có vẻ bức dọc lầm. « Cậu cậu, con chó nó lại đến nằm chết dưới gầm giường nhà mình ».

Trời ơi, cả một buổi chiều tôi khóc con Kiki!



### \* TUỔI TRẺ.

Nữ-sĩ Y-pha-Nho, Susanna March, tác giả quyền « Les Ruines et les Jours » nói về thanh niên như thế này :

— Tuổi trẻ là tuổi không ngần ngại gì cả, vì không nghĩ gì cả.

(L'âge où l'on ne doute de rien parce qu'on ne se doute de rien).

B.T.

# gặp nhau



Anh qua Tiền-giang, em về Kế-cá  
Chúng mình gặp nhau trên chuyền đò ngang  
Anh kể cho nghe tâm-tình mải rã  
Vui vui câu chuyện lúa vàng  
Trên đàng sỏi đá...  
Anh nói ròn tan...  
Nắng đỗ đồng hoang  
Đèa xanh giăng khắp xóm làng...  
Quê em có dòng Sông Trúc  
Có cầu rạch Nhúc bắc ngang  
Bên nèo nhà sàn chợ Gạo  
Phú-Nhiêu lúa chín phơi vàng  
Cô em có đồng tóc mượt  
Soi mình bờ nước trong xanh  
Diệu-hiền có gái Bến-Tranh  
Quanh năm bên khóm đèa xanh  
Vui niềm thôn-dã mộng-lành thầm-tuổi  
Quê em là cả cuộc đời...

KIỀU-MAI-HƯƠNG

# Cô Giáo

---

## của chúng tôi

\* NỮ SINH  
**PHÙNG TUỆ CHÂU**

**H**Ô Mấy, khác hẳn ngày thường, cô tôi tới trường trễ lắm. Chúng tôi đã yên-trí cô nghỉ vì hôm trước, cô than hoi nhức đầu, chóng mặt. Giữa lúc chúng tôi đang xôn-xao, trò chuyện cô lặng-lẽ đi vào, dập thước lên bàn ra hiệu cho chúng tôi im.

— Hôm nay cô mệt và buồn lắm, các em đừng nghịch, hãy chịu khó chép bài cho cô yên.

Tôi ngược mắt nhìn lên thấy cô tôi kém vui thực. Đầu người chải không được gọn, mắt thâm lõi, da nhợt-nhạt, môi tái hắn. Người vận cái áo tím cũ, quần

đen chân lê guốc, trông tiều-tụy, không còn yểu duyên-dáng như trước. Điều tôi ngạc-nhiên nữa là không thấy người gọi ai lên trả bài như mọi khi. Chúng tôi chỉ giờ sách ra chép sù-ký theo người đọc. Giọng người hơi run-run, nhiều lúc như hết hơi, phải ngừng lại thở. Sau, cô tôi không còn đủ sức đọc nữa, người nhờ anh Tuấn tiếp hộ. Trong lúc chúng tôi viết, người ú-rú, gục đầu xuống bàn, trông thảm-thương hết sức.

Sao lúc ấy tôi cũng nôn-nao quá, ngồi viết không yên. Thỉnh thoảng

## CÔ GIÁO CỦA CHÚNG TÔI

tôi nhìn lên thấy cô tôi mà lòng xe lại. Cả các bạn tôi cũng vậy, nhiều anh, chị đờ ra nhìn người một cách ái-nghỉ. Cả lớp không ai bảo ai mà cũng có một ý-nghĩ muốn lên an-ủi cô cho người bớt một đôi phaん đau khổ.

Bài sù-ký vừa chấm-dứt, cô tôi ngừng đầu lên kết-luận :

— Các em có kính phục cái chết của Hai Bà không ? Nếu hai Bà là người ham sống sợ chết, chịu nhục, sớm hàng quân địch, có lẽ người cũng còn được quyền cao chức trọng. Nhưng người dè cái danh-dự của người lên trên mọi sự. Các em ơi cái danh-dự ấy mới đáng quý là bao ! Cũng là một cái chết, sao có cái vinh, cái nhục, cái thường. Nhưng cũng có cái làm cho người ta ái-nghỉ, sót-sa, thương cho những người bị oan-ác không chịu nổi sự nhục-nhã, dè nén lên mình.

Rồi cô tôi lên bảng, cỗ nắn nót hai chữ Danh-Dự cho bài tập viết tiếp theo.

Trong lớp không một tiếng vang nào khác ngoài tiếng ngòi viết lê trên giấy. Một đôi bướm ngũ-sắc xô đuổi nhau trên trần không làm cho ai chú ý bằng những nét mặt

của cô tôi lúc ấy. Vẫn nét mặt bor phờ rầu-rĩ ấy, người dăm-dăm nhìn ra sân rồi quay vào mọi phía trong lớp. Sau cùng người chú ý tới chúng tôi hơn cả. Người chăm-chú nhìn từng đứa một và tôi có cái cảm-tưởng như người muốn thu hút hình ảnh chúng tôi vào trong trí người. Nghe tiếng người thở dài, tôi không dám lèng được nữa, liền đứng lên hỏi :

— Thưa cô, sao bữa nay cô buồn quá vậy ? Cô tôi ngần-ngại chưa định trả lời, thì anh Ba lại đứng lên hỏi :

— Hôm nay, chúng con thấy cô khác thường quá, xin cô cho chúng con biết nguyên-do. Trước khi trả lời, cô tôi ngập ngừng, mím chặt lấy môi, mắt hơi rơm-rớm rồi người lại thở dài. Chao ôi ! Cái tiếng thở dài ấy mới náo nuột làm sao !

— Các em ơi, mai cô phải đi xa, xa lắm, có lẽ không bao giờ chúng ta gặp nhau nữa vì thế, cô thấy lòng cô đau như cắt ...

— Sao cô không cho chúng con biết trước. Chúng con quyết làm đơn đồng ký, xin cô ở lại dạy chúng con.

— Không, không thể được,

## CÔ GIÁO CỦA CHÚNG TÔI

không tài nào xin được đâu, các em ạ, vì lẽ gì các em sẽ rõ. Linh trên đã ký xuống rồi, chúng ta chỉ còn cách tuân theo, mặc dầu cô không muốn. Cô biết các em thương cô lắm, cô cũng vô cùng quý mến các em vì trên đời này, cô không còn ai gần hơn các em cả. Cô không quên các em đâu, không bao giờ quên được đâu. Hình ảnh các em, cô đã in sâu trong trí nhớ vì chưa bao giờ, cô thấy lớp nào làm cho cô quyến-luyến hơn các em. Cô... cô...

Cô tôi nghẹn-ngào không nói được nữa, người gục đầu xuống nức nở. Hầu hết chúng tôi đều cảm-dộng muốn khóc.

Tuy vậy, cô vẫn can-dam dạy tiếp bài luân-lý cho đến hết giờ. Bài ấy dạy về danh-dự của con người là thế nào. Trước khi chép bài, cô tôi giăng hay lầm, có lẽ chưa bao giờ cô tôi giăng hay như vậy và cũng chưa bao giờ làm cho chúng tôi chú ý hơn. Đột nhiên cô tôi hỏi :

— Nếu ai làm mất danh-dự của các em, các em sẽ xử trí ra sao ?

— Con sẽ trả lời bằng việc làm của mình.

— Con sẽ kiện họ.

— Con phải đánh người ấy, Đánh chết, tù cũng cam.

Cô tôi ngắt lời :

— Nếu không thè kiện, không thè đánh và không thè bào chữa ngay được ?

— Con sẽ tự vẫn chết.

Câu trả lời của chị Oanh làm cô tôi cúi đầu xuống suy nghĩ. Tay người cầm sách, tôi thấy run, dáng điệu người có vẻ bối rối hơn trước. Người lại đưa bài cho Tuấn đọc để chúng tôi chép. Bài luân-lý vừa xong, tiếng trống tan giờ học cũng vừa nồi. Cô tôi đứng lên muôn nói nhưng vì xúc động quá người nói không nên câu, phải quay vào bảng viết vội mấy chữ :

“ Chào vĩnh biệt các em thân mến ».

Sáng hôm sau, cô tôi không đến trường thực. Cúng tôi chờ đến hơn 9 giờ cũng chưa thấy ai đến thay. Chợt ông Đốc trường hốt ho hốt hãi vào báo một tin gửi :

— Cô Giáo các em đã tự vẫn đêm qua tại nhà riêng. Người ta đem vào nhà thương cứu chữa không được. Có lẽ cô đã nằm trong nhà xác.

Trời ơi, cô tôi tự vẫn chết rồi !

## CÔ GIÁO CỦA CHÚNG TÔI

Cả lớp đều nhao nhao lên bàn tán. Mấy cô bạn gái tôi đã oà lên khóc. Vài anh cũng đầu cũng nước mắt chảy quanh. Sau, chúng tôi quyết định xin phép cho cả lớp kéo nhau vào nhà xác thăm cô tôi lần chót.

Xác người đã đặt trên một cái ghế bõ, mặt phủ một cái khăn màu trắng đã đốm vàng. Cái không khí trong nhà xác mới lạnh lẽo làm sao ! Giá không có tru

... can-  
uam vào đây. Nhưng hôm ấy, tôi  
không biết sợ là gì. Tình thầy trò  
đã khiến cả lớp chúng tôi đều  
mạnh rạn xum quanh người mà  
không thấy ghê. Một anh gan  
nhất, vừa nhắc cái khăn phủ mặt  
người lên, mồm người tràn ra ít  
máu còn tươi đỏ. Chúng tôi không  
ai cầm lòng được nữa, đều ngâm  
ngùi rơi lệ.

Đám tang cô tôi được cất một  
cách đơn giản, nhưng không kém  
phần trang nghiêm do một người  
lạ mặt đứng lên lo cả. Dẫn đầu là  
một vòng hoa cườm lớn của nhà  
trường viếng; rồi đến 6 vòng hoa  
kết trắng chính tay chúng tôi mang  
đến huyệt. Chiếc quan tài của  
người bạc mệnh đặt trên chiếc xe  
trắng, hai ngựa. Theo sau là các

giáo viên cùng tất cả học trò trong  
trường. Cô tôi không có một  
người họ hàng bà con nào ở gần.  
Bạn người cũng ít, tôi chỉ thấy  
lơ thơ vài người đàn bà lạ mặt  
hình như ở cùng nhà, cùng phố.

A, còn một người đạo mạo,  
chắc 30 tuổi, bận âu - phục toàn  
đen, nét mặt hết sức buồn thảm.  
làm cho chúng tôi chú ý lắm.  
Nhất là lúc hạ huyệt, người ấy  
... g là chỉ mọi việc cho phu  
lòng. Khi cô tôi đã nằm sâu dưới  
đất, mồ đã dắp chặt và cao,  
cũng người ấy, đứng ra đầu tiên  
thắp hương, cúi đầu khóc lě. Giọt  
nước mắt của người đàn ông ấy  
đã làm cho chúng tôi xúc động  
mạnh và thầm hỏi : ai thế nỉ ?

Sau chiều hôm đưa đám,  
các báo đều đăng cái chết bi  
thảm của cô tôi gây nên do vợ  
một ông bác sĩ vì ghen bậy, mướn  
người chửi đánh cô tôi khiến  
người uất ức, xấu hổ quá mà tự  
vẫn. Người có dè lại một bức  
thư tuyệt mệnh bày tỏ nỗi oan ức  
của mình, nhưng vẫn sẵn lòng tha  
thứ cho vợ viên bác sĩ kia và yêu  
cầu nhà chức trách đừng làm  
khó khăn ai cả.

Sáng hôm sau, tôi nhận được

## CÔ GIÀO CỦA CHÚNG TÔI

một bức thư gửi đến trường. Vừa cầm phong thư, tim tôi đập mạnh, người tôi run lên vì thoáng trong nét chữ ngoài, tôi biết ngay là của cô tôi viết lại. Tôi đọc đi đọc lại bức thư ấy mấy lần không biết chán. Mỗi một dòng của người quá cố làm tôi nghẹn ngào, khóc lên nức nở, khiến các bạn tôi bu lại xem và một anh dành lấy đọc :

“ Các em thân mến,

Khi các em nhận được bức thư này thì có lẽ các em đã đưa chị đến nơi an nghỉ cuối cùng rồi nhỉ. Chị thành thật cảm ơn các em nhiều lắm. Các em hãy hiểu dùm chị vì chị không làm hổ danh nhà trường và chị cũng không làm xấu các em ; chị tự hào là người xứng đáng để dùn dắt các em trên một quãng đường dài, các em à. Nhưng, tiếc thay quãng đường ấy quá ngắn vì chị chưa đưa các em được đến nơi thì đời chị đã chấm dứt bởi một nỗi oan ác nghiệt.

Các em có tin rằng chị đi cướp chồng và phá tan hạnh phúc nhà người không ? Không, chị lấy danh dự thề rằng không bao giờ chị có cái đã tâm ấy. Vậy mà người ta đã đánh chị,

chửi chị, bêu xấu chị nhiều quá, chị chịu sao nỗi. Thật chị không muốn nhìn thấy mặt ai nữa. Ra đường, gặp ai nhìn chị; chị có cái cảm tưởng như họ vô cùng khinh-bỉ chị. Ai cũng thừa hiểu chị là một nhà mô-phạm ở cái tỉnh nhỏ này, mà cái danh-dự của chị bị người ta chà đạp lên như vậy, chị chịu làm sao nổi ! ... Chị đau đớn và buồn quá các em à. Chị nghĩ mãi chỉ còn một cách là chết đi mới tò hét được nỗi oan của mình.

Các em ơi, chị thương các em lắm vì trên đời này chị không còn ai gần hơn các em. Các em là nguồn sống của chị, nay chị dành bỏ các em lại, tim chị đau, nhói như bị một vết dao đâm. Máu đã tràn ra mắt, chị mệt, mệt lắm rồi, các em à. Lát nữa chị sẽ uống thuốc ngủ để ngủ một giấc dài. Ngủ cho quên nỗi đau, nhưng còn các em, chị không bao giờ quên được. Các em ngoan lắm. Chị chưa gặp được lớp nào hơn các em. Các em cần phải cố gắng hơn lên nhiều nữa, và khi nào có dịp đi ngang qua «nhà» chị, có nhớ tới chị, các em hãy ghé vào thăm, đốt giùm cho chị một nén nhang, bói giùm cho chị

## CÔ GIÁO CỦA CHÚNG TÔI

ít cỏ dại. Mồ của chị đỡ hiu-quạnh được phần nào, ơn ấy, chị xin nhớ mãi.

Các em ơi, thôi chị mệt lắm rồi, chị xin ngừng bút để vĩnh biệt các em. Đời chị như cây liễu nhỏ, cây liễu ấy đã gặp cơn gió to làm bật rẽ, nằm ẹp xuống, xuống mãi. Các em có phương thuốc nào cứu lại được nó sống không các em, các em thân mến ?

Chị yêu dấu của các em,  
NHUNG

Đây là một câu chuyện có thực xảy ra đã quá mười năm ở một tỉnh nhỏ bên kia vĩ tuyến. Nay tôi mới có dịp viết lại để thanh oan cho cô tôi. Tôi mong ai dính líu đến vụ này, có đọc tới, xin hãy cúi đầu im lặng vài phút để mặc niệm người tài hoa, đã vì mình mà mệnh bạc.

**PHÙNG-TUỆ-CHÂU**

(nữ sinh)

## AI SÁI SƯNG RẰM CHÜR

Một nữ ca-sĩ mập thù-lù đứng trên sân khấu, cất tiếng ca đê :

— Ước gì ta hóa thành con chim hoàng-anh bay lên mây xanh..

Một thính-giả ngồi dưới, liền la to lên :

— Thị tôi sẽ hóa ra cái súng bắn cho cô rớt xuống đất bàn !

Cả rạp cười rõ lên, khiến nữ ca-sĩ mặc cổ cút mắt !

## \* LỘN CÓ MỘT CHỮ

Thi-sĩ Pháp Scarron (Thế kỷ XVII), hồi còn thương chị, thấy chị quý một con chó, có làm một bài thơ nhan-đề là :

« Tặng con chó của chị tôi »

(À la chienne de ma sœur)

Sau đó, Thi-sĩ cãi nhau với chị, tức giận chị, liền làm một bài thơ khác, nhan-đề là .

« Tặng con chó chị tôi »

(À ma chienne de sœur) !

B. T.



« Cheng mboat kewao  
Den sonan khaê kao klaw ! »

\* Y - TLƠNG

Bạn Y-Tlơng là một người Việt-Nam-Mới, thuộc về hàng tri thức của dòng dõi Thiều số Radhés, & vùng Cao Nguyên Darlac, Banméthuột, Lang-bian.

Bạn Y-Tlơng thông-thạo về Việt-văn và Pháp-văn. Trong bài này, Y-Tlơng muốn trình bày cùng bạn đọc PHÔ-THÔNG vài bài thơ và bài hát của người Kohos, những bài hát đầy thi-vị ngây thơ mà các chàng trai Kohos và Radhés ưa ngâm-nга nhịp hòe với tiếng Kewao (1) và tiếng sáo, những đêm lặng-lê trong Rừng sâu Núi thăm...

P.T.

— Chi aê ko' lui olo, aê dit ?  
(Em mờ-tuổng cái gì đó, em)  
Chàng Y-Jang thấy nàng J'ong Jirai ngồi mờ-màng trên bờ suối, thì hỏi. Nàng tум-tüm cười, đáp :

— An o' yang mo' aê  
(Không có anh, em buồn quá)  
Rồi Y-Jang rủ J'ong Jirai về nhà.

Cuộc tình-duyên giữa đôi

trai-gái Radhés không phiền-phức như giữa cặp tình nhân Việt-nam đã mất nhiều ngày giờ để trao đổi với nhau những lời nói yêu-đương, văn-hoa mờ-mộng thiệt, nhưng không chắc gì đã thành-thật với nhau lâu. Đôi với Radhés, mộc-mạc chắt-chắc, ái-tình là tiếng nói chân-

(1) Một chiếc đòn riêng biệt của Radhés

## THI CA CỦA RỪNG NÚI

chính của trái tim. Hết yêu nhau là cùn tò thiêt nỗi lòng cho nhau biêt, không dấu-diếm chi. Yêu nhau rồi thì dụng 3 cây nêu, giết ba con trâu và bày những ché rượu gạo, rượu bắp, mời họ hàng làng xóm đến ăn say sưa và hát.. say sưa, ai nấy ngồi chòm hóm chung quanh những đống lửa ngo chói lèo, ánh sáng rực-rỡ khi thì cháy bùng lên như tiếng cười của Ông Yang, khi thì cháy riu-riu như tiếng đón những vong-hồn kẽ chết kéo về dụ-tiệc.

Bỗng một chàng trai, hai tay đập trên mặt trống da cá-säu, hoặc da nai, miệng cất tiếng hát ru-dương :

*Dân me bor tap σ ting dân hlap hoto  
Dân lo borchai σ ting kiu dam tru  
Kiu dam tru σ ting royu borhui  
Kiu dam tru σ ting royni behrað.  
Kiu dam tru σ ting toyai beniong  
O'm bñ koh σ ting tongár me bo  
O'm tam phô σ ting tongár me bla  
O'm tam jå σ ting tongár m' lung  
O'm tam mir σ ting tongár dung  
O'm tam dor σ ting tongár mach  
mað*

(*Nghe lời mẹ dạy, ai ơi, nghe lời cha dạy,  
Nghe lời chị biêt, ai ơi, Kiu lớn ơi  
Kiu lớn ơi, như sợi cõ lung-linh,  
Kiu lớn ơi, như sợi chỉ rung-rinh,  
Kiu lớn ơi, như chuỗi hạt long-lanh,  
Trên chót núi thấy Me Bo,  
Trên sườn núi thấy Me Bla  
Trong nhà tranh thấy Me Lung  
Trong ruộng thấy cây nén Quỷ  
Thần,  
Vào rừng sâu, thấy trăng sao long-lanh !*)

Nhưng ăn-uống say-sưa cũng phải nhớ đến các người đi xa, tiếng hát vang lên như để gọi về: « Hãy về hết, đem cõ về, đem ốc về, về ru cho người đẹp ngủ, về dan gửi cho nàng, về đem mờ xúc tóc nàng, » v.v...

*Ri hè tai tam só rẽ bot gah  
Ri hè tai tam só rẽ kah ar  
Ri hè tai tam mb mē tam to  
Ri hè tai tam sa só rẽ bar lo,*

Đến lượt chủ nhà bước ra đứng cạnh đống lửa ngo (ngo = cây thông), cất tiếng hát, trong lúc mấy chàng trai đập trống, đánh phèn la, và thổi sáo. Đây



là lời mời các vị Thần Núi,  
Thần Rừng, Thần Đá, về uống  
rượu :

*Yang bô nóm Sôrlut*  
*Lu Pômpil*  
*Lot niu (1)*  
*Bô nóm Gungreh*  
*Bô nóm Gungrang*  
*Yang Gungkla*  
*La Gunggong*  
*Tong Bel*  
*O' Yang*  
*Bô nóm K'yah*  
*Brah-Yang*  
*Bô nóm Sôligras*  
*Lat niu*  
*O Yang ! (2)*

Và bây giờ muôn cho đốt  
trai tài gái sắc được hưởng  
đầy-dủ hạnh-phúc, một chàng  
trai khác cất giọng ca, nhịp với  
tiếng đòn Kow'ao. Chàng kêu  
gọi Trời, Mây, Gió, Núi, các vị  
Nữ-Thần Brong-Mè-Yang trao  
cho các loài chim đem về cho.

(1) *Lot niu* : về uống rượu

(2) *Yang* : ông Thần. Những  
chữ viết hoa là tên các ngọn núi  
ở Lang biang, Djiring...

## THI CA CỦA RỪNG NÚI

nàng các thức ăn, « con chim chích-chòe đem về hoa, cỏ, con quạ đem gạo, con sáo đem nước, đem về cho Jang Jirai » :

O'n biap dō ur so'njang

O'n piang dō ur Kbndā

O'n da dō ur bbrling

tus duo ó K'Jang Jirai !



Nhưng không khỏi có một chàng trai khác & suron núi kia, buôn-bã không đến uống rượu mừng đám cưới của nàng.

Đáng lẽ nàng Jong Jirai là vợ chàng, vì chàng đã yêu say mê, nhưng tại chàng sao đó nên nàng tức giận, không yêu chàng nữa, mà yêu Y-Jang. Đêm nay nghe tiếng trống, chàng rầu-rĩ cất tiếng lên ca :

« Ai đánh trống ở nhà ai bên làng em, hỡi ai đánh trống & nhà ai bên làng em ? » :

(Chau di sô ngör duk rb duk tam hin boum mi duk rb dung tam hin boum ? )

Chàng ưa nước mắt, muối khóc, nhưng ráng ca lên cho gió nghe, để gió đưa lời than thở đến tai nàng :

— Không có em, anh buồn lắm, em ơi !

An Ó yang mb ae !

An Ó yang mb ae !

Tiếng hát trầm trầm, lâm ly, bay theo cánh gió...

Nàng Jong Jirai âu yếm gục đầu vào vai chồng, lặng lẽ không nói gì.

Người chồng cũng nghe được lời ca văng-vảng, nhưng làm thính để rồi một tháng sau, chàng hành diện hát một câu, để đáp lại người tình cũ tuyệt vọng của vợ mình.

Chàng lập đi lập lại hai ba lần :

« Nàng Yong Jirai bảo ta đิ hái cho nàng trái cam, nàng thèm cam chua vì nàng có chửa ! Vì nàng có chửa !

« Yong Jirai sur lot joë plae



*Kroach lang so to'hir bun  
Khae ! to'hir bun khae ! »*

• • • • • • • •  
Rồi chín tháng sau, chàng lại  
hát câu khác, vừa hát vừa  
thổi sáo :

(Ai ơi, sáo ai đâu, thổi lên !  
Để mừng cho Y-Den, con  
trai ta, nàng mới sanh)

Để mừng cho Y-Den con trai  
ta, nàng mới sanh).

*Cheng mboat kewao  
Den sonan khae kao klaw !  
Den sonan khae' kao klaw !*

Hát xong ba lần, chàng cười  
lên một chuỗi cười vang dội cả  
góc rừng khuya... Rồi chàng lại  
thổi sáo.., rồi lại hát tiếp, say  
sưa dưới ánh trăng vàng :

*Chang mboat kewao !  
Den sonan khae kao klaw !  
Den sonan khae kao klaw !*

• • • • • • •

Y. TŁOŃG



THÀNH  
BẮC - KINH

là công - trình  
của một người

VIỆT - NAM

**B**ÀO rằng chính một người Việt-Nam đã xây dựng thành Bắc-Kinh của Tàu, hẳn làm ngạc nhiên lắm người. Vì ai chẳng cho rằng mọi ngành học-thuật của người Việt là chịu ảnh hưởng của người Tàu. Nhưng, sự thật thì thành Bắc-Kinh quả là do một người Việt xây nên. Người Việt ấy là NGUYỄN-AN sang Tàu về đời nhà MINH vua ANH-TÔN, và làm quan Thái-Giám, triều Minh. Trong quyền « Kinh thành ký thắng » của DƯƠNG-SĨ-KỲ, một quan lại triều Minh có tiếng thời-ấy, có bài « Thành ré, cùng ca ngợi cái tài của Nguyễn-An trong công cuộc kiến trúc đại qui-mô và lộng lẫy ấy. »

NGUYỄN-AN sao lại sang Tàu và làm quan bên nước ấy?

Trước kia, người Trung-Hoa phát minh ra cách chế tạo giấy, họ dẫu vững độc-quyền, không cho người nước ngoài biết, cho mãi đến khi có cuộc chiến tranh giữa người Trung-Hoa và người Thổ-nhĩ-Kỳ. Trong số tù binh Trung-Hoa, có những người thợ làm giấy, do đó nghè làm giấy mới truyền sang Trung Á rồi dần dần, lan đi sang Âu. Có lẽ cũng do một trường-hợp tương tự, lúc nhà Minh chiếm lấy nước ta,

có bắt đem về Tàu một số người, nào nhà sư, nào thợ thuyền. Lúc ấy là đời Minh Thành-Tồ, trước đời Anh-Tôn không bao lâu. Ông Nguyễn-An có lẽ ở trong số người bị bắt ấy, và cái tài của ông hẳn được người Minh chú ý và cất nhắc vào làm quan.

Thành Bắc-Kinh, trước đó xây theo kiều-mẫu thành cũ của nhà Nguyên, nhưng các thè thế chưa được hoàn toàn. Đầu niên hiệu Chinh-Thống, vua Anh-Tôn mới hạ chiếu « Ý dụng nó lại cho hoàn hão. Khi lệnh ban xuống. Công-bộ thị lang là THÁI-TÍN có lời tâu rằng công cuộc tu sửa thành cho hoàn hão, ít ra phải dụng đến mười tám vạn phu mỗ, còn phần phí tồn cũng rất to tát. »

Vua Anh-Tôn nghe thế, chẳng giao công việc ấy cho bộ Công nữa, dùng riêng ông NGUYỄN AN cho sung chức TÒNG-ĐỐC CÔNG, đốc xuất quan Đô-dốc Ngô - Trung khởi việc. Ông Nguyễn-An chỉ dùng hơn một vạn lính đang tụ tập ở kinh thành để thao luyện, khởi sự từ đầu niên hiệu Chinh-Thống (1436) đến năm thứ tư (1439) thì xong tất. Công trình ấy có những kiến-trúc như sau :

Nội thành gồm hai cung, ba điện, năm phủ, sáu bộ và các công thự, các ty. Ngoại thành, có cửa Chánh-Dương gồm một Chính-lâu và ba gian Nguyệt-thành-lâu, và tám cửa phụ mỗi cửa có một Chính-lâu và một Nguyệt-thành-lâu. Ở ngoài các cửa đều có một cái bi-lâu. Góc thành Tây có dựng một giác lâu. Bốn phía thành đều có dào hào sâu bao bọc trọn vẹn, hai bên bờ hào đều xây gạch. Trước kia, chín cửa đều có một cầu gỗ, giờ phá cầu gỗ xây cầu đá vào; dưới các cầu đều làm cổng nước, khiến nước trong thành hào, từ mé tây-bắc thành theo con đường vòng thành chảy qua phía đông, chui qua chín cầu chín cổng, đến mé góc đông nam thành rồi đổ ra cầu Đại-thông.

Khi đã hoàn thành, thành Bắc-

kinh trông rất rực rỡ nguy nga, mọi người đều tán thưởng và thán phục tài người xây cất là ông Nguyễn-An. Với công tác ấy, ông có công to với triều Minh, ông rất được nhà vua trọng dâng và tín dụng.

Ông mất vào năm Cảnh-thái thứ tư (1453), vua nhà Minh rất thương tiếc. Tài của ông đã được sách sử Tàu ghi chép; lại bình sinh ông sống liêm khiết, không ham phú quý, nhà vua thường ban đồ vật cho, ông đều đem sung làm của công nén người Tàu rất kính phục phầm cách của ông.

Đề kết thúc bài này, ta có thể nói rằng: ở bất cứ ngành nào, nếu có hoàn cảnh cho ta thi thoả thì người Việt ta đều khiếm kè ngoại quốc nể mặt, kiêng tài

Có người hỏi nhà Văn Groucho Marx:  
— Tại sao anh cứ chạy theo đàn bà hoài vậy?  
Văn-si trả lời:  
— Chạy theo họ, họ mới không bắt đc gãy mình!

B. T.

**Chung quanh một bài của giáo-sư  
BỬU-KẾ trong tạp-chí ĐẠI-HỌC, Huế**

**Giặc Chày vôi của  
Đoàn - Trưng  
mưu toan truất phế  
vua Tự - Đức  
như thế nào ?**

\* NGUYỄN-QUANG

(Tiếp theo P.T. số 31)

**VUA TỰ-ĐỨC TỰ GIẢI  
OAN . . .**

**S**AU khi dẹp được GIẶC CHÀY VÔI nỗi dậy giữa kinh thành, nhó tối, nhà vua đem lòng kinh khủng, nên để dịa lòng bá tánh đã ra dụ rằng :

« . . . Các Triều vương trước đều có dự trù xây lăng mồ khi bắt đầu lên ngôi. Nay

Trẫm, hay đau ốm, phải lo trước hậu sự. Triều thần, nhiều lần nhắc nhở việc ấy, nhưng Trẫm chưa nhứt định. Thủ coi 19 năm ngồi trên ngô, trong cung điện, các vườn Ngự-uyển Trẫm không lo sửa sang nơi nào cả, quí hờ ăn ở được thời thôi. Thậm chí trong cung nội có nhiều chỗ dột nát, Trẫm cũng không thèm cho sửa chữa.

Vì một nỗi, Trâm sợ hao phí tiền của và lo sợ dân quân khổ cực.

Nói cho đúng, theo tục lệ xưa nay, bao giờ cũng vừa xây lăng và điện thờ. Song Trâm cho làm chung một lần, kéo hao tổn. Nếu xây lăng, thình lình Trâm băng hà, Triều thần, theo lẽ luật phải xây thêm điện thờ. Cho nên, Khiêm Lăng, tiếng nói rằng mới, kỳ thật, chỉ có 2 điện trước và sau.

Tại sao công việc kéo dài ra? Vì thiếu tài liệu vật liệu và gió to nước lớn, lụt bão, chờ Trâm mong muôn công việc xây cất được nhẹ công bớt của, cho đỡ khổ dân quân...

(Khởi công xây cất Khiêm Lăng tháng 9, Tự-Đức thứ 17 đến tháng 8, Tự-Đức thứ 20 — 3 năm — 1864 — 1867 dương lịch).

Đây, chúng ta hãy nghe thêm nhà vua nói tiếp : «... Phàm những kẻ có tai để nghe, mắt để thấy, chắc thấy rõ lòng chân thành thương dân thương nước của Trâm. Nếu có lỗi hay không, thì sao che đậm được.

Còn những kẻ có bốn phận đứng trong nom công việc xây

cắt, tốt xấu thế nào, quả thật Trâm không được rõ, và cũng chẳng ai tâu cho Trâm hay biết.»

Đó, nhà vua đã tự thú nhận không hề hay biết những người dưới tay mình tốt xấu thế nào, làm khổ dân cách nào, trong khi xây cất Khiêm Lăng.

Thảo nào, công việc xây cất Khiêm Lăng làm khổ cực dân chúng, nhà vua không thấu rõ thì làm gì nhà vua lại triệt thấu những thời cuộc quốc tế?

Bởi thế, quân Pháp và quân Y Pha Nho đem binh chiếm lần đắt đai, nhà vua vẫn chưa chịu thôi việc giết đạo.

Trung-Úy Gosselin đã phê bình vua Tự-Đức, mấy lời như sau : «... Vua này (vua Tự-Đức) cơ hồ như bị giam lỏng trong cung cấm, chỉ được phép tiếp xúc với Hoàng thân và vài quan đại thần. Còn khi ra khỏi cung điện — đi săn bắn chẳng hạn — đi tề Nam-Giao, hoặc đi thăm lăng - tẩm của Tiên vương, hay đi tuần du, nhà vua đi tối đâu, già cả lớn bé, dân chúng đều phải trốn tránh, các quan đều quì mọp, cúi mặt, không dám nhòm lên.

Vua như thế, làm gì có thể

## GIẶC CHÀY VỎI

chống lại chúng ta ? Nhà vua chỉ  
nghe thấy rõ ở Cơ Mật Viện»  
(« Việt-Nam trên đường suy  
vong » của Bùi quang Tùng)

### CÁI CHẾT KHẨU NGHĨ...

Cần lập lại một lần nữa,  
Hồng-Bảo là con trưởng vua  
Thiệu-Trị, lè tự nhiên, theo  
luật nước xưa nay, được lên  
ngôi báu, sau đó cha mất.  
... sau khi vua  
Thiệu-Trị mất, Hồng-Niệm —  
con bà Từ-Dũ — con thứ  
được lên ngôi, xưng hiệu là  
Tự-Đức.

Sau khi vua Tự-Đức lên  
ngôi, một điều thắc mắc nhứt  
là Trương-Đăng-Quế được  
trọng dụng và được phong  
chức tước cao nhất Triều.

Điều đó có thể cho mọi  
người có quyền ngờ vực rằng  
dư luận cho rằng, Trương-  
Đăng-Quế thông dâm bà Từ-  
Dũ là đúng đắn được phần nào.

Cũng như đời nhà Trần,  
Trần Cảnh lấy bà Lý-chiêu-  
Hoàng đó vậy.

Ông Bùi-quang-Tùng (*Trầm  
Thương*) nhìn nhận Hồng-Bảo  
là người hay chữ nhứt, hơn  
Hồng-Niệm (Tự-Đức), mà lại

có óc tân tiến hơn.

Đúng như thế, sử chép, 2 ông  
Hoàng này đều là học trò  
của Tương-An quận công  
(TƯƠNG-AN) là con vua  
Minh-Mạng và cháu của hai ông  
này).

Theo « *Trầm Thương* » của  
Bùi-quang-Tùng, Hồng-Bảo  
học «... lúc thời giao du  
rộng rãi, thân thiện với các  
thương gia ngoại quốc, hoặc  
Hoa-kiêng, Pháp, Y-pha-nho và  
Bồ-dào-nha... thường lui tới  
mua bán ở Huế và Đà-Nẵng.

Nhận thấy như thế, nên các  
Triều-thần lo sợ, mai kia, Hồng  
Bảo lên ngôi sẽ theo Tây mất?

Hơn nữa, lúc này, các quan  
Triều-thần vẫn giữ lập trường  
bài ngoại, thiệt lòng tả đạo,  
nên mới có việc loại Hồng-  
Bảo ?

Hồng-Bảo cảm thấy bị truất  
phế là do Trương-Đăng-Quế,  
nên đã cùng Tôn-thất-Bật thành  
lập hội kín, cùng nhau mưu  
đồ đại sự. Cho người bí mật  
sang Xiêm và Cao-Miên xin  
viện binh, nhưng nửa chừng  
bị bại lộ.

Các người chủ mưu đều bị

đem ra xử cả.

Theo bản án, An-Phong-Công trở thành thứ dân, không thuộc Hoàng-gia, phải mang họ mẹ là Đinh tộc và bị xử tử.

Nghĩ tình huynh-dệ, vua Tự-Đức tha chết, nhưng An-Phong-Công bị cầm cổ.

Giả thuyết khác nói rằng Hồng-Bảo thất cổ tự tử. Thiết là một cái chết khó hiểu.

Người ta không thể đe quyết, Hồng-Bảo tự sát được. Mà chắc chắn Trương-Đăng-Quế và phe đảng ông này ra lệnh bí mật giết Hồng-Bảo, hoặc nhà vua nghe lời siêm nịnh giết Hồng-Bảo.

(*Hồi Cố Ngâm* của *Biru-Cầm*, trang 12).

Bởi vậy mọi người đều không có quyền phủ nhận công cuộc âm mưu lật đổ ngai vàng Tự-Đức của Hồng-Bảo là:

a) Hồng-Bảo muốn tranh ngai vàng của em là Hồng-Niệm. Vì lúc này ông đang túc bực cả một chế độ triều thần siêm nịnh đang nằm trong tay Trương-Đăng-Quế.

b) Hồng Bảo thường thô-lộ, muốn làm vua một ngày, để xử tử Trương-Đăng-Quế cho hả dạ.

Xem sự căm hờn của Hồng-Bảo như thế, người ta đe quyết việc loại Hồng Bảo là do Trương-Đăng-Quế.

c) Hồng Bảo âm-mưu lật-dổ Tự-Đức và sau này vụ Đoàn-Trung đã nổi lên cả sự vụng-về của vua Tự-Đức trong việc trị nước.

d) — Nếu vua Tự-Đức quả thật em vua Thiệu-Trị, em Hồng Bảo, thì dù sao, Hồng-Niệm vẫn còn chút tình máu mủ thương anh mình?

e) — Tại sao Hồng-Niệm lại không cho anh mình một chức tước trong Triều. Vì, sau khi bị xử-tử, tha chết, giam lỏng, lại đe cho Hồng-Bảo chết trong ngục?

Đó là những điều đáng nói, để minh-xác cái chết khắc nghi của Hồng-Bảo và trình-bày lại cả chế-độ bất công của triều-định Tự-Đức.

TỰ-ĐỨC LÒ HƠI NHÌ  
CỜI GIẬP ?

Theo sách sử và những lời truyền khẩu, vua Tự-Đức là con Trương-Đăng-Quế thông-

## GIẤC CHÀY VỎI

dâm bà Từ-Dũ.

Có người cho rằng vua Thiệu Trị có 60 người con — cả trai lẫn gái — ít tuần du, thì việc thông-dâm nói trên, e không có.

Người khác lý-luận rằng, đã có tình thông-dâm, mặc dầu nhà vua không ra khỏi cung-diện, bà Từ-Dũ vẫn thi hành được đe-dàng, mỗi khi Trương-Đăng Quế tự-do ra vào cung cấm.

Có kẻ lại nói rằng Trương-Đăng-Quế là long-trí-hộm là mai anh em ruột, vì 4 câu thơ như sau :

— Câu chuyện như thế này, vua Tự-Đức trong yến-tiết vui vầy với Triều thần tại vườn ngực uyển, khi ngài nhai miếng thịt, rằng cần phải lưỡi, nên ngài sinh các Triều thần, lấy để tài — rằng cần lưỡi — làm thơ.

Trương-Đăng-Quế làm 4 câu thơ nho :

*Ngà sinh vi tiền cảnh vị huynh,  
Nhữ sinh vi hậu cảnh nan  
huynh.*

*Tùng cam vị khởi đồng quân túc,  
Hà nhẫn tương đồng cốt nhục-  
tinh.*

Tạm dịch :

*Ta để trước, ta là anh.*

*Chú đê sau, sao ché làm anh  
được ?*

*Miếng ngon bài ngọt cùng nhau  
chia mới phải.*

*Hà có sao lại cần lùn nhau đê  
mà ?*

Theo ông du-luận kia thì rằng và lưỡi là anh em, là ám chỉ Trương-Đăng-Quế và Tự-Đức là anh em ruột đó.

Ghi lại đây để độc-giả phán xét, thực hư thế nào, còn đợi các sử gia trả lời.

Nhưng, theo thiển-ý chúng tôi, 4 câu thơ kia, có thể không phải của Trương-Đăng-Quế, mà là của một vị đại thần khác, sau khi đau đớn cảm thương cái chết của Hồng-Bảo, có ý mượn thơ, để nói lên những lời trách móc nhà vua không biết thương anh mình ?

## CAO-BÁ-QUÁT

Sử còn ghi lại, Cao-bá-Quát là một văn-nhân tài ba lõi lạc trong thời, chỉ làm tói chức Hành-Tẩu bộ Lễ, thì đủ rõ phương pháp tuyển lựa nhân tài ra giúp nước của triều Tự-Đức là thắt sách.

Tại cửa nội, vua Tự-Đức có

cho dán 2 câu đối như sau đây  
do Vua đặt ra :

*Thần khà báo quân ân.*

*Tử nồng thừa phụ nghiệp.*

Nhìn thấy, ông Cao-bá-Quát liền lấy bút ra viết dưới 2 câu đối đó, mấy hàng chữ : « Luân thường đảo ngược ». Như thế, theo thiển kiến chúng tôi nghĩ rằng, ông Cao-bá-Quát muốn ám chỉ cái chết oan uổng của Hồng-Bảo hay muốn nói, em lại được làm vua, anh bị loại, là luân thường đảo ngược ?

Ông Cao-bá-Quát lại sửa 2 vế ấy là :

*Quân ân thần khà báo*

*Phụ nghiệp tử nồng thừa.*

Bảo rằng vua Tự-Đức hay chữ hay thơ, khi làm ra không ai có thể sửa chữa được. Chó thơ của nhà vua lại bị Cao-bá-Quát sửa, thì hẳn nhà vua chưa toàn hay chữ vậy.

Vì những cái «ngỗ» của Cao-bá-Quát, nên vua Tự-Đức đem ra «trù» ông mãi, để sau này, Cao-bá-Quát đứng lên phất cờ khởi nghĩa, chống nhà vua.

Dưới triều Tự-Đức, khắp nước đều có giặc giã nỗi lên và

giữa kinh thành, Đoàn-Trung lại dấy binh công hảm thành nội, xô ngã Tự-Đức, phò UNG-ĐÀO lên ngôi, cho phù hợp tình thế mới.

UNG-ĐÀO về sau bị bắt buộc đổi mẫu tánh là ĐINH-ĐÀO, làm cho chúng ta sực nhớ tới BỦU-ĐÌNH cũng phải thay họ là TẠ-ĐÌNH.

### **TƯƠNG - AN Quận Vương khóc nhớ HỒNG BẢO**

Như đã nói ở đoạn trước, từ Gia long xuống Tự-Đức, mới có 4 đời, vua Tự-Đức đã viết lại nhiều trang sử đen tối nhất.

Trong nước, khắp nơi, đều có giặc nỗi lên chống nhà vua. Bên ngoài, giặc Pháp và Y-Pha-Nho đem binh vào đánh chiếm lần đắt dai.

Theo Bửu Cầm (một người Hoàng tộc), trong bài tựa « *Hoài Cố Ngâm* » do ông chú thích, trang 4, có đoạn : « ... Hồng Bảo, học trò Tương An quận vương. Tương An quận vương húy là Miên Bửu, tự Duy Thiện, hiệu Khiêm Trai, thụy Cung Nghi, con thứ 12

vua Minh Mạng, mẹ là Hồ-An-Tân, người huyện Gio-Linh, tỉnh Quảng Trị (Trung Việt).

Quận Vương sanh ngày 19 tháng 4 Minh Mạng nguyên niên (1820 dương lịch) là chú và thầy học của Hồng Bảo... Chú cháu và thầy trò Tương An coi Hồng Bảo là người bạn tương tri, đồng quan niêm xã hội mới. Khi Hồng Bảo bị hại, Tương An vô hạn đau thương, nguyên chết theo bạn theo cháu, để khởi trông thầy cảnh đen bạc của nhân tình thế thái...

Ông Bửu Cầm đã nói « Khi Hồng-Bảo bị bắt... », cũng đủ cho ta thấy rõ, việc âm mưu loại Hồng Bảo, và giết ông là do Tương đăng Quế và Tự-Đức?

Nhưng, theo Bửu Kế (tập chí Đại Học số 6 và 10) nói, vua Tự-Đức tha chết Hồng-Bảo, là rong luong. Hai ông Bửu Cầm và Bửu Kế đều là người Hoàng Tộc, nhưng nói tới cái chết của Hồng Bảo thì Bửu Cầm khách quan. Còn Bửu Kế lại chủ quan.

Ưng-Đạo mang họ mẹ là Đinh-Đạo, về sau, bị giết

và nhà vua cho lùng bắt người con Đinh-Đạo tại nhà ông Phò-Mã Nguyễn-Đinh-Tú.

Không giết Thé-Cúc (vợ Đoàn-Trung, con gái Tùng-Thiện-Vương), thì nhà vua vẫn chưa hẳn rong luong.

Có phải nhà vua, hay phe Trương-Đặng-Quế với bà Từ-Dũ, theo thiên ý chúng tôi, muốn bứng tận gốc dòng giống Hồng Bảo một cách khéo-léo, kéo sau này, sanh ra nhiều hậu-hoạn làm mất ngôi báu của mình đó chăng?

Tập *Hoài-Cô-ngâm* của Tương An, trang 5 có những câu thơ:

*Cơ chi cỏ đá ba sinh,  
Đập sầu lấp thẳm cho đanh dạ nhau.  
Mở quyền vàng trước sau gầm-ghé,  
Chạnh ngàn xưa nhè kẽ tri-âm.  
Xiết than, khóc tui buồn thẳm.*

*Tiếng tiêu Ngũ Tư khóc  
cầm Ung mòn*

(TƯƠNG-AN QUẬN-VƯƠNG)

Bửu-Cầm bình. — Rồi cứ theo giọng của kẻ bắt đầu chí ấy, tác giả lần lượt dẫn ra những điển tích về các bậc trung lương xưa, vì bị hench thắn đỗ ky phải chịu tội tình oan. Có lẽ lúc đó, vua Tự-

Đức đã sơ viễn Tương-An, như Sở-Hoài-Vương từ bỏ Khuất Nguyên, khi người bị đại phu Cận-Thượng kèm pha...

Bửu-Cầm tiếp theo : «... Tương-An thương nhớ Hồng-Bảo chết oan, để thương nhớ, Vương đã làm ra tập *Hoài Cổ Ngâm*, cho ta nhớ tới câu chuyện Bá Nha đoạn tuyệt đường tor, khi nghe Chung-Tử-Kỳ đã thành người thiên cổ. Cao-Tiệm-Ly ôm cây đàn trúc sang đất Tần, để mong rửa hờn cho liệt sĩ Kinh Kha...» (Hoài Cổ Ngâm trang 6, 7).

Bửu-Cầm khi ghi lại cái chết oan của Hồng-Bảo, đã nói lên cả chánh sách độc tài của một triều đại, với một khách quan hoàn toàn khác hẳn Bửu-Ké.

### HỒNG-BẢO SỬA SOẠN SANG SINGAPORE ĐỂ CẦU VIỆN NGƯỜI ANH

Xét ra, Hồng-Bảo cầm túc không được lên ngôi thì ít, nhưng túc giận cả một chế độ bắt công đang để cho Trương-Đăng-Quế lộng quyền thì nhiều.

Trong một lá thư riêng gửi cho giáo sĩ PELLERIN, Hồng-Bảo cam kết, khi lên ngôi, sẽ ngưng hẳn việc cấm đạo.

Chúng tôi xin nói, đó là một việc thực thời của Hồng-Bảo.

Cuối giêng người bắt được Hồng-Bảo đang dự-bị xuất-ngoại, qua Tân-Gia-Ba cầu người Anh viện-trợ.

Một chiếc tàu cập bến đợi đưa ông sang tàu lớn, để xuất-ngoại. Trong chiếc tàu này có khí-giới, lương-thực. Nhưng, việc này bị bại-lộ, Hồng-Bảo toan tự-tử.

Vua Tự-Đức đã tha Hồng-Bảo và hứa sẽ bao bọc anh toàn vẹn, thì tại sao lại để anh chết trong ngực ?

Theo lá thư của Galy đk ngày 15-1-1852, tạp chí *Les annales de la propagation de la foi*, bộ XXV, 1853 những trang 35, 38 nói rằng : «... Hồng-Bảo không có ý dành ngôi em. Nhưng, lại muốn được làm vua một ngày, để giết Trương-Đăng-Quế cho bả dạ...

Nếu đúng như thế, Hồng-Bảo đã cầm-túc cả một chế-độ lối-thời rồi.

Giáo-sĩ Pellerin, trong một bức thư viết năm 1854 (*Les an-*

nales de la propagation de la foi, bở XXVIII, nǎm 1856, nhũng trang 114—117, cho môt vài chi tiết : «... ông Hòng-Bảo bị kêu án tử hình, tuy đưốc nhà vua tha nhũng bị tống giam. Ông Hòng-Bảo không chịu nỗi, bèn xé mùng ra thắt cổ chết. Nhà vua cho chôn cất không có nghi lễ. Thi hài ông bỏ trong quan tài đơn-sơ và hạ xuống môt cái huyệt tẩm-thường, lấy đá và đất đắp lại. Theo tục lệ xứ này, mai táng cách ấy là sī-nhục người chết.»

Nhà vua sợ lòng dân hoang mang, giả nhân giả nghĩa tha anh, nhũng rồi anh lại bị giết oan. Tại sao Đinh Đạo lại bị giết và cả nhà bị xử tử ?

Tại sao Đoàn-Trung, chủ động trong việc lật ngai vàng, mà vợ lại không bị giết, để rồi về sau bà phải tự-tử ?

Tuy rằng, bản án do Hội đồng nhiếp-chánh xứ. Nhũng nhà vua có quyền can-thiệp tha cho Đinh-Đạo và cả gia đình cháu mình, mới gọi là rỗng lựong.

Tại sao nhà vua lại làm ngo, để cháu và gia đình phải bị tử

hình môt cách thương tâm ?

Đứa con của Ưng-Đạo còn nhỏ dại, biết gì lại bị bắt, nên quan đại thần Trần-tiễn-Thành phải bị giáng chức.

«... il fut rétrogradé d'un degré pour n'avoir pu en sa qualité de ministre de la guerre, découvrir l'enfant Đinh-Đạo...»

(Tiểu sử Trần-tiễn-Thành do Đào-duy-Anh viết).

Bửu-Kế nói : «... vua Tự-Đức không phải môt ông vua độc tài chuyên chế như người ta bảo, là phần đông công việc đều do đình thần quyết nghị. Còn nếu quả là môt vị vua độc tài, tại sao khi bắt đưốc giặc, thì chéra đầu, hà tất phải thanh minh làm gì cho mệt...»

Ông Bửu-Kế nói như thế cũng phải, nhũng theo ý chúng tôi, vẫn chưa phai chút nào cả. Bởi chưng, dù mau dù chậm, thê nào Đoàn-Trung cũng phải lên đoạn đầu dài, thì việc đem Đoàn-Trung ra chém liền, khi bắt đưốc, chưa nên làm vội. e sợ công luận hoang mang, buộc nhà vua phải tự minh oan đó.

Qua nhũng lời minh oan của vua Tự-Đức, người ta thấy rõ, nhà vua đã vụng về trong

vìệc giữ nước.

Hơn nữa, không phải chỉ một việc xây cất Khiêm-Lăng khổ cực, mà Đoàn-Trung mượn có, để khỏi nghĩa chống nhà vua, mà cả một trang lịch sử đen tối nhứt — đối nội và đối ngoại — khiến cho toàn dân đem lòng phản uất, để rồi khi Đoàn-Trung đứng lên, mọi người đều theo vậy.

Khi đêm Đoàn-Trung ra hỏi cung, Trung nói rằng : «... vì nhận thấy Ưng-Đạo tướng mạo khôi ngô, nên phò lên ngôi, để nhờ hưởng lộc cả...»

Câu nói của Đoàn-Trung, nghe qua, rất chát phác, nhưng bao hàm một ý nghĩa lớn lao. Nghĩa là Đinh-Đạo còn khôi ngô hơn Hồng-Niệm (Tự-Đức) còn khôn ngoan, còn thông minh, còn hiểu thời thế hơn Tự-Đức.

Vua chỉ ngồi trên ngai vàng, để xem tâu sớ, các quan tha hồ

nói khoác lác, lập phe đảng bưng bít những điều ai oán của dân.

Khắp nơi trong nước đều có giặc già nỗi lên. Ở ngoài giặc Pháp và Y-pha-Nho nã súng chiếm lần đắt dai.

Hồi nhà vua như thế, làm sao không có Đoàn-Trung được?

Sống giữa thời ấy, nếu không có Đoàn-Trung, chúng tôi tin chắc sẽ có Đoàn-Trung khác đứng lên khỏi nghĩa vậy.

Thế nên, người ta thấy CAO-BÁ-QUÁT, một văn nhân lỗi lạc sanh ra không gặp thời may vận đỗ, làm nên sự nghiệp công ích lợi cho nước non nhà, thì đã rõ cái chế độ Tự-Đức ra sao rồi.

Cứ xem mấy lời của nhà vua ở đoạn trước, phê vào só tướng Hoàng-kế-Viêm gởi về xin binh tiếp viện, dù rõ quan-niệm vị kỵ của nhà vua chỉ lo cho «mẹ con Trảm».



## \* TÍNH KHIÊM NHƯỜNG .

Nhà văn-hào Pháp Henry de Montherlant nói :

— Tính khiêm-nhường đáng khen thât, nhưng nó chỉ là một tính tốt, chứ không phải là một sức mạnh.

(*La modestie est une vertu, ce n'est pas une force*).

★ THƠ ★

**Con**

**chim sẻ**

Nó bắt đầu	Nó gặp
sông đồi bờ vờ	Lão Diều Hâu
lặng lẽ	(mà nó cho là Chúa Tể...)
Nó bay từ núi đồng	Nó run sợ
qua sông bék	nhiên những nanh vuốt khoẻ
Thu đi	(những khỉ giài sát sinh thật dẽ)
rời thu về	Nó tinh thoát thân
Thu đi	Nhưng
rời thu về	Lão thát lẹ
Ngày nó nghe	Võ được ngay lấy nó
lá vàng kê lè	mà cầu xe
Đêm	mà cầu xe
tiếng than dun đẽ	mà cầu xe
Nó từ chối	(tuy miếng nói quá bé)
Nó hối hận	Nó quẩn quại
mọi cuộc sống tập thể	trong xơ xác mâu me
Nó THƯỜNG	trong chiếc mồm ngoéo ngoe
cuộc sống lè thê	Nhưng nó chợt hiếu
YÊU	Nó kêu thát khẽ
những ngày buồn tẻ	(tiếng cuối cùng) :
Rời một ngày kia	— Mẹ !
(nó không ngờ nhau thế)	
khi nó qua một quãng rừng	NGUYỄN ĐÌNH GIANG
một quãng rừng vắng vẻ	(DALAT)

.....  
TÁN  
ĐÀ

.....



# Nguyễn-khắc-Hiếu (I)

★ Giáo-sư NGUYỄN-VĂN-CỐN  
(Paris)

**L**À N đầu tiên ở Pháp, ngoài các lớp học chuyên ngữ, người ta làm lễ truy-niệm nhà Thi-hào Nguyễn-khắc-Hiếu, chứng tỏ rằng « Hội Thân-thiện Pháp-Việt » vẫn tôn-kính các giá trị tinh-thần và học-thuật của hai nước chúng ta.

Nguyễn-khắc-Hiếu thuộc về Thi-phái nho-gia đã được cấu-tạo

ở Việt-nam trong hai-chục thế-kỷ Văn-học. Nhờ mười Thế - kỷ Độc lập (907 — 1884), Thi-phái Nho-gia đã dần dần thoát-ly

---

(I) *Thuyết-trình trong đêm Dạ hội kỷ-niệm Tân-Đà tại Đại-học xã Paris, do hội Amitié France-Việtnam tổ-chức.*



ra khỏi ảnh-hưởng Trung-Hoa. Nó đã tự rèn luyện lấy một văn - chương riêng biệt, vững chải, mặc dầu phải dùng các diền-tích, hình ảnh và lối hành-văn của các sách cổ-diển Tàu, như, quyển *Thi-Kinh* của Khổng-Tử chẳng hạn.

Xây dựng căn bản trên một gia-tài quốc gia dồi-dào phong-phú, và nhờ khả-năng sáng-tác truyền-thống của dân-tộc, Nho-phái đã ngự-trị trên Văn - đàn Việt-Nam cho đến khoảng năm

1920, và đã sản-xuất rất nhiều kiệt-tác.

Nguyễn-khắc-Hiếu, con một ông Án-Sát, đã học chữ Nho thông-thạo dưới sự dạy-dỗ của người anh là Đốc-học Nguyễn-lại-Tích, nhưng ông thi rớt tại Nam-Định năm 1912. Đồng thời, Hán học bị bài bò, thay thế bằng chữ « Quốc - Ngữ », và Nguyễn-khắc-Hiếu xoay sang nghề viết báo. Ông chủ-trương kế tiếp tạp-chí *Hữu-Thanh* và *An-nam Tạp-Chí* (1921 và 1931). Làm báo bị lỗ lā, Nguyễn-khắc-Hiếu chuyên về Văn-Thơ nhưng cảnh nghèo túng đã ảnh-hưởng rất nhiều vào sự-nghiệp của ông. Tính khí-khai, ông ít giao-thiệp với người đời và sống trong cô-d襍 của nghèo-nàn và những ào-mộng.

Cho nên THƠ CỦA NGUYỄN KHẮC HIẾU HOÀN - TOÀN LÀ THƠ NỘI TÂM, lòng trong những hình-ảnh trừu-tượng, còn cảnh ngoại giới đối với ông chỉ làm khung cảnh cho sự phát-triển tâm tình và trí-óc của Thì-sĩ mà thôi.

Trong cảnh cô-d襍, Nguyễn-khắc-Hiếu còn làm quen với một thế-giới khác, thế-giới say. Ông

cũng muốn như Lý-thái-Bạch làm bạn với bầu rượu túi thơ, và do đó này ra đôi phần ngông nghênh nữa.

Chúng ta có thể toát ra vài trạng-thái của cá-tính Tân-Đà, và tìm ra các nguồn thi-hứng của Thi-sĩ :

a) NGUYỄN-KHẮC-HIẾU  
NHÀ THƠ HOÀI CẢM :

Cũng như các nhà thơ danh nho ở thời đại ấy, ông nhớ tiếc dĩ-vãng, lịch sử độc lập quốc gia, trong những bài « *Bức thư đồ rách* », « *Con Tàu Việt-Nam* » « *Thề non nước* ».

« *Nước non nồng một lời thề,*  
*Nước đi đi mãi không về cùng*  
*non* »

b) NGUYỄN-KHẮC-HIẾU  
NHÀ THƠ SAY :

Ta nhận xét một cách lý thú rằng trong những thơ say của TÂN ĐÀ, người đã hoàn-toàn cảm hứng theo thi-vị thần tiên mà quên cái « hình phù du » trên trần giới :

« *Rượu thơ mình lại với mình*  
*Khi say quên cả cái hình phù-du,*  
*Trăm năm thơ túi rượu vò,*  
*Nghìn năm thi-sĩ túu-đồ là ai?* »

c) NGUYỄN-KHẮC-HIẾU,  
NHÀ THƠ ÁI TÌNH

Ai tình của Tân-Đà chỉ là một ái tình riêng biệt của ông với những tình nhân không quen biết, những người đẹp của thời xa xưa như Chiêu-Quân và Tây-Thi, hoặc những bóng dáng thoát tha của một cô hàng bán rau, một cô gái hái lá dâu trên một bờ sông, v.v

« *Bình bồng mặt nước chân mây*  
*Đêm đêm sương tuyết, ngày*  
*ngày nắng mưa*  
*Áy ai bến đợi sông chờ*  
*Tình kia sao khéo hưng hờ với*  
*duyên*  
... »

Cho đến những ngày tàn, thơ của Tân-Đà vẫn được truyền tụng trong dân-chúng. Lý do là thơ ấy đầy màu sắc và hình-ảnh. Lời thơ giản-dị, tự-nhiên, thích hợp với trí tưởng tượng văn-hóa của dân tộc.

Năm 1940, Tân-Đà từ biệt cõi trần, không tiếc, không hận. Tuy bị ám ảnh bởi cuộc đời ngắn-giùi, mọi vật vô thường và kiếp người đau khổ. Nguyễn-khắc-Hiếu vẫn đem hết thân-thể của mình mà dâng lên xứ sở.

(TÂN-PHONG lược dịch)

*Chơi Thuyền  
sông Tân-Bình*



Lời người chép lại.— Bài này, Thơ<sup>g</sup>  
tôi làm năm 1930, nhân một hôm buồn  
bực đi chơi với người bạn trên con  
sông « Tân Bình » thuộc vùng Cà mau.

PHAN THỊ MỸ-KHANH

*Eo đất vắt rừng già ra nước,  
Thành con sông xanh biếc dài ghê !  
Khi ho cò gáy từ bờ,  
Ta đem thân đến chốn này làm chi ?  
Như từ trẻ gian nguy từng trải,  
Bước giang hồ bước mai chưa thôi.  
Mảnh thân còn chơi với đời,  
Hiềm nghèo là bạn chơi với là nhà.  
Cánh hiu-quạnh, có ta có chủ,  
Bằng không ta chẳng phụ Hóa-công.*

Vẽ ra cái cảnh lợ lùng,  
Làm cho cọp biền cá đồng hay  
sao ?  
Xuồng ba lá đâu nào chàng Thò,  
Rượu đế mang theo mồ lưng bău.  
Mùi chàng trước, lái ta sau  
Mái chèo khoan nhặt con trào  
ngược xuôi,  
Bóng chiều nhuộm lau mùi vàng  
úá,  
Khói, nước, trăng, mây bùa lưng  
chùng.  
Vạch lau, rẽ khói tung tảng,  
Trên trời dưới nước bên rừng  
giữa ta.  
Lô túp lá xà xà trong ngút,  
Chợt thuyễn con vùn vụt ngang  
giòng,  
Nguồn đào có phải đây không ?  
Vùng Lương - sơn phảng phất  
cùng là đây.  
Vùng ác lẩn, chòm cây đen sẩm,  
Vào càng sâu càng lầm vé u  
Rặng dừa lướt gió vi vu,  
Chim về ô thổi; vượn ru con  
chuỵển,  
Bỗng cái sạt, mái truyễn hùm vọt,  
Sóng lập loè ngọn đuốc ma troi,  
Ó vùng dậy, khi reo cười,  
Trăm yêu ngàn quái nhè người  
mà trêu.  
Sạt đắng mũi, mái chèo toan đánh  
Lát phắt ngang, đường tránh con  
nàn,  
Úy kia, rắn hổ phùng mang,  
Vượt sông, rẽ sông băng ngàn như  
tên.

PHAN KHÔI

(Tiếp theo kỳ trước)

TIM EM

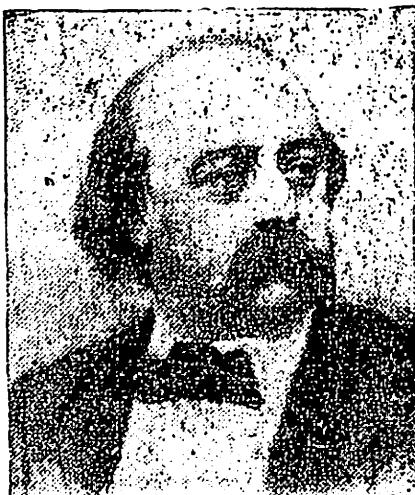
**B**Ó N năm sau, giữa một  
mùa thu gió nhẹ nhè  
thời Gustave già nhà lên Ba-lê  
để tiếp-tục cuộc học vấn. Chân  
ướt chân ráo nơi kinh-thành,  
cậu trai 19 ấy đã nghe theo  
tiếng gọi của tình yêu. phổi  
“  
...ninh xa-xôi.

Ngang cửa kính nơi hiệu tạp  
hóa đường Rи-ся-ли-օ, Gustave  
nghe thấy quả tim đập rộn-  
ràng, chàng tuồng-tượng bóng  
người thon thon của Elisa đang  
đứng trong hiệu. Chàng cúi  
xuống vò cột lại giây giầy,  
mắt liếc nhanh vào tiệm. Nhưng  
đau đớn làm sao, qua đám  
người rộn-rã, Gustave không  
sao tìm thấy hình ảnh của người  
yêu.

Vài ngày sau, trong một rạp hát, chàng thanh-niên si-tình thoảng thấy bóng Maurice Schlesinger. Chàng liền nom theo, nhưng tim chàng bỗng se lại : một băng đen — biểu hiệu sự tang-tốc, đã được Maurice cung-kính mang trên tay và

# NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SAY-MÊ, ÈM-ĐẸP CỦA VĂN - NGHỆ - SĨ XƯA - NAY

# Mối - tình tuyệt - vọng của



**VĂN-HÀO**  
**G. FLAUBERT**

\* TRÚC-VIỆT

suốt đêm hát, chàng không thấy Elisa đâu cả.

Như vậy, phải chàng là Elisa đã chết, một cái chết mà chàng không được hay biết ?

Thế là suốt những ngày hôm sau, Gustave cứ lang thang khắp hè phố, lòng mang nặng một niềm tang khôn tả.

Nhiều lúc nhìn nước sông Seine cuộn cuộn chảy, chàng đã muốn trầm mình để mong rủ sạch bụi trần duyên, để theo người chàng yêu qua bên kia thế giới, nhưng rời chàng lại thôi.

Ngồi xuống một chiếc ghế đá, cạnh bờ sông, chàng bước suýt đêm, nhiều khi lè tràn uất cả đôi má thanh-xuân.

Sáng sớm hôm sau, lòng định-tinh hơn, Gustave mạnh dạn bước vào hiệu Schlesinger gấp gáp bán hàng, chàng trình trọng hỏi :

— Xin lỗi ông nhé, ông có thể cho tôi biết ông Schlesinger mang tang từ bao giờ không ?

Gã bán hàng im lặng giây lát, rồi như chợt nhớ ra, mới đáp :

— Gần một năm rồi...

— Cơn bệnh có trầm trọng, dai dẳng không ?

— Đúng thế...

— Thời gian qua chắc ông ta cũng khuây khỏa nỗi lòng chứ ?

— Phải. Có gì linh-nghiêm hơn là liều thuốc của Thời-Gian ? Nó xóa mờ tất cả những gì thân yêu'nhứt, đau đớn nhứt.

— Bà nhà có trối trăn gì lại không ?

Gã bán hàng trả mắt nhìn Gustave :

— Ông hồi lạ quá ! Bà ấy có chết đâu mà hòng trối với trăn chứ ?

— Vậy chứ năm vừa qua, ai đã chết ?

— Như thế là ông lầm to rồi. Băng tang mà ông chủ đã mang là để tang cho ông cụ thân-sinh của ông ấy...

Gustave không chờ gì hơn... Chàng cúi đầu chào gã bán hàng, bước ra ngoài, lòng thở dài, trong khi gã bán hàng run vai, lẩm bẩm :

— Mấy cha nghệ-sĩ quả thật là kỳ cục ! Người ta bảo họ sống ở một thế giới khác cũng là phải.

## THẢM TÌNH TRONG ĐÊM TỐI

Vào tháng 10 năm 1843, Gustave cùng anh là Achille đi trên một cỗ xe ngựa từ cầu Andemer trở về nhà. Ngồi bên cạnh Gustave là ông cha hiền lành dễ mến.

Xe chạy nhanh trên khoảng đường trống

... xe hai anh em Flaubert không trao đổi nhau một lời nói nào. Đúng ra kể từ vài tuần nay Flaubert đã tỏ ra âu sầu, biếng ăn biếng nói.

Bỗng nhiên, trong cái im lặng của đêm khuya, vang lên tiếng lạc ngựa rộn ràng, tiếng vỏ câu gập ghẽnh, tiếng bánh xe nghiền sỏi. Lâu lâu, lại có tiếng hò hét của anh phu xe để cho ngựa phi nhanh hơn. Đoàn xe vượt ngang cỗ xe của Flaubert rồi khuất dần.

Flaubert chợt rú lên một tiếng rồi lịm dần giữa sự kinh ngạc của cha và anh. Achille lật đật gõ cương ngựa lại, rút dao ra cắt một nhát thật mạnh vào tay Gustave. Một giòng máu bầm từ

vết thương chảy ra và Gustave lần lần hồi tỉnh. Năm ấy Gustave được ba mươi hai tuổi và lần đầu tiên, cậu đã bị trúng phong. Giây thần kinh sóm bị căng thẳng đến tột độ vì mất mổi tình cảm mặn và vô vọng đến lúc hao mòn.

Rồi sau đó, chúng kinh phong lại tái phát nhiều lần khiến Gustave phải bỏ sự học nhiều tháng trời để tĩnh dưỡng.

Năm trên giường bệnh, lần tay tính lại, thì đã tám năm qua rồi kể từ buổi mai chàng gặp nàng trên bãi biển Trouville. Suốt tám năm ấy, nào chàng đã thu được kết quả gì trong con đường tình ái khúc khuỷu? Thế mà chàng vẫn yêu, yêu một cách vô vọng để rồi phải ngày đêm sống đau khổ âm thầm; thảo nào cân não của chàng không phát sinh bệnh cho được?

Nhiều phen, chàng cõi xưa đuổi ám ảnh, nhưng chàng vẫn không thành công. Chàng đã định thay thế hình ảnh xưa bằng

những ảnh hình mới, song le, tìm ai khác một chữ tình, thì tìm chàng cũng một chữ tình khác theo. Càng ngày càng sâu đậm, chàng cố tìm một vài nguồn an-ủi, nhưng thất vọng vẫn là thất vọng.

Mãi cho đến khi bình kinh phong phát lên dữ dội, bắt ngờ,

trong thâm tâm của chàng trễ ấy mới xuất hiện một vài thay đổi. Biết là chàng đã lỡ lầm, Gustave định rời hẳn tháp ngà để trở về với thực-tế. Chàng cố đẩy lui tình xưa vào dĩ vãng, không mơ tưởng đến nó nữa, nhưng dù chàng cố tách cách mấy, quả tim chàng vẫn còn rỉ máu đôi giòng.

## MỘT MỐI TÌNH VÔ VỊ

Ba năm sau, nhân khi viếng thăm một người bạn làm nghề diêu khắc, Gustave trưởng đã gặp được một người bạn lòng mới. Với Louise Colet, chàng đã sống êm đềm suốt mấy năm trời.

Lúc đầu cuộc tình duyên giữa Gustave và Louise cũng thơ mộng lắm. Nhưng lần lần, các sự bất đồng-ý kiến xuất hiện và đòi uyên-ương này đã phải nhiều phen trải qua sóng gió ba đảo. Họ quen nhau vào năm 1846 để rồi chín năm sau (1855) họ xa nhau, sau một cơn cãi vã. Gustave đã chán hẳn những tính quá lố của cô nhân tình khá đẹp kia.

Thật ra, trước khi gặp Gustave, Louise cũng tập-tành bước vào làng văn, nàng được nhiều người chú ý không phải nhờ văn nàng dệt gấm thêu hoa mà vì thời ấy ở Pháp rất hiếm nữ-sĩ. Rồi nàng lại day sang làm chính-trị, một loại chính-trị trở cờ theo lối đàn bà. Lúc phục-hưng đế quyền, nàng ra mặt bênh vực đế chế rất hăng hái cũng như sau đó, nàng lại quay bút-binh vực nhiệt-liệt chế-dộ cộng-hòa. Lúc Nã-phá-Luân đế tam thành-công sau cuộc đảo-chính, nàng cũng là một kẻ binh-vực chế-dộ ấy đế rồi sau khi Nã-phá Luân bị lật đổ, nàng không ngượng móm mặt sát kẽ đã rơi

## **khởi vū dài chính-trị.**

Louise còn quá quắc hơn, nhút  
là khi bị địch-thủ dùng ngòi hút  
chẽ diều nàng. Một hôm nàng  
rút dao ra định tìm địch thủ để  
rửa vết hận máu. Dù nàng không  
đâm trúng kẻ thù, nhưng mưu  
định bắt thànhli ấy đã gây ra một  
phản-ứng mãnh-liệt.

Riêng Gustave Flaubert, nếu  
chàng không thỏa mãn với tính

... là cù nhán tình ay, chàng cũng phải nhận ra trên phương diện xác thịt, chàng đã tìm được một vài an ủi. Có lúc chàng ngõ rằng tâm hồn chàng đã được giải phóng sau bao năm đau khổ nỗi.

Nhưng, nếu xác thịt chàng  
lắng xuống thì trí óc của chàng  
lại thêm đau khổ. Vốn giàu  
tưởng tượng, nên nàng dễ dàng  
ra ghen tuông. Và mỗi lần  
nàng nỗi ghen lên là nhất định  
cả hai có cãi nhau, Louise lại

càng quá lầm vì nhiều lúc nàng  
ghen că bóng người xưa.

Nhiều lần chàng phải thanh minh với nàng là : vết thương lòng xưa không còn rỉ máu nữa, là câu chuyện tình cũ chỉ là một câu chuyện xưa một chặng thanh niên 15 tuổi, mà chàng thanh niên ấy dường như đã chết rồi. Chàng giờ đây như một người khác nhiều khi có quay lại nhìn về quá khứ cũng là để nhìn một Gustave kia đã chết lịm. Cuộc đời xưa cũ đã chết từ lúc chàng được hai mươi hai tuổi.

Những lời nói trên, chàng đã  
thú thực với nàng khi chàng  
mới gặp nàng. Còn gì rõ ràng  
hơn? Năm hai mươi hai tuổi,  
chàng đã trót yêu, một mối tình  
yêu sâu xa, thắm thiết, một mối  
tình mà suốt đời chàng không  
sao tìm được một mối tình thứ  
hai.

## Bóng người bên nhà thờ La-Mã

Ngày thứ ba của tuần lễ chàm bên thành La-Mã, sau thánh, năm 1851, Flaubert dừng một cuộc du-hành qua

tuốt cả vùng cận đêng. Sau bao ngày chung đụng với các nền văn-minh xa lạ và cổ-kính, óc tưởng tượng của Flaubert càng tăng thêm. Trước sự đỗ nát điêu-tàn của thành Carthage, Flaubert đã cảm-xúc mạnh và sau đó quyền Salammbo đã ra đời, để tiêu-thuyết hóa mối tình sâu đậm của chàng dối với Elisa.

Buổi trưa ấy, Flaubert đã đi bộ hàng giờ trong thành La-mã thành kính, chàng để chân vào giáo đường SAINT - PAUL HORS - LESMURS, nơi thanh-tịnh mà lòng chàng có thể cởi mở. Đây đó trong giáo đường đầy bóng người đang quỳ gối trước pho tượng Đức Mẹ tắm trong ánh-sáng màu tím.

Bóng nhiên gần nơi chàng đang đứng, chàng bỗng thấy bóng một người đàn bà. Đó là một thiếu phụ mặc áo choàng đỗ với suối tóc huyền buông xõa ngang lưng. Mặt nàng tím trong ánh sáng màu tím và trán nàng một màu ngà ngà. Trước nàng là một người đàn bà khác mặc toàn đen, một bóng sầm trong ánh chiều sấp tắt.

Rồi cả hai đứng lên, lặng lẽ đi như hai bóng ma. Flaubert

cảm đêng trước dáng điệu-dáng của người đàn bà trẻ tuổi. Và trong một lúc mất tự-chủ, chàng dờ hai tay ra toan đón lấy nàng nhưng chàng bỗng trồ-mắt. Nàng đã biến mất như hơi sương buổi sáng.

Flaubert từ từ ngồi xuống ghế và lòng khẽ hồi lòng bóng ấy là ai? Và ai mới có mảnh-lực khiến lý-trí của chàng bị mù-quáng đến đỗi chàng đã toan ôm nàng vào lòng?

Phải chăng đó là một ảo-tưởng? Một ảo-tưởng có hình-dáng quá rõ-rệt. Chàng nhô rơ lúe ấy chàng còn thức và chân chàng vẫn còn bám vững trên mảnh đất này... Nếu chàng có thể chịu ảnh-hưởng uy nghiêm của giáo-đường thì ảnh-hưởng ấy vẫn không thể làm chàng một phút trở nên diên dại.

Chàng đứng dậy, bước đi vài bước. Bên ngoài, cách chàng độ hai thước, lú trẻ nhìn chàng một cách lạ lùng rồi lại tiếp tục nô đùa. Ánh sáng bên ngoài làm chàng lóa mắt, chàng bước gần lú trẻ mà không hề thấy chúng. Chàng nhìn quanh cổ tìm một bóng người vừa xuất hiện. Trong đám người đến dự lễ, chàng không tài nào tìm thấy

bóng người là lùng áy. Trong rừng người của thành La-mã, làm sao chàng tìm cho ra một bóng lè loi ?

Chàng biết làm sao hơn là đành phải chịu thua Định-mệnh? Và sự bí mật ở giáo đường La-mã lại bí mật hơn bao giờ cả.

Chàng bần thần nhớ lại bóng người vừa xuất hiện, chiếc áo choàng màu đỏ, suối tóc màu đen, nét môi đỏ mong, làn mắt thu thủy áy, phải chăng là của nàng, của bóng người mà chàng đã được gặp mặt lần trên bờ biển Trouville?

### Trên bờ xưa

Vào mùa hè năm 1853, chàng lại tìm về chốn cũ, nơi đã phát hiện một mối tình thầm-thiết nhứt của thế-kỷ.

Nhìn lại cảnh cũ, lòng chàng không sao dấu được vẻ bồi-hồi, chua xót. Chàng đi hàng giờ giữa đám người nô-đùa cùng sóng gió mà đường như không trông thấy một ai. Chàng lấy làm đau đớn nhìn cảnh Trouville đổi khác, mà không sao tìm lại được cảnh xưa, nơi mà buổi thanh xuân chàng đã phí hàng giờ để mơ-mộng. Cả lữ quán Bellevue, nơi mà ngày xưa Elisa cùng chàng đi ở trọ, giờ đây cũng mất hẳn về ấm cúng.

Chàng đi ngang quán trọ đã bao lần, dù chỉ là để nhìn lại song cửa nơi nàng một sáng kia đã để tóc bay theo làn gió thoảng.

Ôi ! biết bao kỷ-niệm ! Biết bao chuyện xưa giờ chỉ còn trong ký ức !

Mười bảy năm sau, mối tình xưa tưởng chừng như là đã chôn lấp đi ngòi đầu chỉ trong giây phút lại bừng lên dữ-dội như phong ba bão táp.

Trong lúc đó, tình cảm của Elisa lại càng thê-thảm hơn.

Công việc của chồng nàng đã bắt đầu lở lá. Không thể sống nổi ở Ba-Lê, cả hai đưa

nhau về Đức. Được biết chở ở mới của Elisa, Gustave định một chuyến xuất ngoại để

mong tìm gấp nàng. Hoàn cảnh  
không thuận tiện, Flaubert dành  
phải dời mãi ngày lên đường.

## Chèngh vàn nǎng

Mùa thu năm 1864.

Hoàng hôn đã rót trên biệt  
thự Croisset, nơi Gustave Flau-  
bert dùng làm nơi cư ngụ  
những phút không du lịch  
phuong xa. Lúc ấy chàng đã  
là một người tuổi đã chín mùi.  
Với bốn mươi ba tuổi, nhưng  
vì quá lo âu về sinh kế, quá  
mệt mỏi vì tinh thần, nên  
trong Flaubert quả là già trước  
tuổi.

Chàng sống độc thân trong  
biệt thự Croisset như một tu-sĩ  
ẩn mình trong an vắng.

Chiều thu ấy, chàng đang mải  
miết viết một đoạn tiểu thuyết  
thì có tiếng gõ cửa nhẹ nhè. Lúc  
đầu, chàng không cần người c  
mặt lên vì ở nơi thanh tĩnh ấy  
ít có ai đến quấy rầy chàng cả.  
Lâu lâu chỉ có đứa cháu gái thân  
yêu mới đi vòng ghé đến thăm

chàng và với cô gái ấy, chàng  
không hề có lời gì để oán trách.

Cửa mở, nhưng không ai bước vào phòng.

Người mở cửa vẫn dùng ngoài thềm.

Lúc đầu, Flaubert ngồi là cô cháu gái muôn phá chàng, nên chàng chờ đợi vài phút rồi tại cui đầu xuống bàn chăm chú viết.

Có tiếng chán người trên vang,  
chàng ngược mặt lên. Tim  
chàng bỗng như muôn ngưng  
đập. Người đang đứng trước  
mặt chàng là một thiếu phu  
rất đẹp với đôi mắt buồn như  
van cỏ. Chàng lầm bẩm :

— Chính bà đó ư?

Họ nhìn nhau yèn lặng, cảm xúc không thoát nên lời... Elian đến đây bắt ngờ quá... Làm sao

nàng lại có thể đến mà chàng không hay biết gì cả. Giữa lúc đó, chàng nghè như vũ-trụ lặng im hẳn... Chàng hoàn toàn đang sống dưới sự cảm động không cùng...

Rồi chính nàng tiến đến, dịu dàng lấy tay đặt lên vai chàng.

Chàng lẩm bẩm một câu :

— Hỡi ơi ! Sóng bao lâu nǎn là để có phút này thôi ư ?

Nàng nhẹ nhàng đáp :

— Phải. Sở dĩ trước kia em không dám gặp chàng, chỉ vì em e rằng chúng ta sẽ đau khổ hơn. Lúc ấy em biết tình ta là tình vô vọng và càng gần nhau là chỉ để gây phiền muộn cho nhau. Dù thế, em không làm sao tránh khỏi dục vọng nó bắt buộc em phải gặp anh một lần cuối cùng, dù rằng để rồi phải xa nhau mãi mãi. Em muốn là lúc xa nhau, ta sẽ giữ được một mối tình sâu đậm.

Flaubert đứng dậy rồi cùng Elisa, chàng bước ra vườn. Tiếng chân họ rào rào trên đá tối. Giữa sự im lặng của buổi tối, nàng bảo chàng :

— Đời ta đã đau khổ nhiều quá rồi...

Và nàng sẽ kể lại cho chàng nghe những lúc đau hận, khi nàng phải sống xa chàng suốt bao nhiêu năm tháng.

Khi sương xuống lạnh cả đôi vai; nàng mới cùng chàng vào phòng. Mỗi lúc ấy chàng mới nhận thấy thời gian đã nhuộm bạc mái đầu đen huyền ngày nào. Trên bàn viết, hãy còn là liệt những giấy má của Flaubert đang viết dở.

Nàng mỉm cười khẽ hỏi :

— Chàng có thể cho em xem, là chàng đang viết gì không ?

Chàng lắc đầu bí mật :

— Về sau, anh sẽ cho em rõ.

— Bí-mật đến thế à ?

— Không hẳn. Nhưng hiện nay anh chưa hoàn-thành tác phẩm đó ? Ngày nào xong, anh sẽ gởi đến biếu em và em sẽ rõ nội-dung của nó, và chừng ấy bí-mật sẽ được rõ.

Vài tháng sau quyền Giáo Dục Tâm-Tình hoàn tất.

Chàng không quên gởi đến nàng quyền sách nói rõ nỗi lòng của chàng đối với nàng.

Đêm ấy, dĩ nhiên là nàng lưu lại tại biệt-thự.

Sáng hôm sau, mặt trời chưa lên hẳn, nàng đã vội vàng dời ngót, không quên cất tặng chàng một vài lọn tóc.

Đấy chàngơi! Tâm hồn em đây! Nó sẽ theo chàng mãi mãi bất chấp không gian và thời gian.

Ngày 1/1/1978

Thứ Sáu

Ngay lúc chia ly, mắt còn ràn rụa lệ, chàng dành phổi nhặt là mồi tình của họ từ nay chỉ còn trong mộng. Họ chỉ còn có gắp nhau trong ý nghĩ và họ không mong gì gắp nhau nữa. Định mệnh khắc nghiệt đã buộc họ như thế. Họ chỉ biết cố gắng chịu đựng.

Ngày tháng voi lăn. Thoảng Flaubert mới tiếp được vài tin tức của người yêu. Vận đen của chàng lại đến khiến chàng không thể cưỡng chế nỗi số mệnh. Mẹ chàng khuất bóng, đứa cháu thân yêu thì nghèo túng vì bị thắt bại trong kinh doanh, ôi bao nhiêu là việc rủi! Vì thương cháu, nên còn bao nhiêu của cải, chàng đều tặng cả cho đứa cháu ấy, chỉ mong cháu thoát khỏi bước ngặt nghèo.

Tin tức giữa Elisa và chàng

bắt hẳn. Nhiều phen chàng cố tìm hiểu tại sao Elisa lại chôn mình trong yên lặng, nhưng chàng không sao hiểu nổi. Việc gì đã xảy đến cho nàng? Hay là nàng đã quên chàng sau đêm tự hiến cho chàng xác thân? Hay là nàng quá hối hận vì dù sao nàng cũng trở thành một người đàn bà thất tiết với chồng?

Flaubert không làm sao hiểu được...

... Chỉ biết là vào tháng chín năm 1831, tại phố Illenau một đoàn phụ-nữ sắp hàng đòi đạo trong một công-viên kín cổng cao-tường. Trong số phụ-nữ ấy có một cụ già đồi mắt như hết thẩn luôn luôn nhìn về cõi xa xôi, miệng luôn luôn không thốt một lời nào. Cụ già ấy chính là Elisa một người

đàn bà bị Định Mệnh hắt hủi  
cho đến mờ cả trí nhớ, mất cả  
trí khôn. Sắc đẹp ngày xưa giờ  
còn gì nữa?

Bao nhiêu đau khổ đã biến  
cành hoa thiên - hương xưa  
thành một con người thừa của  
xã - hội, sống nhờ một nhà  
thương điên, chết cũng trong  
nhà thương điên.

Chi tiết thê-thảm này làm sao  
Flaubert biết được? Chỉ vì  
chàng đã chết trước nàng vài  
năm, chỉ vì chàng đã chết trước  
khi nàng hóa điên hóa dại.

Đối với mỗi tình vô-vọng  
và cũng là duy nhứt của đời

chàng, Flaubert để lại rất nhiều  
bức thư tỏ bày tâm sự u-uất,  
chàng đã viết:

Tương-lai của ta là một sự  
mờ-mịt, không hề có lấy một  
giấc mơ hồng chả bằng những  
ngày xa xưa, khi mà ta sống  
trong huy-hoàng; khi mà ta như  
tắm trong hơi vàng rực-rỡ.  
Trên màu sắc quang minh ấy,  
kià là muôn cánh tay của những  
bóng ma thân yêu đang vẩy.  
Nội bật lên trên cả, là người,  
phải chính là người đó, thành-  
phố Trouville khốn nạn của ta  
ơi!"



## \* CHUYỆN LẠ BỀN MỸ

Viên Cảnh Sát Trưởng John Brooke, giáo sư dạy lái xe hơi ở các  
trường tại thành phố Philadelphia (Hoa-kỳ) đã tắm năm nay, vừa bị  
phạt và bị đuổi vì người ta vừa khám phá ra rằng mười năm nay ông lái  
xe mà không có bằng « Permit ».

B. T.

## *những áng thơ hay*

\* THẨM THỆ HÀ

### MỘT MÙA ĐÔNG

Đôi mắt em lặng buồn  
Nhìn thôi và chẳng nói.  
Tình đôi ta vời-vợi  
Có nói cũng không cùng.



Yêu hết một mùa đông  
Không một lần đã nói ;  
Nhìn nhau buồn vời-vợi,  
Có nói cũng không cùng.



Trời hết một mùa đông  
Gió bên thèm thòi mai ;  
Qua rồi mùa ánh-ái :  
Đàn sếu đã sang sông.

Em ngồi bên song cửa.  
Anh đứng dựa tường-hoa ;  
Nhìn nhau và lệ úa  
Một ngày một ngày xa.



Đây là giải Ngân-hà,  
Anh là chim Ô-Thuốc  
Sé bắt cầu nguyện-Ước  
Một đêm một lần qua.



Đè mặc anh đau khổ,  
Ai-ân giờ tận số.  
Khép chặt đôi cánh song,  
Khép cả một tấm lòng.



Em là gái trong song cửa,  
Anh là mây bốn phương trời.

## NHỮNG ÂNG THƠ HAY

Anh theo cánh gió chơi-vơi,  
Em vẫn nằm trong nhung-lụa.



Em chỉ là người em gái thôi,  
Người em sầu mộng của muôn đời  
Tình em như tuyệt giang đầu nút  
Vầng-vặc muôn thu nết tuyệt vời.



Ai bảo em là gai-nhân  
Cho đời anh đau khổ.  
Ai bảo em ngồi bên cửa sổ  
Cho tương-viu nợ thi-nhân?



Ai bảo em là gai-nhân  
Cho lè tràn đêm xuân,  
Cho tình tràn trước ngò,  
Cho mộng tràn gối chăn?



Ngày hôm tiễn-biết buồn say đắm  
Em vẫn đưa nó uống rượu say.  
Em có biết đau đời vắng lạnh,  
Lạnh buồn như ngọn gió heo may.



Mỗi em đượm sắc mùi nho tươi,  
Đôi má hồng em chum nụ cười  
Đôi mắt em say mùi sáng lạn;  
Trán em đẽ lồng lán tóc rợt.



Tuy môi em uống lòng anh say,  
Lời em càng nói càng chua cay.  
Anh muốn van em đừng nói nữa,  
Lẽ buồn sẽ nhỏ trong đêm nay.



Hãy xếp lại muôn vần anh-đi,  
Đừng trách nhau, đừng ái-nghẹt  
nhau.

Thuyền yêu không ghé bến sầu,  
Như đêm thiểu-phụ hén lâu  
không trăng.  
Hãy như chiếc sao băng băng  
mái,  
Đè lòng buồn, buồn mái không  
thôi.

## LU'U-TRỌNG-LƯ'

Có những bài thơ tình đắm-  
duối làm say lòng người như vừa  
nhấp phải những cốc rượu men  
nồng. Có những bài thơ tình  
thanh-cao thâm-đượm những cảm  
tình trong sáng, khiết cho lòng  
người dệt-mộng, thêu mơ. Có  
những bài tình-thơ cao-siêu thoát-  
tục, tình-cảm vương-vương theo  
trăng gió, mộng hồn gửi tận nơi  
nước Nhược non Bồng.

Lưu - Trọng - Lư cũng viết  
những bài tình thơ. Tình của  
thi-nhân mơ-mơ màng - màng,  
thâm-thiết như tình-cảm của

## NHỮNG ÂNG THƠ HAY

những kẻ hào-hoa, diễm-lệ như lý-tưởng của những trang tú-sĩ. Một mùa đông xưa, thi-nhân đã vương một mối tình rất thế-tục. Khác với thế-tục là chàng chỉ xây tình trong tâm-tưởng, mơ-tình quá khoé mắt giai-nhân và dệt tình thành những lời thơ diễm-tuyệt.

Thi-nhân đã bắt gặp một mối tình đầu ngay-thơ nở hoa trên khoé mắt :

*Dôi mắt em lặng  
buồn*

*Nhin nhau buồn vờ-i-vợi.*

*Tình dỗi ta vờ-i-  
vợi*

*Có nói cũng không  
cùng.*

Chàng đã gặp Nàng vào một mùa đông, và suốt một mùa đông, họ chỉ nhìn nhau buồn vờ-i-vợi. Đó là một mối tình cảm, vì họ nghĩ : « Có nói cũng không cùng » Mà cần gì phải nói nữa ? Khoé mắt lặng buồn của Nàng chẳng dã nói rất nhiều rồi ư ? Những cái nhìn trong im-lặng chẳng dã cởi-mở rất nhiều rồi ư ?

*Yêu hết một mùa đông  
Không một lần dã nói ;*



*Nhin nhau buồn vờ-i-vợi.*

*Có nói cũng không cùng.*

Lưu-Trọng-Lư dùng hai đoạn thơ để diễn-tả tâm-tư của đôi lòng thông-cảm. Mối tình của giai-nhân, tú-sĩ thật là đẹp như thơ và buồn như một mùa đông ủ-dột. Chỉ hai đoạn thơ ngắn mà điệp-vận đến 3 lần. Những vần điệp « nói, vợi, cùng » tạo thành một âm-hường lê-thê như nỗi buồn dằng-dặc kéo dài suối

cả một mùa đông.

*Trời hết một mùa  
đông*

*Gió bên thèm thời  
mất*

*Qua rồi mùa ân-  
ái :*

*Đàn sếu đã sang  
sóng.*

Thế rồi mùa đông đã tàn, mùa ân-ái đã qua, mà giai-nhân và thi sĩ vẫn kẻ dựa tường hoa, người ngồi bên cửa sổ. Họ vẫn im-lặng nhìn nhau, nhưng lần này trên khoé mắt lại long-lanh ngắn lẻ. Giữa họ, dường như có cái gì ngăn cách. Họ vẫn ngồi đó, đứng đó, nhưng cả hai đều có cảm-giác như « một ngày một cách xa ». Tình cảnh ngang-trái

## NHỮNG ÁNG THƠ HAY

Ấy khiếu thi-sĩ nghĩ đến câu chuyện bi-tình của Chúc-nữ và Nguru-Lang mỗi năm chỉ được gặp-gỡ nhau một lần vào đêm Tháï-tịch. Thi-sĩ không dám cho mình là bậc trích-tiên và nàng là cháu của Tháï-tịch; chàng chỉ khiêm-tốn ví mình như con quạ đội đá bắc cầu qua sông. Ngân đê cùng nàng oán oán

lạnh kia có  
khác gì những hạt mưa ngâu của  
đôi kẻ chung-tình.

*Em ngồi bên song cửa,  
Anh đứng dựa tường-hoa;  
Nhìn nhau và lệ úa  
Một ngày một cách xa.*



*Đây là giải Ngân-Hà,  
Anh là chim Ô-Thước  
Sẽ bắc cầu nguyên-trớc  
Một đêm một lần qua.*

Nhưng mộng vẫn là mộng và chàng chẳng bao giờ được làm chim Ô-Thước. Dẫu là thi-nhân, chàng vẫn không thể thoát ly

được thực-tế. Trở về với thực-tế, chàng cảm thấy đau-khổ, khi đôi cánh song khép lại như khép cả một tấm lòng. Cái gì ngăn-cách giữa Chàng và Nàng? Đó

là mây mây chia hai  
cánh gió mây và nhung-lụa.  
Chàng là mây bốn phương trời;  
Nàng chỉ là cô gái ngồi bên song  
Mây mãi-mãi chơi-vơi  
theo gió; Nàng mãi mãi nằm  
trong nhung ấm lụa êm. Mây nhìn  
Nàng qua song cửa; Nàng nhìn  
mây phiêu-dạt khắp phương trời.  
Có bao giờ mây chịu dừng lại  
trên một cánh cửa vì cái nhìn lưu-luyến của gai-nhân?

*Đè mặc anh đau khổ,  
Ái-ân giờ tận số.*

*Khép chặt đôi cánh song;  
Khép cả một tấm lòng.*



*Em là gái trong song cửa,  
Anh là mây bốn phương trời.  
Anh theo cánh gió chơi-vơi,  
Em vẫn nằm trong nhung lụa.*

Nhưng bởi vì mây bay mà  
tình nàng mới đẹp. Nàng yêu  
mây và gởi梦魂 theo mây.  
Nếu Chàng và Nàng yêu nhau,  
rồi gặp nhau, rồi đắm-đuối nhau  
trong bè ái-ân, dan-diu nhau  
giữa những đêm hoan-lạc, mỗi  
tình của họ đã trở nên quá tầm-  
thường và đã vẫn đục mắt rồi.  
Thi-sĩ vốn yêu cái ĐẸP tuyêt-  
đối. Chàng muốn tình của nàng  
trắng trong như tuyết giăng đầu  
núi. Rồi chàng là mây, chàng sẽ  
gặp tình nàng trên đỉnh núi, vì  
đó là nơi của mây, tuyết hẹn hò.

*Em chỉ là người em gái thôi,*

*Người em sầu mong của muôn  
đời.*

*Tình em như tuyết giăng đầu núi*

*Vắng-vắng muôn thu nét tuyêt-  
vời.*

Muốn tìm cái đẹp tuyêt-dối,  
thi-nhân vẫn không thoát khỏi  
cái đau-khổ vì yêu. Tuy muốn  
thoát-tục, đôi khi thi-nhân vẫn  
vướng mùi tục-lụy. Thi-nhân vẫn  
rung cảm những cái rung cảm

của con người, và cũng nhờ vậy  
mà sự rung cảm của thi-nhân mới  
có giá-trị đối với con người. Bị  
ràng-buộc trong tình-trường, người  
thơ thường hay đồ thừa cho số  
mệnh. Lời của thi-sĩ Chu Mạnh-  
Trinh ngày xưa : « Cho hay danh  
sí, giao-nhân cùng một kiep hoa-  
nghiem nặng nợ ». Thật đã nói  
đúng tiếng nói của thi-sĩ họ Lưu  
ngày nay :

*Ai bảo em là giao-nhân*

*Cho đời anh đau-khổ.*

*Ai bảo em ngồi bên cửa sổ*

*Cho vương-viu nợ thi-nhân ?*



*Ai bảo em là giao-nhân*

*Cho lệ tràn đêm xuân*

*Cho tình tràn trước ngõ*

*Cho mong tràn gối chăn ?*

Cái phàm-tục của thi-nhân —  
và cũng là sự rung-cảm chân  
thành của con người — được thè  
hiện rõ-rệt nhất qua những cuộc  
chia ly, tan vỡ. Chính những sự

## NHỮNG ÁNG THƠ HAY

kiện muôn thuở ấy đã khơi  
nugsồn cảm phong-phú cho người  
thơ. Cho nên ngày tiễn biệt,  
chàng cảm thấy buồn say đắm ;  
nhìn môi nàng nhấp rượu mà  
cảm thấy như lòng mình say.

Chàng ... muon thi-vị  
hóa tình yêu dè nó trở thành cái  
ĐẸP. Chàng sầu, chàng muôn  
thi-vị-hóa cái sầu ... và thành

Hay xếp lại muôn vẫn ân-áي,  
Đừng trách nhau, đừng ái-ngại  
nhau.  
Thuyền yêu không ghé bến sầu,  
Như đêm thiểu-phụ bên lầu  
không trăng.

Dưới ngòi bút tài-hoa của  
Lưu-Trọng-Lư, YÊU và SẦU  
là hai cái ĐẸP song hành. Tình

yêu là chiếc thuyền mà sầu tur là  
cái bến. Thuyền không ghé bến  
như lầu đêm thiểu bồng trăng,  
còn gì là đẹp là thơ ! Thật là  
một lối so-sánh ngộ-nghĩnh và  
quyến-rũ la-lùng.

« MỘT MÙA ĐÔNG » là  
một bài thơ tình lâng-man. có  
một nồng-lực truyền-cảm sâu-sắc  
một nhạc-diệu uyền-chuyền,  
phong-phú vô cùng. Tiếc thay  
màu sắc lâng-mạn của nó chỉ là  
màu sắc của một thời-đại đã thuộc  
về dĩ-vãng. Ngày nay ta không  
thể bị quyến-rũ theo thi-sĩ :

Hay như chiếc sao băng băng  
mãi,

Đè lòng buồn, buồn mãi không  
thôi.

THẨM THỆ HÀ

### \* TRỌNG - TÀI \*

Cu.Tý, 6 tuổi, con một ông trọng-tài bồng tròn, béo vãi bựn nở :  
— Ba tao không biết đá bông. Ông cứ chạy theo quả bông hoài mà  
không đá được một cú nào hết.

B. T.



(Tiếp theo P.T. 31)

\* NGUYỄN - VŨ

**V**Ề tình cảm, có thè nói  
tòng quát rằng số đông  
Văn-Thi-Sí Tiền chiến đều láng  
mạn nhưng không truy-lạc, không  
bị đói sống bê-bối làm cho con  
người hư hỏng, về tư cách cá  
nhân cũng như về tinh thần hay  
thì-chất.

Trừ một số nhà Văn có chức  
nghiệp khác, công chức, giáo viên,  
hoặc có gia-dình hàn-hoi, hoặc  
sống trong một khuôn-khò trưởng  
già nào đấy, như NGUYỄN -  
VĂN - VĨNH, NGUYỄN -

CÔNG - HOAN, TÚ - MƠ,  
VŨ - NGỌC - PHAN, PHẠM -  
HUY - THÔNG, v.v... còn đa số  
thích sống cuộc đời tự-do phóng-  
túng, xa gia-dình, hoặc không  
thích ở trong khuôn-khò gia-dình  
như LAN - KHAI, MỘNG -  
SƠN, VŨ - BẮNG, LƯU -  
TRỌNG - LU, NGUYỄN -  
TUÂN, TRƯƠNG - TỬU v.v.  
Lư, Tuân, Tửu, và một số khác  
lại còn thích sống lang-thang, nay  
dây mai đó, « lang-bạc kỳ-hồ »  
đời sống của những kẻ mà anh

em thường gọi là « Bohémiens », phiêu-lưu-tử. TRƯƠNG-TÙU lặng-lẽ theo gót một người yêu (đã có chồng làm nghề xem tướng số) từ Hà-Nội, xuống Hải-Phòng, đi Đồ-Sơn, biệt tích hơn một tháng trời, gia-dinh và bạn làng văn chẳng ai biết anh đi đâu. Nhưng lúc trở về Hà-Nội, anh đem theo về bản thảo một quyển nghiên-cứu văn-học mà anh viết trong một chòi lá ở bãi biển, Đồ-Sơn bên cạnh « người yêu của một tháng ». Và chỉ một tháng thôi. VŨ - BẮNG gắn bó khá lâu với một bà tình-nhân và cũng nhờ đó mà đã viết ra nhiều chuyện ngắn rất hay. NHƯỢC-PHÁP deo duỗi một cô nàng mà anh chỉ say-mê vì một chiếc áo đen và đôi mắt đen như hai hạt huyền. Vì nàng mà anh có viết mấy bài thơ tuyệt diệu.

Xét kỹ, thấy rằng đại dè những cuộc tình duyên của Văn-Thi-Sí Hà-Nội hồi Tiền-chiến gần như hình ảnh của những cuộc tình duyên lâng-mạn của các Văn-Thi-Sí Âu-châu hồi Thế-kỷ XIX, như Lamartine, Hugo, Mus-set, Alexandre Dumas, Balzac, G. Sand, Chateaubriand chẳng hạn. Những

cuộc tình duyên ấy ly-kỳ, lý-thú, có vẻ « tiêu-thuyết » nhiều hơn là thực-tế.

Một bài thơ, một quyền truyện của các anh ấy phần nhiều là đầu giây mồi nhợ của những gắp gỗ ngầu-nhiên, mà chính họ cũng không ngờ. Tần-Ngọc của HUY THÔNG, Thanh của NHƯỢC PHÁP, Mộng-Hoàng của VŨ-DÌNH-DY, Tuyết-Anh, của LAN-KHAI, Angèle của TCHYA, Lan của NGUYỄN TUÂN v.v... và v.v... đều là những nhân vật xinh-dep tuyệt trần, mà người ta chỉ có thè gắp được trong Văn-chương mà thôi, vì họ lộng lẫy như Tiên, ảo-huyền như Mơ, rực-rỡ như Sao, vì họ là hình-ảnh của Văn-Thơ, và họ chỉ có thè là những người yêu của Văn-Sĩ Thi-Sí mà thôi. Đến khi chạm phải các khía cạnh của thực tế, các cuộc tình duyên kia dù phải tan vỡ, nhưng bóng dáng yêu kiều của ai ai, nụ cười duyên dáng, đôi mắt mộng huyền, vẫn còn mãi mãi trong Thi-Văn của Thời-đại.

Các bạn cứ tin rằng đa số các nhân-vật phụ-nữ dáng yêu nhất mà các bạn gặp trong các quyền tiêu-thuyết của thời Tiền-chiến

và trong những bài thơ ru dương thuở ấy, đều không phải do ngòi bút của các Thi-Văn Sĩ thêu dệt ra đâu. Các hình ảnh diễm-lệ kia hiện trong nét chữ, trên văn thơ, là bởi Thượng-Đế đã đặt họ vào đây, để cho nhà Văn nhà Thơ, trong giấc mơ say huyền linh của Văn-nghệ, nhìn họ mà ca ngợi những cảnh đẹp trên trần ai, và cũng nhìn họ mà than khóc những đau khổ của loài người, những đoài-dạo bi-thương, của xã-hội.

ANGÈLE, TUYẾT - ANH, MỘNG - HOÀNG, TẦN - NGỌC... và các nàng Thơ khác, cũng như Elvire, như M<sup>me</sup> de BO-VARY đều có phải chỉ là người yêu của các Văn-sĩ Thi-sĩ. Họ chính là hồn thiêng của Thượng-Đế. Họ chính là ngăn lè sầu-bi hoặc nụ cười an-ủi của Loài người.

Xét về Văn-học-sử, người ta có thể nói chung rằng thời - kỳ 1925 - 1940 là thời - kỳ Văn-chương lâng mạn, theo đúng nghĩa "lâng mạn" trong Văn-học Pháp, Anh, Ý, Đức, hồi Thế-kỷ XIX. Điều đó rất dĩ-nhiên, vì thế-hệ Văn nhân Thi-sĩ Việt - nam ra đời sau Đệ-

nhất Thế-chiến, đã chịu ảnh-hưởng của Văn-học Âu - Tây rất sâu đậm của thế-kỷ trước. Và chẳng không những riêng ở Việt-nam, mà cả văn-học-sử của các nước Á-Đông vừa tiếp-xúc với Âu-Tây, nhất là Nhật-bồn, Nam-Dương, Trung-Hoa, Thái-Lan, Ấn - độ, đều chịu ảnh-hưởng của Văn-chương và Tư-tưởng Âu-Tây đồng một loạt như nhau cả. Thời-kỷ mà nước ta này ra phong trào « THƠ MƠI » và tiêu - thuýết lâng mạn thì Văn-học-sử Nhật-bồn cũng đang trải qua phong trào SHIN-TAISHI, ở Nam-Dương phong trào PUDJANGGA BARU, ở Xiêm đã có từ thời - đại NARAI, chịu ảnh - hưởng văn học Pháp của thời Louis XIV. Bởi làn sóng Văn-chương lâng-mạn của Thế-kỷ XIX Âu-Tây không riêng gì của Pháp, mà cả Anh, Ý, Đức, tràn qua Á-Đông trê gần một thế-kỷ, đến khi nó ào-ạt ngập cả địa - hạt Văn-chương và Tư-tưởng Việt-nam, thì sức lôi cuốn của nó vô cùng mãnh-liệt.

Hậu quả là sự xuất-hiện thế-hệ Văn-sĩ Thi-sĩ lâng mạn giữa

## VĂN SĨ THI SĨ TIỀN CHIẾN

hai Thế-chiến.

Làng mạn trong Văn Thơ, làng mạn trong tư-tưởng, làng mạn cả trong đời sống tinh-thần và vật chất của Văn-nhân.

Tuy nhiên, sinh - trưởng nơi nguồn-gốc Nho-giáo và Phật-giáo, các nhà Văn nhâa Thơ kia vẫn còn giữ được phong-độ con nhâa Nho. Có điều nay là thế-

n-sĩ Việt-nam thời Tiền chiến không chịu ảnh hưởng của Gia-tô-giáo.

Trừ một số rất hiếm trong đó có HÀN-MẶC-TỬ ở miền Trung - Việt, còn thì hầu hết làng Văn ở Hà-nội thời bấy giờ đều là những người có gốc Nho-giáo và Phật-giáo.

Bởi vậy, không những trong Văn thơ mà cả trong đời sống tinh-thần và vật chất, làng Văn ở Bắc Việt vẫn dung-hòa được tư-tưởng làng mạn, phóng dâng, trong Văn-chương Pháp với nếp lê-giáo cõi-truyền của Dân-tộc ta.

Hai chữ « Làng Văn » rất là thông - dụng thời bấy giờ. « làng » chính là ngụ ý đại-gia-dinh, ý-nghĩa anh em thân-thuộc.

Cho nên, trong sự thù-tiếp xá-giao, anh em trong Làng Văn-làng Thơ Bắc Hà vẫn giữ được một chút tình thân - thiện. Thí-dụ như việc đồi báo và biếu-sách cho nhau.

Một bạn chủ trương một tu-bao, bắt luận hằng tuần hay hằng tháng, hằng ngày, là rất sẵn sàng vui vẻ trao đổi với tờ báo khác của bạn-dồng-nghiệp, mặc dầu không đồng-một khuynh-hướng hay một tôn-chỉ. Không so-do giá tiền hơn thua. Không câu-nệ vì tồn-phí lặt-vặt. Chỉ giữ tình đồng-nghiệp, cho tốt đẹp là được rồi. Nhờ vậy, các báo vẫn được trao đổi lẫn nhau, hoặc biếu cho những bạn không có báo, và tình thân-hữu văn-hóa vẫn duy trì được mãi mãi giữa anh em làng văn. Mặc dầu có cuộc bút-chiến về lý-tưởng, về văn nghệ, về tôn-chỉ, hai tờ báo vẫn không vượt qua lề-dộ của « con nhâa văn ». Đó là nói về phần đông. Dĩ nhiên cũng có vài ba người đứng ra ngoài vòng xá-giao thanh-nhã ấy, và đối với anh em họ, vẫn muốn « riêng-bié特 » trên một địa-diểm để họ tự-phụ với bộ mặt kiêu-căng-mặc dầu tài năng và trình-độ học

thức của họ cũng chẳng hơn ai.

Về việc biếu sách cũng thế. Mỗi khi một bạn làng Văn vừa xuất bản một quyển sách, thì hầu hết các nhà văn nhà thơ đã quen biết nhau và thân nhau, đều nhận được một quyển sách tặng. Ít khi do nhà xuất bản biếu. Chính tác-giả viết lời tặng đàng hoàng thân mật, trân trọng ký tên, rồi mới nhờ nhà xuất bản gởi đến tận tay các nhà văn. Vì thế, một quyển sách ra đời, là được anh em sорт-sống giới thiệu ngay và được nỗ iều bão nói đến, phê-bình, khích-lệ.

Lối biếu sách mà gởi đến các báo, với mỗi một con dấu đóng : "Sách biếu » chứ không có một lời đề tặng ân cần, không có chữ ký của người gởi tặng, là một hành-động kém lẽ độ văn hóa của vài kẻ không biết tự-trọng như người ta thấy hiện nay, tuyệt nhiên không bao giờ có trong thời Tiền-chiến. Và các nhà Văn của các nước văn-minh tân tiến cũng không bao giờ tặng tác-phẩm của mình theo kiều đó.

Trong các hợp-đồng xuất-bản giữa tác giả và nhà xuất - bản,

đều có ghi rằng ngoài số tiền bản-quyền, tác-giả còn được một số sách đặt biệt không dưới 100 quyển, để tặng các bạn làng Văn, và các thân hữu.

Thường thường số sách tặng này đều được in trên các loại giấy đẹp, *glacé, surglacé, veillé baroque crème, alpha, impérial Japon, bouffant, v.v..*

Chỉ một đôi kẻ không biết tự-trọng, hoặc kém lẽ độ văn-hóa, mới gởi tặng những quyển sách in trên giấy thường là những sách để bán. Ngày sách được phát hành là một ngày long-trọng. Thường thường nhà xuất bản mời tác-giả và một số Văn-hữu thân nhất của tác-giả đến nhà dự một bữa tiệc kỷ-niệm long-trọng. Chính trong bữa tiệc ấy, tác-giả ký tên để tặng sách của mình. Ấy là những giờ phút cảm động đón mừng dura con-tinh-thần được ra chào đời, và được trình - diện với các bạn Thi-Văn.

"Rồi ngày hôm sau chính các bạn ấy niềm - nở giới - thiệu nó với công chúng.

# ĐẶNG - THÚC - LIÊNG

## (1867-1945)

### MỘT BẬC TIÊN PHONG

trong làng báo Sài Gòn



(Tiếp theo P. T. số 31)

#### \* ĐẶNG CÔNG THẮNG

ĐẶNG - THÚC - LIÊNG.  
Trúc-Am, năm 1890, đồi  
biệt-hiệu ra là Mộng-Liêm.

Ban đầu, trong các thi-văn của Mộng-Liêm ta đều thấy những tiếng chuông cảnh-tỉnh, khêu-gợi, so-sánh và nhen-nhum lại lò lửa nho-giáo và máu trung-nghĩa cõi-truyền của dân-tộc Đại-Nam.

Trong một loạt bài đăng vào Nông-Cô Mìn Đàm, Mộng-Liêm

diễn-hòa Khòng-học với tư-tưởng cấp-tiến đề-cao trong sách-vở của Voltaire, Jean Jacques Rousseau, Lincoln, v.v... mà học-giả cải-cách Trung-Hoa đã dịch ra chữ Hán. Mộng-Liêm lần-lượt viết ra những ký-írc của mình về cuộc bút-dàm thảo-luận triền-miên với các văn-hào cách-mạng như Khương Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Tôn Dật Tiên, Hồ Hán Dân, và công - sự - viên của Thượng-Vụ-Án - Thơ - Quán ở Thượng-Hải.

Trước kia, nhờ lầm lắn ra Bắc,

về Nam, Mộng-Liêm đã kết-chặt dây thân-ái tâm-giao, đồng-chí với những mầm già cách-mạng đầu khuynh-hướng nhưng nhằm một mục-phiêu tranh-thủ độc-lập, tự-do. Các cụ PHAN - CHÂU - TRINH, PHAN-BỘI-CHÂU, HUỲNH - THÚC - KHÁNG, PHẠM-DUY-TỐN và rường-cột của đoàn-thì Đông-Kinh Nghĩa-Thục đều khẩn-khit với Đặng-Thúc-Liêng.

Đồng-chí đặc-lực với Đặng-Thúc-Liêng là cụ TRẦN-CHÁNH-CHIẾU. Nhà chí-sĩ này có học-thức tân-tiến, nhiều của cải và làm chánh-tòng ở Rạch-Giá. Cụ Chiểu lại nhập Pháp-tịch, lấy tên là GILBERT. Là dân Pháp, Gilbert Chiểu hoạt động dễ-dàng vì được hưởng tự-do dân-chủ của Pháp. Tương - đặc với nhau trong những ngày dài, đêm quạnh tại nhà riêng của Gilbert ở Rạch-Giá và của Mộng-Liêm ở Sa-Đéc, hai đồng-chí mới nghĩ ra một đường lối thoát : kinh-te và lý-tài. Vì phải làm giàu cho nước nhà trước hết để khỏi bị ngoại-quốc lũng-đoạn thương-trường, nhứt là Chết và Chà-và, kè cho vay thắt họng, bọn con buôn tráo trở.

Kế-hoạch được thực-hành dưới nhản hiệu Minh-Tân Công-Nghệ, một Công-ty kinh-dinh công-thương kiều-mẫu đầu tiên. Hoạt động ráo-riết, Minh-Tân Công-Nghệ đặt trụ-sở tại một căn phố ở đường Charner (nay là Nguyễn Huệ, ngang hàng xe Renault); sản-phẩm nhứt của công-ty là sà-bông hiệu Con Vịt, được đồng-bào nhiệt-liệt hoan-nghinh. Kế đó Mộng-Liêm toan lập một xưởng chế-tạo diêm quẹt tại tỉnh-ly Mỹ-Tho. Hiền nhiên, vì hai hóa-phẩm rất thông-dụng đã làm giàu cho ngoại-kiều, cho nên bọn này cương-quyết phản-động. Nhưng họ phá-hại ít hơn bọn Việt-gian do Đốc-phủ TRẦN BÁ THỌ cầm đầu. Thọ là con duy nhứt của Tông-đốc TRẦN BÁ LỘC khát máu đã chém giết và đập quẹt hàng vạn dân Việt-Nam. Thọ luôn luôn âm-mưu hảm-hại Đặng-Thúc-Liêng và Gilbert Trần-Chánh-Chiểu. Năm 1902, Thọ đòi về làm tri-phủ quận Tân Bình, Sa-Đéc; quen thói tàn-bạo và đa-dâm, Thọ hay bắt con gái mà cưỡng-bức. Thọ lại ở gần Đặng-Thúc-Liêng, vì ông này đã lập-nghiệp nơi quê vợ ở tại làng Tân-Qui-Đông tỉnh Sa-Đéc. Thọ rình-mò hành-vi của

Liêng và toan gài bầy Liêng. Cụ nầy mới từ chức chủ-bút của tờ *Lục-Tỉnh Tân-Văn* do ông huyện Nguyễn.văn.Của xuất bản, ở tại gốc đường Catinat (nay là Tự-Dó, tức là Phòng Thông Tin bây giờ). Sản dịp có tham-biên Pháp tên là André Mast yêu cầu, Liêng bèn nhận lãnh làm giáo sư cho quan cai-trị ấy. Hai thầy trò vận-động dồi về Sa-Đéc. Trong khi Mast có oai-quyền trong tỉnh thì Liêng, với chức cố-vấn, lại được thêm thế-lực. Nhờ đó mà Liêng thi ân bố đức triệt-dè. Thọ bức-bội lắm ! Nhưng Thọ chẳng biết làm gì.

Ngày nọ, nghe tin Thọ cưỡng đoạt vợ người giữa tiệc cưới ở làng Tân-Dương, tức-khắc Liêng đề-nghị với tham-biên Mast điện-tín về Thủ Thông-dốc Nam-Kỳ mời một thanh-trá Pháp xuống đò-xét cái tồi-bại của Thủ Thọ. Mùa hỏi xong khâu-cung của Thọ, thanh-trá liền hạ lệnh ngưng chức và giam Thọ như một tên tướng cướp hèn-mặt. Rồi giải Thọ về Saigon, cho ở tù vài tháng, rồi đá đít nó luôn. Cha của Thọ, là Tòng-dốc TRẦN-BÁ-LỘC, kè-lè bao nhiêu công-trạng Việt-gian của mình để chuộc tội cho con, mà chẳng được. Lý-do : bên

phe của Mast, dân-chủ xã-hội dâ-phúc-trình và yêu-cầu trù-khu bọn sâu-mọt đề trấn-tinh nhân-tâm, theo lời đề-nghị của Liêng. Ít năm sau, Thọ phát diên vì thất chí. Rồi, một ngày nọ, chàng lấy súng lục tự-tử trong biệt-thự ở quận-ly Cái-Bè, tỉnh Mỹ-Tho !



Sau năm 1905, Nhựt-Bồn thắng Nga-Hoàng. Vinh-diệu cho người Á-Đông ấy làm cho chí-sĩ Việt-Nam bồng-bột và mong-mỗi sự cứu-trợ của Phù-Tang. Phong-trào Đặng-Du phôi-thai, và hành-trường chủ-ý hướng về Tokyo (Đông-Kinh).

Hơn 100 thanh-hiên tuấn-tú do đồng-chí của Liêng và Chiểu, tình-nguyện xuất-đường, trong bầu không-kì hăng say hy-vọng phục-vụ tổ-quốc. Họ đã ở đó gần hai tháng. Nhựt, vừa mới lên chân, lại ký-kết với Pháp một điều-ước-trung-lập. Tức thời thủ-tướng Ito hạ lệnh trực-xuất thanh-niên Việt-Nam. Các ông nầy tản lạc qua Tàu hay là Tây và phần nhiều ở luôn đó mưu-dồ cách-mạng : một số ít người như NGUYỄN-HÁO-VĨNH và TRƯƠNG-CÔNG-THOẠI trở về nước lo kinh-dinh thương-mại và nghị-

luận chính-trị công-khai, gày sôi-nổi trong những năm sau 1920. Học-sinh Việt-Nam vừa bị ngược dải bên Nhựt thì Liêng và bốn mươi đồng-chí bị thực-dân Pháp tống-giam trong khám-đường ở tỉnh-lỵ Mỹ-Tho, vào tháng năm dương-lịch 1905.

Bị đảng cấp-tiến của cựu tham biện Pháp, Landes và Mast, đệ-tử của Liêng trước đây, can-thiệp chính-phủ thuộc-địa buộc lòng phải phỏng-thích Liêng và bốn-mươi đồng-chí, sau bốn tháng giam-cầm.

Mới có 39 tuổi đầu mà lại còn thừa nhựt sống và học-thức uyên-thâm, Đặng-thúc-Liêng đã rõ cần khôn cẩn-chán... và thảo-lại kế-hoạch, xuất-xứ... Bấy giờ Liêng quay theo nghề y-dược mà lập một tiệm thuốc Bắc đặt hiệu là «*Phước Hưng Đông*» trú tại đầu cầu sắt làng Vĩnh-Phước, thành-phố Sa-dec; một thời gian sau, Liêng phó thác tiệm ấy, vài chục mẫu vườn đất và năm đứa con thơ cho người vợ hiền, nhù-danh là Nguyễn thị Nhơn. Xách valy đi chơi và làm thuốc, khi thì Liêng dạo khắp lục-tỉnh, khi thì thăm viếng cố-đô Huế và Hà-Nội.

Đến năm 1923 trên tờ *Trung-Lập báo*, *Đông-Pháp thời-báo* và *Công-Luận biệt-hiệu LỤC HÀ TẦU* của Đặng-thúc Liêng đã xuất-hiện sau bút hiệu Mộng-Liêm mà tuyên-truyền tiếp-tục, những lý-tưởng xưa kia với nội-dung và thè-tài mới-mẻ.



## VĂN - NGHỆ và TƯ-DƯỞNG TINH-THẦN

Trong các giới Việt-Nam, 50 năm về trước, dù tới đâu mà chẳng nghe cái tật hào-hoa phong nhả của cụ Đặng-thúc Liêng, «ông già Ba-Tri số 2» nổi nghiệp cho «ông già Ba-Tri số 1» đã ra Huế làm náo-động triều-dịnh đè xin ân-xá cho thủ-khoa BÙI HỮU NGHĨA bị vua bắt tội. Trong giới tài-lữ phong-lưu, mãi mãi có tiếng ngâm:

«...Họ đồn Đặng-Thúc-Liêng  
chơi quá lố..

...Có hay không? — Giā ngợ  
đó mà thôi!

...Gàm bao lâu sống sót trên  
đời?

Nhìn hóa dại, chơi đì, kéo  
uồng!

Nhưng trách-nhiệm chó nền  
bở luống,

## ĐẶNG-THÚC-LIÊNG

*Đức-lại rèn đem cống-hiến nhân-dân.*

*Làm sao cung giữ tinh-thần,  
Có giải-tịt ăn, mǎn mới giỏi !»*

Sau khi chấn-chỉnh hát-bội trong cái rạp hát mà Liêng rũ tri-âm lập ra ở làng Vĩnh-Phước, tỉnh Sa-dec, Liêng mới sáng-kiến áp-dụng nghệ-thuật đờn ca Trung Nam mà diễn-kịch, sau này gọi là hát cải-lương.

Kết quả là anh André NGUYỄN VĂN THẬN bắt chước lối cải-lương ấy trong gánh hát xiếc của anh cũng lập ra ít năm sau tại thành phố Sá-dec. Rồi đó, nối đuôi là các gánh hát của THẦY NĂM TÚ ở Mỹ Tho, VĂN HÍ BAN, HUỲNH KỲ (chỗ đào-tạo chị Bảy Phùng-Há) v.v... kè ra chẳng hết.



*Thuở trước,* người Việt trong ba kỳ cõi nhau tự người dưng kẻ lạ. Đến năm 1926 Bắc-kỳ bị vò dê nên đổi-khát. Cụ Liêng lãnh một phần lớn đi quyên tiền để cứu-tế, và tháo ra ‘Quốc-Văn-Hồn’ làm bài diễn-văn đọc ở nhiều chỗ đồ-hội cho đồng bào nghe. Đại-khai cụ Liêng nêu văn-hoa nước nhà, viết bằng tiếng Việt thông-dụng cho ba kỳ và

những thời-cuộc lịch-sử mà giải-thích nhằm mục-dịch nhẫn-mạnh, vào tình-tương-thân-tương-ái, của con cháu Lạc-Hồng.



Thi-văn, tuồng-truyen và luân-thuyết của Đặng-Thúc-Liêng đã in ra và phát-hành buỗi xưa ấy rất nhiều. Nhưng, trải qua các biến-cố gần đây, phần lưu-trữ tại nhà của chúng tôi đã bị bà Hòa thổi tiêu mất hết.

Năm 1931, thân-phụ chúng tôi xin được phép xuất-bản tờ báo hàng ngày nhan-dề « *Việt-Dân-báo* ».

Khởi đầu từ năm 1930, phong-trào quật-khởi của thanh-niên Việt-Nam càng tăng-gia, cho nên chính-phủ thuộc-cịa càng thắt-chặt xiềng-xích, nói rộng ngực-thắt và trại-giam. Trong Nam-ky-hội - kín do NGUYỄN-AN NINH lãnh đạo hoạt-động ráo-riết, có những phần-tử khuynh-cực-tà, tham-gia như TẠ-THU-THÂU, NGUYỄN-VĂN-TẠO, và NGUYỄN-VĂN-THẠCH, đã dùng báo Pháp-ngữ *La Lutte* và Việt-ngữ, là tờ *Tranh-Đấu* làm cơ-quan tuyên-truyền. Nguyễn-An-Ninh là con trai lớn của bác NGUYỄN-AN-KHƯƠNG &

Hocard-Môn, một đồng-chí của thân-phụ tôi. Từ ngày 16 tháng 3 năm 1925, sau khi bị đuổi khỏi trung-học Chasseloup - Laubat, Sài-gòn (tức là trường Jean-Jacques Rousseau ở đường Hồng-Thiập-Tự bây giờ) vì cái tội đưa báo «La Cloche Féline» (Cái Chuông Rạn Nứt) của anh Ninh viết bằng chữ Pháp cho bè bạn ở ban tú-tài xem, anh Ninh thích tôi lắm. Cộng sự với tờ *La Cloche Féline* của anh và cụ luật-sư Phan văn Trường, tôi được cơ hội tấn bộ về văn-chương Anh-Pháp bồ thêm vào một mớ Hán-học của thân-phụ tôi tập-truyền.

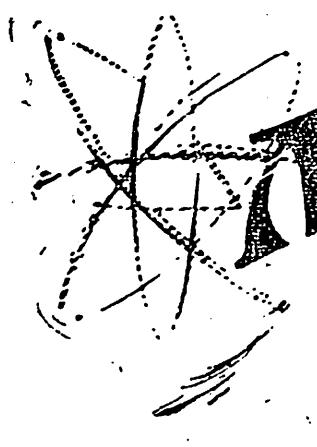
Tên diễn-dàn *Việt - Dân báo* tôi chẳng ngót công - kích đảng lập hiến của lãnh-tụ thân-Pháp là Bùi Quang Chiêu, bấy giờ có tờ *La Tribune Indochinoise* làm cơ-quan phản động, chống đối hâm-hại thanh niên cách-mạng. Nhờ uy-tín của Đặng Thúc Liêng, nhiều bức lão-thành cách-mạng ủng-hộ chúng tôi. Những hoạt-động từ năm 1930 của Đặng-Thúc-Liêng đều có tôi nài-nỉ thúc giục.

Đến năm 1941 Nhựt - Bồn chiếm cứ Việt-Nam; tay sai của chúng cố-gắng o-bé các phần-tử cách-mạng để kè nề cho chúng thỏa-mãn cái mộng xâm-lăng Đông

Nam Á. Biết rõ thâm-tâm độc-hiem của thân-dân Thiên-Hoàn-Hiro-Hito, thân-phụ tôi già và g-bệnh tật, đề tránh trò lợi-dụng ấy.

Về phương-diện xã-hội khác, Đặng-Thúc-Liêng đã dày công sáng lập *Việt-Nam Y-Dược Hội* năm 1934, nhằm mục-dịch bảo vệ lương-y và được sĩ Đông-Phương đã nhiều phen diêu-dứng.

Cuối năm 1944, để tránh nạm bom tàn-khốc ném xuống Sài-gòn Chợ-lớn mỗi ngày, thân-phụ chúng tôi cùng gia-dình về quê-ngoại tôi, ở làng Tân-Qui-Đông, chau-thành Sa-Đéc. Dường-nhàn một ít lâu, chúng tôi lo tồ-chúc ô kháng-chiến chống Nhựt sau ngày đảo-chánh, 9 tháng 3 dl. 1945. Một đêm, mồng 10 tháng 7 dương-lịch, cụ Đặng-Thúc-Liêng về nhà nằm liệt vì cảm-mạo rất nặng. Tuổi già, sức yếu, cụ ta-thể đúng ngọ ngày 16 tháng 8 dương-lịch 1945, và tạm thời an-táng ở làng Tân-Qui-Đông, quận-ly Sa-Đéc. Cụ đe-lại cho con mẩy pho kinh-sử và một gương nho-nhà, quí-báu ngàn-lần hơn tài-sản của Thạch Sùng. Hiện giờ cụ còn lại ba người con: hai chị tôi, lo tu-duong, và kẻ chép-truyện này còn mang lăm nợ văn-chương.



# NGƯỜI THƠ

## XUẤT HIỆN

★ Đặc khu

### TÓM TẮT CÁC KỲ TRƯỚC

Vào năm 2.000, một Thi-hào Việt-Nam nhàn nhàn và nghe hai trè nhỏ trò chuyện khi chúng suối nắng làm sống lại một xác bụi mìn, tìm ra lê sóng mồi của loài người. Một cuộc thanh-luận của các thi-hào Việt-Nam diễn ra trong một trại hoa. Một bản tuyên-ngôn của năm nhà thơ Việt kêu gọi các nhà chính - khách trên thế-giới rút lui, trả lại nhân-loại cho các nhà thơ, những sứ-giả « tin yêu » của loài người, tự điều - kiểm lấy nhân-loại để về một hướng xây dựng mới.

Chính-phủ các nhà thơ của các nước được thành-lập. Một vài vần thơ được giri ra chiến-trường cuối cùng làm tắt im tiếng súng...

Việt-Nam được coi như Trung-tâm của nếp sống mồi.  
Giữa khung cảnh ấy, có hai kẻ yêu nhau.  
Nàng tên Văn. Chàng tên Thi...

P.T.

**V**ÂN là con gái út của thi-hào Nguyễn-Sắc-Xuân mà trong hồi trước ta đã thấy.

Hôm ấy Vân đi giặt lụa bên suối. Còn Thi thì đi tìm túi thơ bên một sừng mai ngan-ngát trắng nổi liền với chân trời. Nàng đi giặt lụa chính vì trông thấy chàng tha thẩn đi tìm túi thơ. Chàng đi tìm túi thơ vì biết nàng thường lệ vẫn giặt lụa bên bờ suối.

Cả hai cùng đã nhìn thấy nhau.

Nàng Vân e thẹn, khẽ chớp mắt, gò má đỏ bừng.

Chàng Thi, lòng trai xao-dộng, hài vui ngập ngừng trên lớp cỏ non. Họ, tình trong như đã... nhưng chưa tiện dùng lời. Thi ngọn suối chảy róc-rách, làn gió lướt trên ngàn mai, con chim nhỏ rúc rích trong bụi tăm xuân, chiếc lá run mình trên nhánh cây căng sưa đã nói lên dùm họ.

Tất cả đều đồng tình tạo nên một không khí thuận-tiện, vun đắp cho đôi lứa yêu nhau.

Và họ đã yêu nhau.

Thi ngây-ngất, khẽ cầm lấy tay nàng, mà tưởng chừng như vừa nâng lên một cánh mai. Chàng thi-sĩ trẻ tuổi của cái năm hai ngàn, ấy, ngọt nàng

là một bồn hoa vừa hiện xuống.

Thần tú chợt nảy sinh trong một phút xuất thần. Thi thi thần bên tai nàng, như ngọn gió thi thần lướt trên những tròn mai trắng. Mỗi lời chàng nói ra đều là những vần thơ cảm tú.

Vân, đê mê, tưởng như chàng là chiếc bướm phong tình đương làm xao động những búp hoa non trong lòng nàng. Nàng khẽ hé môi hớp lấy từng lời thơ của Thi như con bướm hút từng giọt mật trong nhị hoa, như cánh hoa non run rẩy hứng lấy từng giọt sương buổi sớm.

Họ rùng rằng chia tay, mà ánh mắt cùng đã hẹn hò tái ngộ.

Buổi ấy nàng Vân thẩn thờ về nhà.

Nhà thi hào Nguyễn-Sắc-Xuân đương ngồi đọc ấm bên khay trà quyện ngát hơi sen.

Vân cúi đầu chào cha, toan đi thẳng vào trong nhà.

Thi-hào Nguyễn-Sắc-Xuân bỗng gọi giật nàng lại.

Nàng Vân mân-mê tà áo, cúi đầu.

Thi-hào Nguyễn-Sắc-Xuân nghiêm giọng:

— Này Vân, con mới ở đâu về?

Vân thưa:

## NGƯỜI THƠ XUẤT HIỆN

— Con vừa giặt lụa bên suối  
— Ủn nhỉ ! Ta quên không nhìn  
thấy mấy tấm lụa còn đẫm nước  
suối trên tay con. Nhưng, sao ta  
vẫn thấy con có một vẻ khác lạ  
ngày thường... Ủ, chẳng có lẽ  
ta nhầm... Rõ ràng từ người con  
còn có quyền cả một chất hương thơ.  
Chất thơ châu ngọc ! Vân,  
con cứ nói thực cho ta nghe !  
Vì đâu mà có chất thơ thần cốt  
 ấy ! Không có lẽ đó là hương thơ  
 của núi rừng, của suối, của  
 hoa cỏ. Hương thơ ấy tất  
 phải phát - xuất tự con tim của  
 Người, vì nó niềm đầy tình  
 Người...

Nàng Vân sợ hãi. Quả thật  
 cha nàng xứng đáng là một thứ  
 minh chủ của thơ.

Vân bèn khép nếp kẽ rõ tình  
 đầu, lại không quên đọc lại  
 những vần thơ của người thơ  
 trẻ tuổi.

Ông già vuốt râu lắng nghe,  
 đầu gật gù bên khói trà thơm  
 ngát.

Khi Vân đọc dứt, thi hào  
 Nguyễn-Sắc-Xuân bảo nàng :

— Người này quả xứng đáng  
 với con. Trời sinh ra người đẹp  
 tuyệt sắc là dành để cho thi nhân  
 chứ không phải cho phuờng ô  
 trọc, chỉ ham danh, chuốc lợi.

Người thơ xuống trần là để

làm cho cuộc đời bớt ô trọc.

Người đẹp sinh ra là để gây  
 tú cho người thơ.

Từ muôn kiếp trước giai-  
 nhán với thi sĩ vẫn là có trái  
 duyên.

Ta cho phép con mời chàng  
 đến đây cho ta hội kiến một lần.  
Ta muốn đàm đạo với một nhà  
 thơ trẻ tuổi để được biết thêm  
 tình ý của họ. Người này, xem  
 trong cốt cách thơ văn, có thể  
 là sứ giả của những nhà thơ  
 thế hệ mới đây. Thơ không  
 cầu chép khuôn pháp, phóng  
 túng mà kỷ luật, buông mà bắt,  
 man mác mà không phiêu lưu,  
 dứt khoát mà tự tin, tối đầy mà  
 lại sáng đầy, là bởi ý thành,  
 ý thành thì tú thành. Còn  
 nhạc thơ thì tự trong lòng  
 y đã có, ví như một ngọn gió  
 nhẹ chỉ lướt qua sợi giây đàn  
 là đủ nẩy lên được âm thanh.  
 Vần đề này từ bốn năm mươi  
 năm trước các nhà thơ nước ta  
 đã nhiều lần bàn tới. Có lẽ ngày  
 nay việc ấy mới giải quyết được  
 chăng ?

Vân vừa mừng vừa thận.

Nàng quay đi. Thi - hào  
 Nguyễn-Sắc-Xuân vẫn còn ngồi  
 rung dùi ngâm lại mấy vần thơ...

(còn nữa)

Kỳ sau : Đôi lứa Văn, Thị

# CÔ GÁI ĐIỀN



TRUYỆN TÀU CỦA TÙ-VU ✠ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 31)

## XIII



cho mà xem.

— Cô hỏi lại tôi :

— Sao anh biết ?

— Thì tôi cũng đoán chừng

T H E rồi, tối bùa đó, tôi bảo với Hải-Lan rằng, thế nào tối nay, Bạch-Tần cũng sẽ đi,

như vậy.

Cô vui vẻ bảo tôi :

— Thế, tối nay, em sẽ giữ nguyên áo quần và giả đò đi ngủ, để đợi Bạch-Tần, nhá.

— Không, không, cô chó làm như thế làm gì, vì cô vừa mới khỏi bệnh xong, cô chưa được khỏe hẳn, cô cần phải đi ngủ sớm, tôi tin chắc rằng, tôi sẽ

## CÔ GÁI ĐIỀN

theo dõi được Bạch-Tần...

— Nhưng em muốn cùng đi với anh, cơ.

— Không nên, cô phải ở nhà mà nghỉ, thì hơn, cô nghe tôi, chó có xông pha vội.

— . . . . .  
Hải-Lan chẳng nói sao và tôi cho thế là cô đã mặc-nhiên nghe theo lời tôi.

Nhưng...

Vào khoảng mườì một giờ đêm, tôi ngồi ngủ gật ở ghế sofa, Hải-Lan xuống gõ cửa, làm cheo tôi bừng tỉnh; tiếp đó, có tiếng xe ra. Tôi vội-vàng đâm bồ xuống nhà ga-ra. Tôi vừa nhảy lên ngồi trên đệm xe, thì Hải-Lan cũng lảng-lảng leo lên, ngồi bên tôi. Tôi không có thì giờ để ngăn cô lại. Tuy tôi nói :

— Hải-Lan chờ nên đi...

— Không, anh cứ để em đi với.

Chẳng biết làm thế nào hơn, tôi dành đóng cửa xe lại, và mở máy cho xe chạy vọt theo xe của Bạch-Tần.

Hình như nàng đã áng chừng rằng chúng tôi đường đuổi theo nàng, nên nàng cho xe phóng đi vun vút. Tôi cũng nhận vào cần ga, phóng theo riết, ở phía

sau. Vốn chiếc xe của nàng khỏe hơn chiếc xe của tôi, tôi phải nhận gần hết chân ga, mới đuổi kịp nàng. Đêm tối như mực, tôi chẳng hề chú ý tới đường sá, mà chỉ nhìn vào chiếc đèn đằng sau của xe nàng, mà cố đuổi theo. Hai chiếc xe lao đi như vũ, như bão, trong vòng ba khacie đồng-hồ, và, lúc đó, tôi cũng chẳng còn nhớ, nơi đó là nơi nào, đường đó là đường nào? Tôi chỉ cầm đầu, cho xe đuổi theo chiếc xe kia. Chạy tới một rừng cây, đánh loáng một cái, rồi chúng tôi lại phóng lướt quanh ven bờ hồ, mặt hồ trăng xóa như một phiến bạc lớn mènh mông. Lần lần, đường lối cờ chừng như noi lên mỗi phút một cao, ấy thế mà, cả hai chiếc xe vẫn giữ nguyên tốc - độ. Bỗng, tôi vọt nhặt thấy cái cuộc thi đua này sắp sửa tiến tới một sự nguy-ngập, vì lẽ, Bạch-Tần vốn dĩ có tính hiếu thắng, nếu tôi càng tăng-gia tốc-độ, không khi nào nàng chịu thua và cứ như thế, tai nạn có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Tuy nàng lái giỏi, nhưng hiện thời, nàng là một bệnh nhân, sự mệt mỏi có thể làm cho nàng thất thố, mà,

còn đường này, leo dốc, lên núi với rất nhiều khúc gấp chữ chi, Bạch-Tần chỉ sênh tay lái một tí, là bao nhiêu trách nhiệm sẽ đỗ hết lên đầu tôi.

Nghĩ tôi đó, tôi bóp mạnh hai tiếng còi, rồi tôi cho xe đi chậm dần dần lại, bỗng, trong cái chớp mắt tiếng rít của cái hầm xe, tôi thoáng nhìn thấy chiếc xe xanh, lao ra khỏi con đường núi. Hải-Lan hét lên một tiếng thất thanh, tim tôi đập mạnh, mồ hôi tôi đổ ra như tắm, tôi cố chấn tĩnh, cho xe từ từ đi tới chỗ tai nạn. Trời tối đèn như mực, nhìn xuống dưới, tôi trông thấy lờ-mờ cái xe Bạch-Tần. Tôi vội vàng xoay chiếc đèn chiếu ở bên, để chiếu xuống mé núi, nhưng tôi chỉ toàn cây cối rậm - rạp đèn sì và bao nhiêu cành cối gãy nát vì thân chiếc xe đỗ lăn phải. Tôi liền để chiếc xe của tôi sát vào mé đường, rồi tôi dặn Hải-Lan ngồi đó đợi tôi và hẽ cô thấy có xe nào đi qua, thì cầu-cứu. Còn tôi, một mình, tôi đập bùa lên cây cối đỗ, gãy, để dõi theo vết của chiếc xe xanh. Chân, tay, mặt mũi tôi bị gai góc cắt nát, chỗ nào bình như cũng bị ró-m máu; áo quần

tôi bị xé rách tả tơi; tôi cứ cầm đầu xuống dốc núi, chẳng thấy đau đớn vì hết, tim tôi đập như muốn phá lồng ngực tôi ra. Trong khi đường mê-man ấy, bỗng tôi nghe thấy tiếng gọi o-ó-i của Hải-Lan. Tôi dừng chân, quái cổ lại hét cô đừng có xuống, nhưng cô chẳng nghe, cứ lẩn xã chạy theo, tôi dành để mặc cô ấy.

Mãi nửa giờ sau, tôi mới lẩn mò tới chỗ chiếc xe, nó đỗ nằm nghiêng, cạnh một gốc cây lớn, cơ chừng cái cây đó đã ngăn hẳn là lăn của chiếc xe bị nạn. Nhưng, tôi tìm cả trong xe, lân ngoài xe, tuyệt nhiên, không thấy Bạch-Tần. Tôi bèn nằm áp xuống mặt đất để nhìn ở dưới xe xem, nàng có bị đè ở đó không, tôi cũng chẳng thấy gì. Vừa sợ, vừa lo, tôi đỡ chừng, có lẽ nàng đã bị hất ra ngoài, trong khi chiếc xe lăn đi long-lóc. Tôi cố tìm ở chung quanh gần đó và cứ thế, tôi quờ-quạng hết bụi rậm này, đến bụi khác, trời vẫn tối đèn; cùng thế, tôi dành tự nhủ, phải mau trở về báo cho người nhà, và đem theo đèn đuốc để tìm kiếm, mới xong. Vừa

nghĩ tới đó, tôi vùt trống thẩy ở phía tâ, có bóng người động đậy, tôi cõi ngoi lại, vừa đi, vừa gọi, sau, tôi chợt nghe rõ ba tiếng rên-rỉ: « Cứu tôi với! ». Rõ ràng tiếng kêu của một người con gái. Tôi rất đổi ngạc nhiên, không lẽ Bạch-Tần lại còn kêu gọi được với một giọng trong-trẻo như vậy. Tới khi lại gần, tôi mới nhận ra, tiếng kêu cứu đó là của chính Hải-Lan.

Cô vừa run-rẩy vừa nói :

— Em bị ngã và cứt thê, lăn tuốt xuống dốc núi...

Toàn thân cô đều nhuốm bùn vẩy cát ; hai bàn tay cô đều rướm máu, y - phục cô rách mướp cả, và, cô chỉ còn có mỗi một chiếc giày ở một bên chân. Không để cho tôi hỏi thêm, cô chỉ về phía trước, và nói :

— Ở đây kia, Bạch-Tần ở đây kia, anh mau đi cứu Bạch-Tần !

Theo phía trước của Hải-Lan, tôi bèn tiến tới chỗ có một dốc già lở mờ trắng.

Tôi gọi :

— Bạch-Tần !... Bạch-Tần !

Tiến tới bên nàng, nàng khe-khe rên rỉ và định nói, tôi lấy tay bụt miệng nàng và bảo nàng

cứ nằm yên, đừng nói làm gì cho mệt. Nàng liền nhắm mắt lại mệt cách ngoan-ngoãn.

Tôi nhìn thấy vết máu loang trên tay áo nàng, nhưng may vết thương cũng nhẹ thôi, tuy máu ra khá nhiều, làm ướt đầm cả cánh tay. Tôi vội vàng xé mội-mảnh áo của nàng, để buộc chặt chỗ thương-tích, cho máu khỏi chảy, rồi tôi bế xốc nàng lên trên hai cánh tay và đi trở lại chỗ Hải-Lan ngồi. Tôi bảo Hải-Lan sô giày vào chân cho Bạch-Tần, rồi tôi dùi cả hai người bức cao bức thấp, lên tới chỗ xe đỗ của tôi.

Liền đó, tôi lái xe đi thẳng đến một y-viện gần đây nhất. Đầu và mặt của Bạch-Tần đều có mấy vết thương nhẹ, duy đùi bên hông bị va phải khá mạnh, nên rất đổi đau nhức, nhưng không đến nỗi gây xương là may, chỉ trong vòng một tháng điều-trị, là có thể vô sự.

Trong khi thầy thuốc băng bó cho Bạch-Tần, Hải-Lan ngồi ở bên cô chẳng nói, chẳng rằng, nhưng, khi cô nhìn thấy bộ mặt nhợt nhạt, thất sắc của Bạch-Tần, thì cô không sao ngăn

nỗi nỗi lòng, nên cô rưng rưng  
đầy mắt lệ. Bạch-Tần thấy thế,  
cũng cầm lòng chẳng đậu, vừa  
giọt ngắn, giọt giài, vừa nắm  
lấy tay cô và nói bằng một  
giọng vô-cùng thương cảm:

— Hải-Lan, em thương chị  
đến thế kia à ? Quả tình, chị đã  
làm cho em đau khổ quá nhiều  
vì chị...

— Chị đừng nghĩ thế, chị có  
lỗi gì đâu ! mà, chính em, em  
đã có lỗi...

— Tại vì em yêu anh ấy,  
phải không ?

— Không phải hẳn thế...

— Chị hiểu rồi, em yêu anh  
ấy, và, anh ấy yêu em, chứ gì ?

— Em nhận thấy rõ ràng, anh  
ấy yêu chị, nên mới rủ em hết  
lòng phục-thị chị, mà, sở dĩ  
tại em yêu chị nên anh ấy mới  
thành người yêu của em.

— Anh ấy là người yêu của  
em ?

— Vâng, cả hai chúng em  
đều vĩnh-viễn kính-ái chị, mà.

— Thế, có phải em yêu chị  
hơn tất cả các cái khác, ở trên  
đời này không ?

— Vâng, em yêu chị hơn tất

cả các cái khác, ở trên đời...

Bạch-Tần khẽ kêu lên một  
tiếng « á » rồi nhấp mắt lại,  
tự hờ như tâm-thần nàng đã  
được, rất đỗi an-úy, vậy.

Mãi tối khi Hải-Lan ra khỏi  
phòng bệnh, cô mới kể lại cho  
tôi nghe rõ đầu đuôi câu  
chuyện trên đây. Tôi liền  
bảo cô, mau-mau đi gọi điện-  
thoại, báo tin cho thái-thái  
Thê-tư-Lãng biết sự thế. Còn  
tôi, tôi cũng đi gọi dày-nói cho  
y-sư Xa-lạp-Mỹ, ông hẹn tôi,  
khi nào thái-thái Thê-tư-Lãng  
đến bệnh-viện. rồi, thì tôi phải  
đến ngay Ba-Lê, để ông hỏi  
chuyện.

Chỉ một lát sau, là thái-thái  
Thê-tư-Lãng tới nơi. Tôi hết  
bối-rối, chưa biết nói thế  
nào, thì Bạch-Tần đã kể cho  
bà mẹ nghe tình đầu tai-nạn,  
duy có một điều, là nàng không  
hề đả-động tới việc tôi đuổi  
theo xe của nàng, mà đến nỗi  
xảy ra có-sự, nàng chỉ nói,  
nàng lái xe, đã gặp nạn và may  
có tôi đến cứu, thế thôi ; thái-thái  
rất đỗi cảm-kích đỗi với  
tôi, nhưng, riêng tôi, tôi càng  
thấy tự thẹn vô-cùng.

Chiều hôm đó, tôi về Ba-Lê để gặp y-sư Xa-lap-Mỹ. Sau khi nghe rõ đầu đuôi, y-sư đưa tôi cùng đi đến « Thành-tâm y-viện » để thu-xếp với quan thầy, cùng là thuê bệnh-phòng sẵn, để đem Bạch-Tần về đây điều - du-ong. Ngay sáng hôm sau, tôi cùng ngồi trên chiếc

xe của bệnh-viện Thành-tâm, để đi đón nàng.

Từ hôm ấy, Bạch-Tần nằm chữa bệnh ở y viện Thành-tâm, có Lải-Lan ngày, đêm, ở bên nàng; còn tôi, cứ một vài hôm, tôi lại đến thăm nàng một lần.

(còn tiếp)



## \* CON GÀ MÁI \*

Một bà mẹ dân cõi con gái điên đến nhà thương điên :

— Thưa Elác-sí, con gái tôi, nó cứ bảo rằng nó là con gà mái.

— Con gà mái? Cõi ấy bảo thế từ bao lâu rồi?

— Thưa một năm nay rồi.

— Một năm nay cô ấy cứ tưởng mình là con gà mái, mà mãi đến hôm nay bà mới đưa cô đến đây chữa bệnh?

— Dạ, vì một năm nay chúng tôi còn nghèo lắm chưa có tiền đi Bác-sí, cho nên chúng tôi lạm chúa bệnh cho cháu bằng cách khác.

— Bằng cách nào?

— Dạ, cứ mỗi lần cháu kêu « tục-tục... tá... tá... » thì tôi đưa cho nó một cái trứng cho nó ăn, thế là nó hết kêu, và nó ngồi yên.

Bà mẹ vừa nói xong thì cô gái điên bỗng dưng kêu lên : « Tục... tá... tá... tá! » và chạy ra vườn. Bà mẹ lật đật lấy trong bóp ra một cái trứng gà, và chạy theo kêu : « Trứng đây, con! Trứng đây, con! » Bà đè cái trứng trên cổ. Cô gái điên ngồi ôm cái trứng vào lòng, yên tĩnh như thường.

Bác-sí thấy vậy, liền bảo bà mẹ:

— Được rồi, bà cứ về đi, và nhớ mỗi ngày bà đem đến đây cho cô một cái trứng.

B. T

*Tho*

# LÊN RUỘT

\* DIỆU-HUYỀN \*

## *Thiên - lôi*

Tình-cờ hôm qua tôi gặp một cô có dính-lưu trong vụ « Luật  
sử » già, cô cười sangle-sắc và kẽ-lẽ với tôi như sau đây :

Tự-dưng 'bạn gái bị hàm oan,'  
Chỉ tại lưu-mạnh mấy chú chàng !  
Kim-cổ, Á-Âu, xin thử hỏi :  
Gái khôn ai chẳng kén chồng sang ?

Dâu phải vì tôi hám bạc tiền,  
Ngồi mơ biệt-thự với buyn-din !  
Dâu thèm hào-nhoáng xe-hơi Mỹ,  
Mà chỉ ham chàng nghiệp bút-nghiêm.

Nếu bạn chăm-lo việc học-hành,  
Tài cao, đức trọng, được thơm danh,  
Hỏi ai, tiên-nữ trên trần-thế,  
Chẳng muốn trao chàng cặp mắt xanh ?

## THƠ LÈN RUỘT

---

Tưởng chàng thi-cử được vinh-quang,  
Đem hết tài-năng chiếm bảng vàng.  
Nở mặt nở mày cùng xã-hội,  
Nở tai nở mũi với bàng-quan !

Tôi chỉ ước mong có một ngày  
Chàng làm quan Trạng đế dương-oai,  
Trước tòa, bênh-vực bao cô gái  
Bị bỏ bùa mê chết đắm say !

Bởi vì thời buổi lầm lưu-manh  
Đở đủ trò gian bỉp gái lành.  
Bởi lầm cô nàng ham lợp vỏ  
Cho nên bị lột sạch-sành-sanh !

Nào có dè đâu, ơi bạn ôi !  
Trời tru đất diệt đùa thiên-lôi !  
« Luật-sư » lại chính tên phù-thủy,  
Mà bị bùa-mê lại chính tôi !

Thời-thế chẳng qua hồn-dộn mà !  
« Luật-sư », « Bác-sĩ », « Kỷ-sư » ma !  
Muôn hình vạn tượng kia vênh-váo,  
Đó biết là đâu chánh với tà ?

Một lần trót dại, học thêm khôn,  
Nhấn-nhủ ai ai hãy liệu hồn !  
Bao kẻ xung-hô thắn với thánh,  
Coi chừng ! Kéo trúng lũ quan-ôn !!

DIỆU-HUYỀN

TRỌNG TÀU  
và BA TÈO

Chuyện  
CÀ - KÊ

ANH

TRUNG HOA

\* Tặng các bạn ghiền rượu Whisky.

Ở bên Anh, tại hải-cảng GLASGOW, vừa rồi một hỏa hoạn hi-hữu thiêu hủy cả một kho chứa rượu Whisky. Có tất cả 55.000 gallons (mỗi gallon là 4 lít 54, ví chi 269.900 lít) bị cháy phục lên như một biển lửa. Lửa rượu bốc lên cao tới 35 thước. (Xin nói : Lửa rượu, chớ không phải lửa tình !) làm cho nhiều người chết trong số đó có 20 lính cứu hỏa vì tận tụy nghề nghiệp, đã bỏ mình với rượu. Có những kẻ chán đời, thấy rượu cháy đỏ rực mặt đất, tưởng đã đến ngày tận thế, vội vàng nhảy múa reo cười ! Trái lại, những bợm ghiền rượu « huýt-ki » chỉ muốn nhảy vô chết trung thành với rượu !

\* Bụom rượu Lý-thái-Bach.

Ở bên Tàu, đời xưa cũng đã có người chết với rượu vì nghiệp chướng : cái nghiệp THƠ. Đó là Lý-Bach. Ông là một thi-hào đời Đường. Được Hạ-Tri-Chương tiến dẫn lên Vua Đường-Huyền-Tông và được nhà vua rất yêu kính. Một hôm nhà Thơ uống rượu say (chắc là rượu đế không phải Uýt-ki) say « ba-gay » đè cả quần, áo, mũ, giày nằm ngủ khoèo. Vua sai Cao-Lực-Sí cởi giày cho họ Lý. Cao tự cho là nhục, bèn tìm cách báo thù ; nhân họ Lý có làm bài thơ ví Dương-quí-Phi với Triệu-phi-Yến, họ Caovin vào đó dè dèm pha. Dương-quí-Phi dâm ra thù ghét Lý - Bach. Rốt cuộc

## CHUYỆN CÀ KÈ

lệnh ông không bằng cồng bà, nhà vua cũng phải nghe theo người đẹp mà ghét theo. Lý-Bạch buồn chán muốn lên chơi trên cung Trăng, đem bầu rượu túi thơ lên ve vãn cô Hằng Nga. Có lẽ vì ông muốn đi gấp quá mà thưa đó chưa có hóa-tiễn, nên một hôm đang uống rượu trên đòn, nhìn ánh trăng dưới sông, ông tưởng đã cùng nàng Nguyệt mặt nhìn mặt, với vã nhảy ùm xuống nước, Hằng Nga không gặp, nhưng, than ôi, giòng nước kéo luôn Thi-sĩ họ Lý xuống đáy sông với vua Thủy-tề !

### VIỆT - NAM

#### \* Bán Thơ cho Trời

Ở bên « Ta » cũng chẳng kém về rượu và thơ. Chiến-sĩ điền - hình, phải kè nhà thơ Nguyễn-khắc Hiếu. Khí thiêng sông Đà, núi Tản dã un đúc một thi-sĩ TẢN - ĐÀ bắt hủ. Nhà thơ này, khi say thì cũng không kém gì Lý-Bạch, « mơ-phú - cả trời, bởi vậy đã có lần ông gánh một gánh Thơ đi lên trên chợ Trời để bán « xôn ».

Nhưng, Trời không mua, chê rắng :

“ Vă-n-chưƠng hạ-giới rẻ nhù-bèo ! »

Tội nghiệp Thi-sĩ Tản-Đà phải gánh lộn về Trái Đất đầy gió bụi, đè cho bọn hậu-sinh chúng ta ngâm-nga chơi vậy !

### ĐẢO SICILIA

#### \* Côn sư tử mơ-mộng

Các bạn ơi, không phải riêng gì loài người mới có Thi - sĩ mơ-mộng nhé ! Loài sư tử cũng biết mơ-mộng vậy ! Ở Raguse (Sicile) vừa rồi có một con sư tử cái của gánh xiếc nọ bỗng dung sồ lồng đè đi lang thang trong thành phố. Thấy một cảnh nhà đẹp, sư-tử ghé vào thăm. Trong nhà chỉ có một bà già và đứa bé con lên 2 tuổi. Sư - tử có vẻ mơ - mộng, không muốn ngó hai bà cháu kia, mà chỉ ngửi các đồ đặc trong nhà. Thơ thần ở đó độ nửa giờ, thì nhân viên gánh xiếc mới vác lười, vác súng sáu, đến đè mời cô Sư-tử trở về chuồng. Nhưng cô

nàng đã thót lên đi-vắng nằm ngủ, đôi mắt lừa bập-bùng lấp-lấp... Ai nấy dè yên không dám phá giấc ngủ của Nàng Sư-Tử.

M 7

PHÁP

\* 105 tuổi mà còn đi học.

Cái ông cụ già này, tên là Pierre - Jean de Dieu - Besson, không phải là Thi - sĩ, mà là Luật-sư. Ông lại là niên-trưởng các sư luật Pháp, đã già khụ rồi (105 tuổi) mà bày đặt đi học và thi như trẻ con. Trong kỳ thi tú-tài vừa rồi, cụ làm một bài dịch tiếng La-tinh được số điểm 14/20, và đỗ vào hạng bình. Cụ Luật-sư Dieu-Besson vừa ăn thượng thọ 105 tuổi, sinh ngày 20 tháng 2 năm 1855. Thưa Cụ, bên nước Việt-nam chúng tôi, có xứ Vương-Hồng-Chương không cần đi thi mà cũng đậu « Luật-sư » đó Cụ à ! Còn thì có hàng tá Tú-Tài, Cử-nhan, Bác-sĩ, Kỹ-sư, v.v... chả cần đi thi đi cử mà cũng có « hăng cắp » như Cụ vậy, Cụơi !

★ Bao giờ tận thế, hả « chi Diệu-Huyền » ?

Tông Tham Mưu Trưởng James Ferguson, phó trưởng phòng nghiên - cứu không - gian Mỹ, vừa tuyên bố tại Washington rằng Chính - phủ Mỹ đã quyết định đặt một căn cứ quân - sự tại cung trăng.

Ngoài ra, trong một bài diễn văn đọc trước hội nghị Liên - Hiệp kĩ-sư Quân đội Mỹ, Đại - tướng Fertuson còn nói thêm : Những nghiên - cứu tương - tự cũng đang được khởi - sự dè đặt một nhà ga giữa không gian (Space Station) cách xa trái đất năm ngàn dặm, dè làm cái trạm đọc đường lên cung Trăng. Có lẽ trái đất muốn thành quả dưa bở, sắp nứt nẻ hết rồi, và đến ngày tận thế hay sao mà các ông đã lo tìm đường di-cứ lên Nguyệt-diện ?

Hèn chi « bà Tú » nhà ta đã lo cuồng - cuồng, chưa chi đã hỏi thăm « ông Tú » đường đi lên Thiên-dàng ở đâu ?

Ông Tú chơi ác, cứ chỉ đường xuống Địa - ngục mà thôi ! Hà hà !

PHÁP

★ ĐÂY Thiên-Đường trên nóc toa xe lửa !

Ông già Gino Pistarla, 70 tuổi, một nhân viên hỏa xa Pháp hồi hưu, chán đời, hôm vừa rồi, cũng muốn đi lên Thiên-đường sớm, nên đã mượn đầu máy xe lửa để kết liêu đời mình. (Nghĩa là ông Cụ định nhờ chuyến xe lửa chở linh-hồn ông lên Thiên-đường Ông đâm đầu vào chuyến xe lửa tốc-hành Paris-Vintimille. Có lẽ chiếc đầu máy xe lửa vì tình đồng nghiệp (cùng dân « Sơ-manh » phe với nhau mà hả !) nên không muốn giết ông già, chỉ cán gãy một cái giò và hất bắn ông lên nóc toa hạng nhì của đoàn tàu đang chạy ngon trơn, để ông nằm bất tỉnh trên nóc toa, máu chảy dầm-dề mà không chết !

Đầu tàu cán gãy ! giờ ông đè cảnh cáo : từ nay còn độc có một thun, cho cụ hết đời đi lên Thiên-đường !

ANH

★ Ông Giáo-sư Văn-Chương độc đáo !

Giáo-sư Bonhomme ở Londres (Anh-quốc), được cử vào dạy

lớp Văn-Chương cho tù-nhân, gương mẫu tại khám đường Wands Worth. Tất cả các tù-nhân trong khám đều được theo lớp tối về văn chương cổ diên của giáo-sư. Nhưng thay vì dạy chữ, ông giáo-sư lại thích làm liên-lạc-viên cho tù nhân với gia-dình họ và giúp họ thực hành triết-lý « vượt ngục » ! Ông còn lén giúp họ một số dụng cụ cần thiết nữa : nào giây, nào dao, nào khoang, nào búa, v.v... Không dè một đêm nọ lính gác đã bắt gặp 30 tù nhân, đang cưa, đục, đẽo, làm chìa khóa, giả mỵ toan mở cửa vượt ngục. Thế là 30 anh tù, học-sinh của giáo-sư, vì học chưa thuộc bài nên không vượt ngục được, mà giáo-sư vẫn-chương lần này lại phải vào ở luôn trong khám lớn !

RA LAN

★ Tờ di-chúc của anh ăn mày.

Đè khinh bỉ người nghèo khổ, người ta thường mang : Đồ ăn mày ! Daniel một « đồ ăn mày » thường trực ở những nhà thờ tại Varsovie vừa chết vì đói và rét. Nhưng cảnh-binh hết hồn khi khám phá ra sự lạ sau đây : Một tờ di-chúc của anh ! Tờ di-chúc của Daniel cho 36 người

## CHUYỆN CÀ KÊ

bạn nghèo được thừa hưởng  
gia tài của anh đã dành - dùm  
được. Những kẻ được hậu đãi  
thì được chia đất cát ở Bucarest  
và Varsovie, còn kẻ khác mỗi  
người hưởng chừng 2 triệu đồng  
Zlotys (chừng 400.000\$ V.N.)  
dẫu trong bình bông hoặc dưới  
sàn gỗ ! Các bạn thấy không ?  
Từ nay có thấy « ăn mày »,  
đừng có khinh họ là « đồ ăn  
mày » nữa nhé !

### Y ★ Tấm nàng Tiên oánh lộn ★

Trong thành phố Palerme, có  
tấm tiên-nữ vừa bà vừa cô, từ  
18 đến 54 tuổi vừa « oánh  
lộn » kịch liệt chỉ vì cãi nhau  
về mẫu áo. Các bà lớn tuổi  
cứ nhất định cho rằng mẫu đồ  
là mẫu đúng thời trang, trái  
lại các tiên cô choai choai  
cương quyết cho mẫu hoa cà là  
đúng mốt. Thế là mốt nọ và  
mốt kia; hai phái nữ chiến - sĩ  
kịch chiến bằng đá, bằng thanh  
sắt. Báo hại mấy cái áo tả tơi,  
và người có phận sự lại phải  
đi « sót » mấy tiên bị lồ dâu  
chảy máu vòi nằm nhà thương !  
Xin can trước mấy bà mấy cô  
tiên-nữ Việt-nam đừng có « oánh  
lộn » theo kiểu đó ở đường  
Bô-na !

### ★ Chuyển tàu hạnh phúc

Đã trễ tàu mà còn chạy kịp  
tàu đè leo lên, đó là trường hợp

cô em 14 tuổi tên là Cristina  
Pepe ở Naples (Ý), vừa rồi. Cô  
em đã nhảy kịp tàu, lại vô tình  
nhảy trúng lên toa của anh chàng  
soát vé tên Stefano Chiareli 24  
tuổi. Hai người nhìn nhau cười,  
thế là có tiếng sét ái-tình xoẹt qua  
hai trái tim. Thế là cô em 14  
tuổi nhảy trúng toa rồi lại nhảy  
trúng luôn vào tim anh chàng  
soát vé ! Thế mới biết duyên số  
con người có thể quyết định  
trong vài giây. Đồng hồ, chớ không  
cần lâu. Cô Cristina Pepe vừa  
làm phép cưới với chàng Stefano  
Chiareli nhờ chuyến tàu tri ngộ  
nói trên ! Nàng là người vợ trẻ  
nhất của nước Ý hiện nay, kém  
thua chàng 10 tuổi thôi.

### PHÁP

### ★ Tiền nhuận-bút của ông Tông-Thống.

Tông Thống de Gaulle có cho  
phép các báo ngoại quốc đăng  
trước quyền thứ 3 trong bộ  
« Chiến-sự Hồi-ký » của ông.  
Tông-Thống được tiền nhuận-bút  
tất cả 100 triệu quan. Vừa rồi,  
ông lấy hết số tiền này tặng cho  
10 cơ-quan từ-thiện của nước  
Pháp, giúp các phụ nữ và nhi  
dồng nghèo khổ. Có lẽ tại vì  
Tông Thống de Gaulle ân-cần  
thuong-xót dân nghèo của xứ ông  
cho nên ông được nhân-dân  
Pháp hoan-hỗ ông nhiệt-liệt  
đó chẳng ?

Mình ôi !  
ngày

với

Gần

lân

thể?



**B**À Tú tánh hay bôp chôp lại ngây thơ, nghe vài tờ báo nói sắp đến ngày tận thế là bà sợ cuống quít lên, tưởng ngày tận thế sắp đến nay mai thật! Bà không muốn thế vì bà đang sống trong tình yêu êm đẹp tuyệt vời. Bà không muốn thấy những bất ngờ ghê gớm đe dọa số kiếp nhân loại và riêng hạnh-phúc của Bà, như đã tả trong một trang sách của Albert Camus...

8 giờ sáng chủ-nhật, Bà nằm đọc báo trong chiếc vông tơ treo dưới bóng mát hai cây lê liễu ngoài vườn. Con mèo trắng «Mimi» ngồi trên bụng bà, đón lùn gió hiu-hiu nhẹ nhàng, mắt mè. Dưới chân bà, ánh mặt trời đưa dồn với bóng cây bóng lá. Ông Tú ngồi nơi bồn bông gần đấy, tăng tiu mấy khóm hoa hortensia, và hoa pétunia rực rỡ các sắc màu xinh đẹp.

Bỗng bà Tú cất tiếng thỏ-thẻ gọi ông. Tiếng bà trong veo như màu pha-lê của vòm trời tươi sáng:

— Mình ơi!

— Oi.

— Mình coi tờ báo này rồi chưa?

— Chưa.

— Mấy bữa rày Mình/coi báo có thấy gì lạ không?

— Không.

— Trong báo nói quả đất sắp đến ngày tận thế, Mình không thấy sao?

— Tận thì tận! Anh còn mong nữa đó.

— Thế thì hai đứa mình cũng sắp chết queo đến nơi rồi hả?

— Ủ/ chết thì chết! Anh tán thành!

— Mà trái đất sắp lộn tung-phèo, bè làm ba làm bốn mảnh, còn loài người thì chết rụt hết, thật không hả Mình?

— Nhưng ai bảo Mình thế?

— Trong báo nói đây nè.

— Nhà báo nói lão ăn tiền...

Hơi đâu mà nghe!

— Chớ không phải khoa học tiên đoán được ngày tận thế sao?

— Khoa-học chẳng bao giờ tiên đoán ngày tận thế. Trước lại, khoa học cứ tiến tới mãi, tiến tới hoài, và người ta không hề biết trước đến bao giờ nó mới ngừng. Còn trái Đất cầu đến ngày nào mới ngừng xoay, giờ nào nó sẽ bể nát như trái sung chín rụng xuống đất, thì khoa học làm sao mà biết được! Họa chăng một vài tôn-giáo có cho ta biết trước đề phòng-bị lo «cứu-văn linh-hồn»...

— Tôn-giáo làm sao biết được, hả Mình?

— Có Chúa bảo.

— Chúa nào, hả Mình? Và Chúa bảo sao?

— Trong THÁNH-KINH (LA BIBLE), của đạo Gia-Tô, Đạo Tin-Lành, Đạo Cơ-đốc Phục-Lâm, có nói đến ngày tận-thế. Kinh *Saint Mathieu*, trong bộ TÂN-UỐC, ở chương «Phiên-xứ-tội cuối-cùng» có chép: đến ngày tận số, thì những người được kêu lên đứng bên tay phải của Chúa sẽ được Chúa cho lên ở Thiên-Đàng, sống mãi-mãi, không chết. Còn những người bị bắt đứng bên tay trái của Chúa là những người sẽ bị giết chết vĩnh-viễn. — Nhưng kinh *Saint Mathieu* không nói rõ thiên-dàng ở đâu, và những kẻ bị tội chết sẽ chết cách nào. Đến kinh *Apocalypse*, (của Saint Jean) là quyển kinh chót trong bộ TÂN-UỐC, thì có tả rõ-ràng hơn. Theo kinh ấy, ngày tận-thế sẽ là ngày Thế-giới bị tiêu-tan, Đức Chúa Con (Đấng Christ — Fils de Dieu) sẽ hiện ra trên trời xanh. Chúa ngồi trên một chiếc ngai vàng rực-rỡ và đội mũ vàng. Hai bên Chúa có 24 ông già mặc áo trắng ngồi trên 24 chiếc ngai. Đó là mươi vị Thiên-thần, và cũng là mươi vị Quan Tòa. Chung quanh Chúa có bốn con thú: một con Sư-tử, một con Bò rừng, một

con Kỳ-lân đầu người mà đuôi ngựa, và một con chim Phượng hoàng. Bốn con thú này có vô số con mắt đè ngó được khắp các phương trời. Bên chân Chúa là một con Chiên có 7 sừng và 7 mắt. Các vị Thiên-thần xét hồ-sơ từng người, những kẻ sống và những kẻ chết, (kẻ chết tạm bây giờ chỉ xuống ở dưới *Purgatoire*, còn đợi phiên xứ cuối-cùng của ngày tận-thế). Những kẻ nào tin Chúa, theo Chúa, sẽ được gọi là ELUS, được đặc-đạo, được Chúa thương yêu. Họ sẽ được mặc áo trắng và cầm mõ: lá dừa (palme) trong tay, đè phân biệt với những kẻ có tội, là những kẻ không tin Chúa, không theo Chúa, mà theo con quỷ SATAN. Bắt đầu cuộc hành-phạt, một vị Thiên-Thần thổi một tiếng còi thứ nhất (trompette), nghe âm-u rung-rợn. Từ đó một trận mưa máu đồ ào-ào xuống, lôi cuốn loài người có tội lỗi xuống biển máu. Rồi hồi còi thứ hai, một trận mưa lửa rót xuống, đốt cháy quả Địa Cầu. Rồi hồi còi thứ ba một ngôi sao hỏa-tinh rung xuống, lửa cháy tan ra thành rượu Absinthe (thú rượu mạnh nhất, uống nhiều vào sẽ bị cháy).

da cháy thịt) để tiêu hủy những kẻ còn sống sót. Một tiếng còi thứ tư, mặt Trời, mặt Trăng và các vì Tinh-tú sẽ tắt hết. Thế là tiêu-tan cả vũ-trụ. Chớ không riêng gì Trái Đất. Khi cuộc hành phạt của ngày tận-thế đã chấm dứt, ngực thất trần ai sẽ không còn mảy-may gì, thì Chúa Trời sẽ thòi ra một ánh sáng mới, tạo-lập một cảnh đời mới để cho những người con tin-tưởng nơi Chúa, linh-hồn đã hoàn-toàn được cứu thoát khỏi địa-ngục, được ở đời đời kiếp kiếp với Chúa, trong hào-quang diêm-lệ và trong sạch của Thiên-Đàng. Đò là cảnh-tượng ngày Tân-thế, theo tín-diều của Gia-tô-giáo. Sau ngày ấy, chỉ những kẻ nào đã tin-tưởng nơi Chúa và linh-hồn đã được cứu ván khỏi tội lỗi mới còn sống lại với Chúa trong một cuộc đời mới và một thế-giới mới.

— Chuyện đó sẽ có thật không he ?

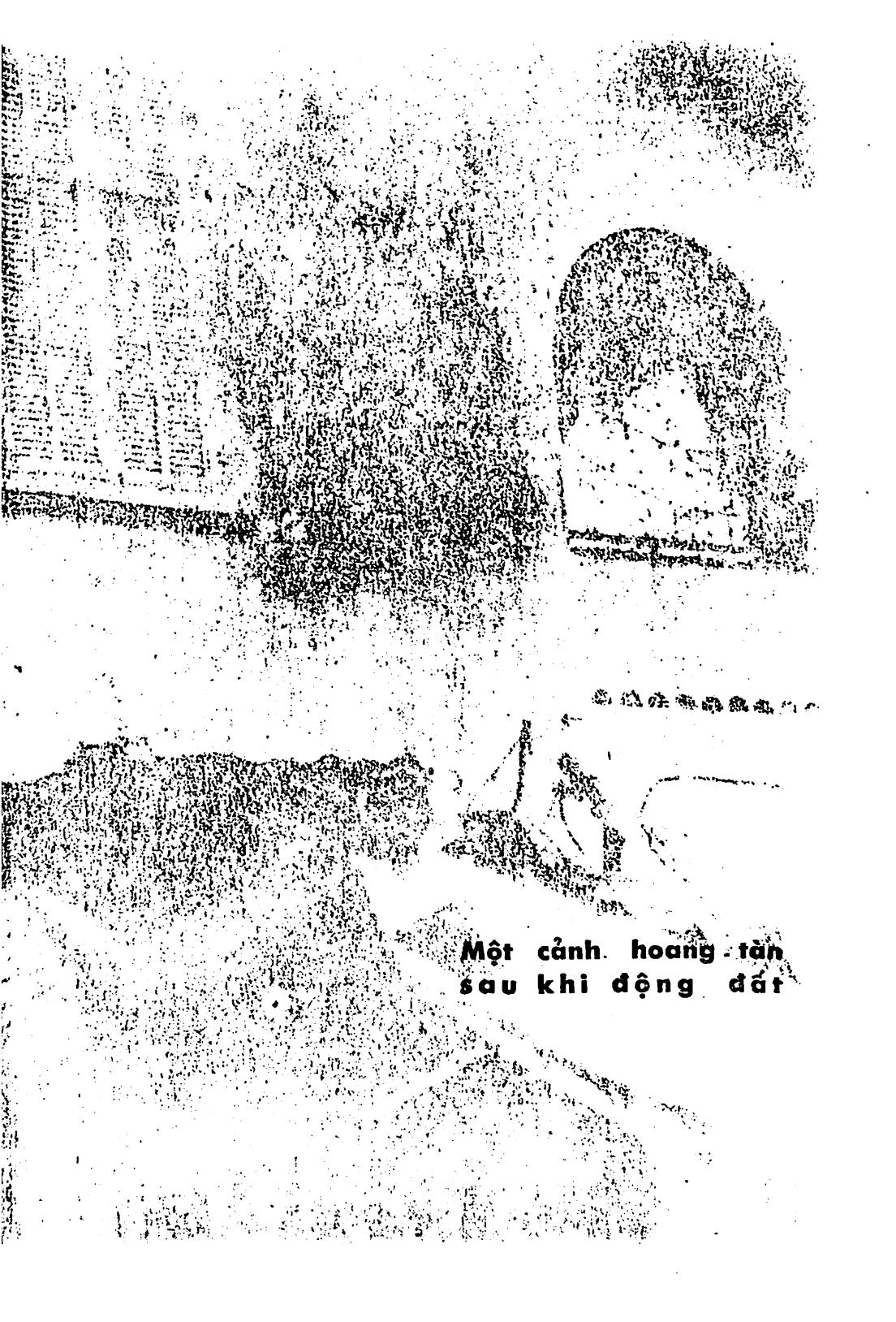
— Mình hỏi túc cười ! Thật, hay không, chỉ có Chúa Trời biết, chớ cái thằng phàm phu tục tử này làm sao biết được ? Anh chỉ kè lại cho mình nghe những điều ghi chép trong bộ kinh *Tân Ước* của Đạo Gia-Tô đó thôi.

— Thế thì trong Thánh kinh có nói chừng nào sẽ tới ngày tận thế không hề Minh ?

— Không. Trong Kinh Saint Matthieu, chương XXIV, 36, có nói rằng Chúa Trời không cho ai biết trước ngày giờ tận thế. Nhưng tất cả tín đồ Gia-Tô-giáo đều tin chắc là ngày ấy sẽ đến. Đạo Tin-Lành cũng tin như vậy. Đạo Hồi-giáo cũng dựa theo kinh Bible mà tin sẽ có ngày tận thế, chỉ khác một cái là Chúa của Đạo này là Mahomet đại diện của Chúa Allah tối cao, sẽ chủ tọa phiến xứ cuối cùng, chứ không phải Chúa Jésus Christ, con của Chúa Cha, bênh Đạo Gia-tô.

— Mình ơi, thế sao đạo này các báo thường nói là sắp đến ngày tận thế ? Các báo căn cứ vào đâu mà quyết đoán như vậy ?

— Có lẽ họ theo cái thuyết của Đạo Cơ-Đốc Phục Lâm (ADVENTISTES) Đạo này tin rằng giờ tận số của loài người không còn bao xa. Họ ví dụ giờ tận thế là đúng 24 giờ, thì đồng hồ của Chúa đã chỉ 24 giờ kém 5 phút. Theo sự phán đoán của Cơ-Đốc Phục Lâm, các bom nguyên-tử của loài người đã chế ra, chính là cái diềm báo hiệu cho ta đợi



**Một cảnh hoang tàn  
sau khi động đất**

chờ ngày tận-thế rất gần gũi đây,  
Anh có đọc quyền " Minuit moins cinq " (kém 5 phút đầy nửa đêm)  
đó là lời báo-động cho loài người  
dự bị gấp-gấp theo về với Chúa  
kéo ngày tận thế không còn bao  
xa.

— Mình có tin không ?

Ông Tú hái một cành hoa hồng  
vừa mới hé nụ, đẹp và thơm  
làm sao ! Ông nưng - niu nụ hoa,  
đem lại bà Tú, vừa đi vừa nói :

— Không ! Anh không tin là  
Thượng-dế sẽ tàn, nhẫn với  
loài người đến như thế !

Ông ngồi xuống vũng, khẽ  
nghiêng mình trên ngực bà, và  
trao bà cành hoa hàm-tiểu :

— Đây, anh tặng mình một  
nụ cười của Thượng-dế.

Bà Tú âu-yếm nhận hoa, đưa  
lên mũi ngửi :

— Nụ cười đẹp quá, và thơm  
quá nhỉ ! Đẹp và thơm giống  
như nụ cười của anh Tú yêu  
quý em.

Rồi bà đưa lại ông Tú :

— Mình kết hoa lên ngực  
cho em.

Bà âu yếm hôn vòm trán cao  
của chồng, rồi hỏi tiếp :

— Mình ơi, theo Mình, không  
có Thiên - đàng và Địa-ngục thật

sao hả Mình ?

— Muốn có thì có, muốn  
không có thì không có...

— Nếu như có, thì Thiên-  
đàng và Địa-ngục ở đâu ?

Ông Tú châm diều thuốc hút,  
tầm-tầm cười :

— Anh rất tiếc là không thể  
trả lời câu hỏi đó của em, vì lẽ  
rất giản-dị là anh chưa có dịp đi  
du-lịch đến thăm hai nơi ấy.

— Trong các sách Sứ - Địa,  
không có nói sao, Mình ?

— Thế thì hồi Mình còn học  
trường Gia-long, các cô giáo dạy  
môn Sứ-Địa có dạy mình Thiên-  
đàng và Địa-ngục ở đâu không ?

— Sách của em học toàn là  
đề thi Trung học đệ nhất cấp,  
hồng có sách Sứ-Địa về Thiên-  
đàng và Địa-ngục, Mình à. Nhưng  
em nghĩ rằng sách của Đại-học  
Bách-khoa thì có.

— Rất tiếc là anh không có  
học trường Đại-học Bách-khoa.  
Nhưng anh nhớ mang-máng rằng  
Thiên - đàng và Địa-ngục có bốn  
năm nơi lận.

— Ở đâu, hả Mình ?

— Theo như các sách kinh  
của Đạo BÀ-LA-MÔN, (*Brahmanisme*) thì Địa-ngục, gọi là  
BHOUVANA, ở dưới Trái

Đất, nơi từng dưới thế-giới yêu ma (PÂTALÂS), gồm có 24 khu - vực. Những người chết xuống dưới, như bị di tù dày, kẻ tội nặng thì ở nơi khu - vực khồ-sai chung thân, kẻ tội nhẹ thì được biệt-dải hơn, v. v... Rồi một thời gian mãn hạn những kẻ này được sống lại, trở về trần gian. Bên Nhật có hai nơi Địa-ngục. Địa-ngục của Phật-giáo gọi là JIGOKO, và Địa-ngục của Thần-dạo (SHINTO) gọi là YOMOTSU KOUNI, nơi đây có một vị Chúa ngục rất khắc - khò, tên là SHOUSANOWO - NO - MIKOTO. Đạo Phật thì chia làm hai phái. Theo thuyết Nam-Tôn, tức là phái NIỀU - THỪA (HINAYANA), thì Đức Phật không quan-niệm ngày tận-thế. Cuộc đời là một luân-chuyền của nghiệp chướng (Karma). Con người sống hết kiếp này đến kiếp khác, luân hồi mãi mãi (samsara) cho đến khi nào tu được đến chỗ toàn-thiện toàn - mỹ, hoàn-toàn giác-ngộ thì sẽ đến NIẾT-BÀN (NIRVÂNA), và thành một vị Phật.

— Niết - Bàn là Thiên-dàng, phải không Minh ?  
 — Không phải là Thiên-dàng

của thiê-chất, mà là của tinh-thần thì đúng hơn. Là nơi vô sắc, vô hương, vô hình, vô ngã. Còn theo phái Bắc - Tân của ĐẠI-THỪA (MAHÂYANÂ) thì có Thiên - đàng, tức gọi là Cực-Lạc Thế-giới (SUKHA-VÂLI). Trong kinh A-DI-ĐÀ, có chép : « Từ đây đi về Tây-phương kia, trải qua 10 muôn úc Phật-dộ, có một Thế - giới gọi là Cực-Lạc ». Nơi đây dành riêng cho những người tu nhơn tích đức, và thật là một nơi thần - tiên, mà tất cả mọi vật đều là bằng vàng, bạc, châu báu, tứ bảo, thất bảo, lưu - ly, pha-lê, xa cù, mā - nāo, v.v... Còn Địa-ngục gọi là NARA-KA, hay là NIRAYA, là nơi giam nhốt những kẻ phạm tội-ác trên trần-gian. Tôi nhân bị đùi thứ nhục-hình ghê-gớm, do bọn quỷ-sú đầu trâu mặt ngựa, chim cú, rắn độc, chó ngao, cối đậm, cối dã, bàn chông, cưa xẻ, vạc dầu. v, v... có chừng 136 địa-ngục và nhiều cửa ngục.

— Còn đạo Hồi-Hồi ?

— Hồi giáo (ISLAM) cũng có quan-niệm rõ ràng về Thiên đường và Địa-ngục. Theo Kinh CORAN mỗi người đều chịu

trách-nhiệm về hành-vi của mình trên trái đất. Tất cả những hành-động của mỗi người đều có các vị Thần biên-chép rõ-ràng trong một quyền hồ-sơ, tên là SIDDJIN. Đến một ngày nào đó, Chúa MA-HOMET sẽ xét xử. Kẻ nào tốt sẽ được lên ở trên Thiên-dàng, tên là FIRDOUS, hay là DJENNET. Những tín-dồ của MAHOMET đều được lên đây. Còn ngoại già đều bị dày xuống Địa ngục, gọi là EL SAKKAR, hay là AL HOTAMA, nơi đây tội-nhân bị chết đói, chết khát, hoặc chết trong nước sôi. Còn những người lên ở Thiên-Dàng với Chúa ALLAH và Chúa MAHOMET thì được tha hồ hưởng các thú vui như ở trần-gian : dầu thơm, nước hoa, gái đẹp, v.v...

— Ở Thiên-Dàng Hồi-giáo, có rả gái đẹp để làm gì, hả Mình ?

— Mình hỏi lạ dữ hôn ! Có gái đẹp để yêu đương, chớ để làm gì ! Được yêu đương thả cửa mà ! Trong kinh CORAN cho phép đàn ông lấy ba bốn vợ, Mình không biết sao ? Ở thế-gian còn được lấy V1, V2, V3, V4, thì chừng lên Thiên - Đàng, Chúa ALLAH cho tha hồ lấy vợ, đến V35, cũng được nữa kia mà !

Bà Tú cười :

— Chi mà lạ rứa !

Ông Tú không cười :

— Lạ mẩn răng ? Anh thì anh cho là không lạ chi mô ! Thế mới là đúng diệu chó. Cho nên anh hoan hô Chúa Mahomet, và Chúa Allah ! Very good ! Very very good !

Bà Tú véo ông Tú đau diếng :

— Nói chuyện Thiêng - dàng, Địa ngục khác cho em nghe đi !

— Ừ, thì hãy bỏ cái tay ra đã ! Véo anh đau diếng, anh làm sao nói được ?

Ông Tú túm tím cười, nói tiếp :

— Theo người AI-CẬP, Địa ngục gọi là NUTGER-KHER, hay là TUÀOU, có mặt trời chiếu sáng. Vì ở Ai-cập, ban ngày mặt trời chiếu trên dương gian, ban đêm mặt trời chiếu dưới âm phủ. Ở đây không có hình phạt như ở các địa ngục khác. Tội nhân bị tiêu diệt sạch sành sanh, không còn một mạng. Còn những người có đạo đức, thì được sống lại ở NUTGER-KHER, và không bao giờ chết nữa. Ở HY-LẠP thì Địa ngục tên là HADÈS, ở về Phương-Tây, không có mặt trời. Hadès có 4 con sông bao bọc : Sông Styx, sông Cocyle, sông Acheron, và sông Pyryphlégeton. Cửa ngục có con chó ba đầu canh gác, tên

là chó CERBÈRE. Chúa ngục tên là HADÈS, có vợ tên là PERSIPHONÈ, và anh lái đò dè chờ các người chết qua sông, tên là CHARON. Trong ngục, lái còn có 3 ông quan tòa, tên là MINOS, RHADAMANTE, EAQUE... Mình có biết chuyện chàng Thi-sí ORPHÉE lén vô Địa ngục này dè tìm người yêu của chàng là EURYDICE không?

— Có phải tại vì cô nàng đẹp quá, bị chàng Aristée đuổi bắt nàng chạy trốn, bị con rắn độc cắn chết, phải không?

— Phải. Mình hãy kể nốt anh nghe xem có đúng không?

— Orphée nhớ nàng quá, bèn đi xuống âm phủ, quyết bắt người yêu về. Chàng đem theo ống sáo, vì chàng thời sáo còn hay hơn Tiêu lang ở bên Tàu nữa lận. Chàng bơi qua sông Styx, lên cửa ngục bị con chó Cerbère 3 đầu 6 mắt trông thấy, toan vồ chàng. Nhưng chàng thời ống sáo hay quá, con chó 3 đầu 6 tai nghe mê rồi ngủ luôn. Orphée liền lén vào được ngục tìm gặp Eurydice. Nàng trông thấy chàng, mừng quýnh, nhảy tới bá cổ chàng và hôn thời là hôn! Chủ ngục bằng lòng cho Orphée đưa người yêu về, nhưng với một điều-kiện, là chàng đi trước, sang đi sau, và chàng phải ra đến khỏi cửa ngục mà không được quay lại ngó nàng. Orphée

vâng lời, nhưng vừa ra tối cửa Ngục thì chàng quay lại ngó Eurydice. Vì sai lời cam-kết đó mà chàng không được đưa người yêu về, chàng mất luôn Eurydice, tội nghiệp quá!

— Mình kè chuyện có duyên lạ! Nhưng có chỗ mình nói « nàng mừng quýnh, liền bá cổ chàng và hôn thời là hôn » là Mình thêm, chứ trong thần thoại Hy-Lạp không có nói câu đó.

— Ừ thì em thêm vào cho ướt át một chút cũng được chứ. Mình nói tiếp đi.

— Ở LA-MÃ, Địa ngục tên là INFERI, còn những kẻ chết xuống ở đó thì gọi là MÂNES. Chúa ngục tên là PLUTON, có vợ là mụ PROSAPINE. Những hồn người chết (Mânes) tuy là bị giam ở địa ngục nhưng được tha hồ hiện về trần gian thăm gia-dinh bạn hữu, hoặc thăm vợ thăm chồng. Người BA-TƯ thì cho rằng linh hồn người chết sau khi tắt thở còn ở vần-vơ chung quanh xác chết trong 3 ngày, rồi đến một tòa án, sau khi tòa xử nặng nhẹ theo hồ-sơ của mỗi người, vong-linh bị các u-hồn, linh của âm-phủ, dắt đi qua một cái cầu tên là CHINVAT. Đến đây, người có tội nặng, bị xô xuống hố sâu, tức là địa-ngục DOUGIAKH

cho bọn quý sứ DEWS ăn thịt. Những người hiền lành phúc đức thì được dẫn qua khỏi cầu, lên một gò cao là nơi Thiên-dàng GO-ROTMAN. Theo người DO-THÁI ở Cận-Đông, tất cả người chết sẽ bị đưa về một thế giới tên là SCHÉOL, là nơi an trí. Ở đây một thời-gian để được lựa chọn, rồi những người tốt được tiến lên Thiên-dàng, CIEL. Còn những người xấu bị xiềng xích tống xuống ngục tên là GÉ-HENNE, ở khía cạnh sai đời đòn kiếp kiếp. Còn các dân tộc ở Bắc-Âu, như THỤY-ĐIỀN, NA-UY, PHẦN-LAN, ĐAN-MẠCH, thì chia vú-trụ thành 9 thế-giới. (Phật - giáo chia vũ trụ thành « tam thiên đại thiên Thế - giới », gồm có 1000 triệu Thời - giới). Trong 9 thế giới của Bắc-Âu, có 1 thế-giới riêng gọi là Địa ngục. HELHEIM do một Nữ Chúa cai quản tên là HEL con gái của Thiên Thần Locke. Nàng tiếp

nhận những kẻ chết vì bệnh tật, vì già, cho ở một nơi để dưỡng bệnh và dưỡng lão.

Còn những kẻ phạm tội ác, bọn lưu-manh, bọn phù thủy, thì nhốt riêng một nơi để chịu khổ hình. Những anh hùng tử trận, những người hiền lương, những Thi sĩ, Văn-sĩ, nghệ sĩ có tài-năng đều được nàng Nữ Chúa diễm kiều âu yếm đưa lên một nơi Thiên-dàng, tên là VALHAL. LA có lâu dài nguy nga tráng lệ, để hưởng hạnh-phúc đời đời...



Bà Tú nghe mê câu chuyện Thiên-dàng địa-ngục của ông Tú. Bà âu-yém ôm ông lên ngực, và khẽ bảo :

— Thiên -天堂 của em là Mình đây !

Rồi bà hôn ông Tú của bà, hôn thôi là hôn, hôn có hàng triệu hàng triệu cái hôn, không sao đếm được...

## DIỆU HUYỀN

### TIN MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của :

— Bạn LÂM-VỊ-THỦY, ký-giả, kết hôn cùng cô ĐINH-KIM-HOÀNG vào ngày 10-4-1960.

— Bạn PHẠM-CÔN-SƠN, ký-giả, kết hôn cùng cô TRANG-NGỌC-CHIẾM, vào ngày 15-4-1960.

Vậy chúng tôi xin thành thật chúc mừng quý bạn trăm năm hạnh phúc.

NGUYỄN-VŨ — BẠCH-YÊN  
NGUYỄN-THU-MINH — VÂN-SƠN

Chuyện cũ người xưa

# Không Minh

(Tiếp theo P. T. số 30)

## TRẬN XÍCH BÍCH

Lô-Túc đến hỏi thăm Không-Minh có thành-công không. Minh đáp :

— La thủy chiến, bộ chiến, mǎ chiến, xa chiến, mòn gì cũng giỏi chớ không như Chu Công Càn chỉ biết thủy chiến mà thôi.

Du nghe nói tức khí không thèm khiến Không-Minh nữa, tư nhận lãnh vạn quân đi dốt lương Tháo.

Bấy giờ Không-Minh mới cười nói :

— Công Càn sai tôi đi dốt lương là ý muốn mượn tay Tào-Tháo giết tôi. Nay tôi mới dùng một lời nói giốn mà Công Càn đã không chịu được. Giặc Tháo giỏi dùng binh xưa nay chỉ cướp lương của người. Nay tại chỗ chứa lương của y sao chẳng có trọng binh phòng bị. Công Càn mà đi thì bị bắt đấy. (Dịch giả trộm nghĩ rằng Chu Du một tay túc trí đã mưu đã biết nơi chứa lương

của Tào Tháo là từ địa sai Không-Minh đi, đe mượn tay Tháo giết kẻ mình ghen tị, thì không có lý-do gì còn chịu nhận trách nhiệm nguy hiểm ấy về phần mình.

Huống chi lời khiêu khích của Không-Minh thật quá trẻ con. Trong khi Không-Minh ở Đông-Ngô bị Chu Du tìm phỉong sát hại, thì Lưu Bị nóng ruột chờ đợi bên sông, rồi sai My-Trúc đi thám thính. Trúc đến yết kiến Chu Du xin giáp kiến Không - Minh. Du Cáp :

— Không - Minh còn đương bàn mưu với tôi phá Tháo chưa thè về được.

Và ngỏ lời muốn tiếp kiến Lưu Bị. Trúc nhận lời. Chu Du đặt quanh trường 50 đao phủ thù đê giết Lưu Bị.

Rồi Lưu Bị và quan Vân Trường cưỡi thuyền sang phó hội. Chu Du mời vào trong, trường. Không-Minh bấy giờ ngầu

## KHÔNG MINH

nhiên ra chơi bờ sông, nghe nói Huyền-Đức mới đến, đương hội nghị cùng Đô-Đốc. Không-Minh kinh hãi vội vào trướng xem động tĩnh thế nào, chỉ thấy mặt Chu Du đầy sát khí...

Nom tới Huyền-Đức vẫn thấy tươi cười. Khi chợt thấy Vân-Trường cắp đao đứng sau Huyền-Đức, Không-Minh cười vui :

— Chủ ta không nguy rồi. Chu Du cùng Huyền - Đức yên ấm, rượu được vài tuần. Du đứng lên rót rượu, khi thấy Vân Trường mới hỏi là ai ?

Huyền-Đức nói :

— Đây là em tôi, Quan Vân-Trường !

Du thất kinh;

— Có phải là người trước chém Nhan Lương, Văn Sứ ?

— Chính phải.

Du càng kinh hãi mồ hôi chảy đầy mặt.

Đó là theo T Q C D N. Dịch giả trộm nghĩ đoạn này, nhà văn đã rút ở giang Bửu truyện, rồi bi-kịch, hóa nội-dung.

Thật ra lấy con mắt hợp lý mà nhìn, đó chỉ là câu chuyện tưởng tượng, thử hỏi Du định hâm hại Bị mà đã bầm mệnh Tôn Quyền chưa ?

Chớ hai bên đang kết Đồng-Minh, không lẽ lại mưu toan giết chủ một bên ?

Đoạn Chu Du chém sứ giả dù hàng của Tháo.

Tháo cả giận sai Thái - Mạo, Trương Doãn tiến lên Tam-giang. Khâu đánh Du nhưng thua phải lui binh. Rồi sai Trương Cán sang thuyết Du, thuyết hai lần không thuyết phục nổi Du còn mua vồ những tai hại. Lần trước mắc lừa, Tháo chém Thái Mạo và Trương Doãn, lần sau bị Bàng-Thông bày kế liên hoành, Du đáp lại bằng kế trả hàng của Hoàng Cái rất có hiệu quả. Rồi Không-Minh thi tho tài năng, xem thiên văn lấy được mười vạn mồi tên cho Du trong một đêm, khiến Du thán phục.

Bấy giờ mùa Đông tháng già, chỉ có gió bắc từ phía Tháo thôi, về không lợi cho trận hỏa công. Minh đã lập đàn Cầu Đồng phong cho Du để ủng hộ trận thủy chiến khiến Du thấy tài đoạt cả trời đất của Minh mà kinh sợ. Minh quả đã dẩm vào gan ruột Du. Du muốn giết Không Minh mà không giết nổi. (đoạn này toàn bịa đặt).

(Còn nữa)

# Sách Báo mới

## \* GÌN VÀNG GIỮ NGỌC

Truyện ngắn của *Doanh-quốc-Sỹ*

Nhà xuất bản Nguyễn-dinh-Vương 38 Pham-ngũ-Lão Saigon.  
— Dày 184 trang — giá 30đ.

★ KÝ THÁC tập truyện ngắn của *Bình-Nguyễn-Lộc*, gồm có 26 truyện. Bên Nghé xuất bản. Trên 200 trang, giá 45đ.

★ ĐAU THƯƠNG thơ của *Thế viên*. Thế viên là tác giả tập thơ « Người yêu tôi khóc » đã xuất bản năm 1959. Trong « Đau thương » hầu hết là những bài thơ tình ái, đại đế như :

« Chúng ta từng đau khổ  
Yêu người người không yêu  
Cuộc đời như non mía  
Và đáng cay rất nhiều...  
v.v... »

Thỉnh thoảng xen vào một đôi « Bài ca Việt sử », « Hà Nội », v.v... hoặc những bài thơ không vần, không âm điệu, đại khái như sau đây :

Đã từ lâu tôi hay nói chuyện tình ái  
Nhưng chưa tìm đủ danh từ  
Để định nghĩa hai chữ yêu đương  
Nên tôi vẫn làm thơ  
Cho những người con gái ngực đầy căng vú sữa  
Tóc xù xuồng đeo vai,  
v.v... »

Tất cả 30 bài, giá 32\$ — (Tác-giả xuất bản)

★ **TÂN BIÊN HOA VIỆT TÙ - ĐIỀN** của Lý-văn-Hùng.

Ông Lý-văn-Hùng là một thi-sĩ, kiêm học giả Trung hoa, rất thông thạo Việt-ngữ. Quyển «*Tân Biên Hoa-Việt Tù-Điền* » rất ích lợi cho người Tàu học chữ Việt, và người Việt học chữ Tàu. Giảng giải rõ ràng và xác đáng. Tác-giả xuất-bản : 651 Nguyễn-Trãi Chợ-lớn.

✖ **THIỀN - HƯƠNG.**

Thơ của THƯỢNG - HUYỀN - ĐẶNG - VŨ - HIỆP. 6 bài thơ : *Bức tranh tình, Người đẹp thuở xưa, v.v...* và một bài kinh : *Mỵ - Châu Trọng - Thủỷ*, 4 màn. 60 trang — giá 20\$.

*Bức thư ngỏ kính gửi bạn đọc*

Từ lâu, ba chúng tôi nuối ý định soạn một quyển :

**VƯƠN THƠ**

(Những bài thơ chọn lọc trong khoảng trăm năm nay)

Tài-liệu nay đã gom góp gần đủ, chúng tôi mong được các bạn giúp đỡ cho việc làm của chúng tôi ít phần sơ sót :

1.— Xin cho chúng tôi biết ý các bạn muốn quyển ấy phải như thế nào ;

2.— Xin cho chúng tôi biết những bài thơ mà các bạn cho là hay (các bạn nhớ cho chúng tôi xuất-xứ rõ ràng : trong tập thơ nào, in năm nào ; đăng ở báo nào, số... ngày..., các bạn hiện có sách báo đó hay là bạn nào có...)

Chúng tôi xin thưa trước với các bạn rằng, đây là những bài thơ đã được công-bố trên mặt báo hay đã in thành sách.

Xin cảm ơn các bạn trước. Và các bạn có ý-kiện gì xin gửi về địa chỉ sau đây : *Nguồn-hữu-Ngư, 160, Phan-định-Phùng Saigon*

*Kính*

**BÙI-KHÁNH-ĐÀN, NGUYỄN-HIẾN-LÊ,  
NGUIỄN-HỮU-NGƯ**

## \* GIẢNG - VĂN ĐỆ - LỤC

Của THẨM-THỆ-HÀ

Nhà xuất-bản SỐNG-MỚI — 30B Phạm-ngũ-Lão — SAIGON  
Sách Giáo-khoa, trích giảng những bài của một số nhà văn cũ và mới.

Có tiêu-sử các nhà văn ấy.

Bình giảng tinh-tế. Dàn bài hướng dẫn rành-rẽ, dễ hiểu.

Ấn-lota ký-lưỡng, sáng sủa. Trình bài đẹp, giá 50\$.

## TAO - ĐÀN PHÒ - THÔNG

Chúng tôi có nhện được rất nhiều thơ họa vận hai bài thơ Tết của Cụ Ưng-Bình, và cụ Thường-Tiên, do quý vị Thi-nhân sau đây :

TRỌNG-THƯ (Bình-Định), HỒ-KIỀM, NAM-TRUNG-SĨ (Đà-Nẵng) TRẦN-HỮU (Long-Khánh) ANH-SINH (An-Xuyên), BIẾN-NGŨ NHÝ, THƯỜNG-LẠC, LONG-GIANG, MINH-TẢI, THUẦN-ĐỨC (Saigon), THẾ-PHUỘNG (Cao-nghệ) MẶC-KINH-THI (Ban-mê-thuột) TÔN-THẮT-LUÂN (Dalat), TẠ-THÚC-KINH (Bình-Tuy), LINH-PHUỘNG (Đà-Nẵng), XUYÊN-DÃ (Nhà-Trang) PHẠM NGỌC KIÊN-TRỊNH (An-Xuyên), LONG-UÔNG (Cao-Nghệ), VIỆT-HOÀI (Đàlạt), MAI-VĂN-THIẾT (Huế), VÂN-LINH (Đà-Nẵng) ĐÀO-ĐỨC-NHUẬN (Huế), HUỲNH-NHẬT-DUYÊN, HOÀNG-QUANG-BẰNG (Tân-Đinh) VÕ-HUYỀN-TRÂN (Saigon), TAM-TƯ (Huế) KIỀU-DUYÊN-PHUỘNG (Huế), NGUYỄN-NHƯ-ĐỊNH (Thành-nội, Huế).

Ấy là những bài hay nhất, nhưng rất tiếc vì tạp-chí không còn chỗ nên phải tạm gác lại. Vậy xin thành thật cáo lỗi cùng quý-vị Tao-nhân, và xin vạn tạ.

P. T.

## SÁCH BÁO MỚI

### \* CHIẾN DỊCH DIỆT SỐT RÉT

Của Bộ y tế. Một tập sách nhỏ, nhưng tài liệu khá đầy đủ, và rõ ràng, dễ hiểu, rất nên phổ biến các nơi có muỗi a-nô-phen, nhất là các nơi rừng thiêng nước độc.

### \* LONG-KHÁNH ĐẶC SAN, Mùa Cộng-Hòa 1959

Bộ Biên tập do Tòa Hành-Chánh tỉnh Long-Khánh đảm nhiệm, dưới quyền điều-khiển của ông Tỉnh-Trưởng Long-Khánh. Một đặc san chứa đựng rất nhiều tài-liệu và hình ảnh chứng tỏ những khả-năng dồi-dào, những cố gắng nhiệt-thành và những thành-công rực-rỡ rất đáng khen của toàn-thể các cấp bức Đầu-Quân-Chính của Tỉnh ấy.

Ngoài những phóng-sự bằng hình, những bài tường-trình về các hoạt động của các cơ quan chánh quyền và Thanh-niên, tất cả đều linh-dộng, đầy đủ, tập Long-Khánh Đặc-San còn dành riêng nhiều trang Văn-nghệ, truyện ngắn, thơ, bản nhạc: v.v... rất duyên-dáng của các bạn Văn-nghệ-sĩ của Tỉnh.

Chúng tôi xin thành-thật khen tặng ông Tỉnh-Trưởng và toàn-bộ Biên tập Đặc San Long-Khánh đã có sáng kiến trình bày một giai-phẩm linh-dộng và mỹ-thuật như thế.

*Mời quý bạn yêu văn chương thưởng thức những tình cảm đã lên hương trong lòng.*

### ĐẤT MẸ



Tập tuyển văn đầu tay của THU-VÂN  
( Blao ). Cây bút phụ-nữ miền Nam đã tung  
ra mắt quý bạn trong Văn-Hóa Ngày Nay  
với hai bài ĐẤT MẸ và TRĂNG NGÀN.



**Truyện dài của cô VÂN-NGA**  
(Tiếp theo P.T. số 31)

Tôi như tinh mộng, thẩn thờ bước vào nhà. Đầu đó bên sông qua tiếng vỗng đưa kêu ket, một điệu hát thanh hành lúc bấy giờ để than thở hồn vọng phu đưa ra vắng vắng như gợi thêm nỗi sầu ly biệt.

Tôi lặng lặng đưa tay chùi nước mắt...



**H**AI tháng sau, tình hình tạm êm tĩnh, tôi liền ra chợ Rạch-giá, đến ngay nhà ông Phán Bá. Gia đình ông Phán đã hồi cự yên lành hơn tháng nay và có nhẫn tin

cho tôi biết. Thanh, Hạnh, gấp tôi, mừng tíu tíu, cầm giữ lại ở đêm để nhắc nhớ những kỷ niệm sâu xa không thể bao giờ quên được.

Sau khi bọn anh Thanh đi được ít lâu, gia đình tôi phải trải qua nhiều mề mài kinh hồn. Trước nhất là cướp đánh về đêm, có súng ống hồn hoảng, khiến đồng bào không dám ngủ trong nhà; kế đó là bị nạn « thổ dậy » thật là kinh khủng chưa từng có. Các thổ dân, gốc người Miền, không hiểu nghe lời tuyên truyền xuyên tạc thế nào mà lại dậy thành giặc, nhóm họp từng đàn từng lũ từ năm, bảy mươi đến một đôi trăm người, kéo ngay cổ phản ra để tra cán dài vào, rồi kéo nhau đi sát phạt đồng bào ta. Họ giết cả nhà, cả xóm, máu đổ thây roi thật là gớm ghê; quen lạ gì cũng không dung mạng ! Đầu đầu cũng nhìn thấy một cảnh tượng kinh hãi, đau lòng !

Có một bận, chúng tôi bị một toán « thổ » ấy rượt theo rất gấp, ngõ là phải nạp mạng cho chúng thì may sau có một bộ đội của ta triệt thoái về gần đây liền kéo đến giải cứu. Súng bắn thay mà kinh, bọn người thổ quá khích và say cuồng trong men rượu nọ vẫn chạy xông

xổng đến, là hết dậy trời, loạt người này ngã đã có loạt khác thê vào khiến cây súng máy của trung đội nổ hết cả đạn, xạ thủ viên phải vát súng thối lui... Cũng nhòe trận ấy, người thở trong vùng tôi mới hết nghe lời xúi dục bậy bạ, không ham cướp dứt của người và chật đầu người ta để lãnh thưởng nữa...

Qua xong hồi kinh khủng ấy, chúng tôi lại bị cái nạn « tay bö » thật cùng lầm điêu linh khổ sở, nay trốn đây, mai chạy đó, khi nheo nhóc dưới một ghe chật hẹp, lúc hầm hút trong một chòi lá xác xơ, màn trời chiếu đất, dài nắng dầm mưa, thật không biết qua bao nhiêu giai đoạn ngắn ngâm è chè...

Chúng tôi nhắc lại những chuyện đã qua, vui buồn lẫn lộn càng khêu gợi nguồn cảm xúc rồi rào, lai láng. Thành hỏi tôi :

— Bấy lâu nay chị có được thư của anh Thanh ?

— Không, chị ạ.

— Gia đình anh ấy cũng đã tan cư về chợ rồi, chị biết không?

— Tôi có nghe nói, và hôm nay tôi ra đây cũng vì lời cẩn thận thiết yếu của anh trước khi ra đi.

Thành và Hạnh nài nỉ tôi ở lại tâm tình một đêm cho được hả lòng. Hai chị em thấy tôi buồn mải, mới rủ đi xem hát. Nỗi tình quá, tôi gắng gượng làm vui với hai bạn. Chợ Rạch-giá qua một cơn xáo trộn, thay chủ đổi người, bề ngoài mặt trường chừng như trở lại vẻ yên tĩnh thanh bình thuở xưa chưa có gì thay đổi...

Tuồng hát hôm ấy là một tuồng cải lương có nhiều pha xảo thuật diễn một tích cũ : Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu. Cảnh ngộ của tôi sao lại khéo hạp cùng vai đào trên sân khấu và khi nàng đâu gặp mặt mẹ chồng chưa từng biết mặt phải chịu bao nhiêu lời hỏi cặn kẽ, đục trong, thì tôi bỗng rơi lụy dầm dề, không còn bụng dạ nào ngồi xem nàng được nữa.

Thành hiểu tâm sự tôi, liền khuyên dứt :

— Sàn khấu và thực tế vẫn khác nhau xa, hơi nào chị buồn thảm.

Ngày mai này, tôi sẽ ăn nói sao với cha, mẹ của Thanh. Ông, bà có đem trảu cau đậm, hỏi tôi cho chàng đâu, mà bày giờ tôi lại gọi Thanh bằng chồng?

Nếu ông, bà rộng lượng, nghĩ đến con luôn lạc mà tha thứ cho Thanh và tôi, thì hạnh phúc mai sau của chúng tôi mới thật bền bỉ bằng rủi như ông, bà cố chấp nếp nhà cố kính, tò vè lạnh nhạt khinh khi tôi, đầu sau nầy tôi có ăn ở cùng Thanh đi nữa, mong tình ôm ấp bấy lâu cũng phải có ngày tan nát rã rời..

Đêm ấy tôi không ngủ được, lòng cứ rộn rực bàng hoàng như một thí sinh sắp qua một cuộc thi để quyết định tương lai của đời. Thanh bảo cùng tôi :

— Bà thầy có tiếng là người hiền đức, việc gì chỉ phải khổ tâm ?

— Chỉ Năm là người chúng kiến cuộc tình duyên của chúng tôi lại đi lên ở trên Mỹ-tho, tôi biết nói làm sao với mẹ chồng cho khỏi ngỡ ngàng ?

— Ngày mai tôi sẽ cùng đi với chị, thử xem ý tứ bà thầy thế nào. Ngày giờ chị hãy ráng ngủ đi, để dành bộ mặt tươi rói cho ngày mai chứ.

Mặc dù có lời khuyên bảo hữu lý của bạn, tôi cũng không sao chớp mắt được trước ba giờ sáng. Trong hai tháng nay, ngày nào tôi cũng trông tin

của Thanh, người trông chờ mỗi mòn, tin giờ về biến biệt, cái sầu nhớ nhung mỗi lúc mỗi đầy, lòng khát vọng ngày càng thấm thiết... Ai ôi, thế mới biết cái tuổi ngày thơ là đáng quý, giờ có thèm tưởng đến cũng không bao giờ được ?

Sáng hôm sau, vào khoảng 10 giờ, Thanh và tôi đi đến nhà ông bác sĩ. Chưa bao giờ tôi hồi hộp như thế và lòng bỗn loạn nhiều nỗi lo âu. Bà bác sĩ niềm nở đón tiếp chúng tôi, mời giải khát và mở đầu bằng vài câu hỏi xã giao. Tôi ngồi núp sau lưng Thanh, không dám hé gì hết, thỉnh thoảng đưa mắt liếc nhìn bà.

Bà bác sĩ năm ấy độ hơn năm mươi tuổi, cử chỉ khoan thai, vẻ người nền nếp sang trọng mà ai nhìn qua cũng phải đem lòng kính mến. Mặt bà đẹp một cách phúc hậu như phát lộ sự hiền đức ra bên ngoài. Bà nói năng dịu dàng và chậm rãi khiến cho tôi nhớ ngay đến giọng nói của Thanh, không khác một tí nào. Tiếng nói của bà như nhuần thấm một vẻ thành thật tự nơi con tim phát ra làm cho người nghe phải ái mộ và

tin tưởng. Tôi bắt đầu thấy hơi  
vững lòng đôi chút.

Bà bác sĩ nhìn vào tôi nhiều  
hơn cả và nhẹ nhàng hỏi :

— Trong hai cô, xin lỗi, cô  
nào là cô Vân, em cậu Khanh ở  
Cái Đuốc ?

Tôi liền đứng lên chắp tay  
nói :

— Thưa bà, cháu đây ạ.  
— Có phải năm nay cô được  
19 tuổi không ?

— Dạ phải.

— Chị Năm mấy đứa nhỏ  
khen cô đẹp lắm, bây giờ tôi mới  
biết đúng. Má và mấy em ở nhà  
cũng mạnh giỏi nhá ? Sao má  
không ra chơi ?

— Thưa bà, má cháu vẫn  
được mạnh, nhưng phải bận thu  
xếp việc nhà nên không đi xa  
được.

Khi ấy, có một đứa gái bé  
chạy ra bảo cùng bà :

— Bà nội à, cơm dọn rồi, con  
đói bụng lắm.

Bà bác sĩ dịu dàng bảo cháu :

— Minh, con không chào  
khách đi con... Kìa, còn người  
này nữa, con biết là ai không ?  
Đó là mẹ Chín, vợ của chú  
Chín con đó.

Tôi biết đứa con gái nhỏ đó  
là con của người anh thứ Bảy,  
mồ côi mẹ từ nhỏ và ở với bà  
nội, liền kéo nó vào lòng nựng  
nựu. Bà bác sĩ gọi người nhà  
đem đồ đặc của tôi vào nhà và  
đổi cách xưng hô mà bảo cùng  
tôi :

— Con ra chơi chừng nào  
về ? Cứ ở luôn đây cho tiện.

Bà bác sĩ cầm chị Thành ở lại  
dùng cơm, nhưng Thành xin kiểu  
về. Bà liền bảo người nhà dọn  
cho tôi một cái phòng kẽ bên  
phòng ngủ của các cô gái và nói :

— Con đừng ngại gì hết, nhà  
ngoài này cũng như nhà ở trong  
vậy. Lần sau có ra cứ lại đây ở.

Bà bác sĩ gọi các cô gái em  
của Thành, lại giới thiệu cho  
tôi. Các 12 và 13 là hai cô nhỏ  
hơn hết hiện đang có mặt ở nhà,  
đều hoan hỷ đón tiếp tôi.

Trước buổi cơm, bà bác sĩ  
gọi tôi ra trình cùng ông bác sĩ.  
Tôi đã có gặp ông một lần cách  
mấy năm trước, bây giờ trông  
ông có ốm hơn chút đỉnh. Ông ít  
nói, nhưng rất tử tế và lúc nào  
cũng sốt sắng giúp ích cho mọi  
người. Ông hỏi thăm chuyện nhà  
tôi, và tình hình trong ruộng

đạo này ra sao, rồi sau ông mới bảo :

— Chị Năm có về nói chuyện việc hôn nhân của hai con cho ba má nghe. Ba má thấy không có gì là ngăn trở hết. Nhưng bây giờ thằng Chín phiêu bạt ở đâu chưa biết và ngày về của nó không làm sao đoán trước được. Vậy bây giờ ba má cứ xem con như là con ruột ở trong nhà, để chờ khi nó về thì mới tính đến hôn sự của hai con được.

Nghé những lời nói hiền từ ấy, tôi cảm động đến rót nước mắt...

Khi cơm xong, bà bác sĩ không nghỉ trưa mà lại vào phòng tôi trò chuyện, hỏi han về những ngày cuối cùng của Thanh ở tại

nà tôi. Mẹ chồng nàng đâu nói chuyện với nhau cho tôi chiều vẫn không hết chuyện. Tôi hết sức kính mến người, và nghĩ rằng mình có phước lâm mới gặp được một bà mẹ chồng mà chưa chi tôi đã thấy yêu mến như là một bà mẹ ruột vậy.

Gia đình bên chồng, không ai không tử tế với tôi và cũng nhở vào tình yêu mến ấy mà tôi mới đủ can đảm chịu đựng nhiều thử thách về sau mà người thiếu nữ trong thời loạn nào cũng phải trải qua, không nhiều thời ít, nhất là những kẻ ở thôn quê là những nạn nhân số một của một lũ người thua nước đục thả câu, tha hồ bóc lột và áp bức đồng bào !

(Còn nữa)

### CÁO BIỆT QUÝ BẠN ĐỌC PHỐ-THÔNG

Sau một năm được làm bạn với quý bạn đọc qua bao cảm tình thâm-thiết, vì bạn nhiều việc riêng, kể từ số 33 trở đi, tôi không còn phụ-trách được nhiệm-vụ Quản-Lý tạp chí Phố-Thông được nữa. Vậy xin kính gửi quý bạn lời chào thân-đi.

Cũng kể từ số trên, mọi sự giao dịch về tiền bạc cũng như về việc quản lý đều do ông Nguyễn-Vỹ đảm nhiệm.

TRẦN-VĂN-LANG



# ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU.HUYỀN  
và BẠCH-YẾN

## \* Em Hoa-Huyền, đường Lý-thái-Tô. Sài-gòn

Câu « Đông và Tây không gặp nhau bao giờ. (L'orient et l'occident ne se rencontrent jamais), & trong quyển « *Livres de la Jungle* » 1894 — 1895 của văn-sĩ Rudyard Kipling, người Anh, viết tại Ấn-độ. Có ý nói hai giống người da vàng và da trắng khác nhau về mọi phuong diện không thể nào thông-cảm với nhau được.

Câu này diễn tả một tự tôn mặc cảm rất hẹp-hội của người Anh đối với các màu da dị-chủng (coloured people) và đã bị thực tế đính chính một cách rõ rệt và còn cay chua là khác nữa,

## \* Trần-dinh-Nguyên (Phú-Hương).

*Cử-tọa.* Cử : tất cả, toàn thể. Cử-tọa ; toàn thể khán giả hay thính giả đang ngồi nghe, ngồi xem.

*Lệnh ái.* Cô con gái đáng quý trọng của ông, của bà,

*Lệnh-nghiêm :* Ông thân sinh đáng tôn kính của ông bà.

*Lệnh-đi-rồng :* Bà thân mẫu đáng tôn kính của ông bà.

Không thể nói : « lệnh ái của tôi ». « Lệnh nghiêm tôi » v. v.

*Công-ty naked danh :* công-ty không có tên. (Société anonyme)

*Không tiền khoáng hậu :* Trước không có, sau cũng không có. Đơn đhc. Một việc không tiền khoáng hậu : một việc hy-hữu, từ trước đến nay chưa hề có bao giờ, và từ nay về sau cũng sẽ

không e6.

*Đôi uyên ương* : (chim uyên và chim ương khắn khít nhau) Đôi bạn tình âu yếm nhau lắm.

*Nàng tiên Nâu* : Thuốc phiện (thuốc phiện màu nâu) Dịch theo tiếng Pháp : *La fée brune*.

*Ấ Phù dung* : ả phiến, thuốc phiện, cây phù dung chính là cây ả phiến.

\* Ông Hội-Trưởng Thị-Hội Đà-nắng — Hội-Cô học Việt-Nam.—

Thưa ông, luôn luôn trên đầu bản mục-lục trang 4 của mỗi tập Phổ Thông đều có đề rõ số Báo và ngày xuất bản. Thí dụ: Bộ mới số 31. 1-4-1960.

— Những số còn thiếu (từ 1 đến 11) sẽ xin gửi sau.

\* Ô. Lương-Sỹ-Yên, 76 Nguyễn-tri-Phúơng  
Đà-nắng.

Vây, Thưa ông, Diệu-Huyền là tôi.

\* Ô. Hà-văn-Phúc, Giáo-sư Trung-học Nguyễn-tường-Tộ, Ninh-Hòa.

Theo thiển-ý của chúng tôi, thì "Chữ Quốc-Ngữ" ta hiện nay không cần phải sửa đổi gì nữa cả, Đã lâu rồi, ông Nguyễn-văn-Vịnh đã có ý ấy, và đã đưa ra một lối "quốc ngữ" mới nhưng không ai theo, Nhiều người khác cũng đã đề-nghị nhiều lối « cải-cách » khác, nhưng rốt cuộc chẳng có tiếng vang. Vì chữ quốc ngữ ta hiện nay không có gì đáng gọi là khuyết điểm lớn lao

Đôi khi muốn sửa lại vài ba lối viết, thí dụ :

Bỏ *ph*, thay *f*.

Bỏ *d* thay *z*, hoặc *dz*

Nhưng *ph* của Việt-Nam đọc không có thổi gió (Sifflant) như của Pháp, *d* không nhấn mạnh được như *z*, v. v.

Lại có kẽ muỗn bỏ *y* thay bằng *i*, bỏ *k* thay bằng *C*, bỏ *P*, thay bằng *B*, thí dụ :

« Cính gởi ông Nguïễn-văñ-Fáb », Hoàn toàn đồng ý với ông. Chúng tôi cũng không thể tán thành những « cải cách » phù phiếm ấy.

\* CÒ PHAN-THỊ-CAO, (BẾN NGỮ).

1) *Kiến bò dĩa thịt bò*

*Đối* : *Ruồi đậu mắm xôi đậu*.

2) *Kia máy cày mía (nói lái)*

*Đối* : *Có vài cái vò*

3) *Cò lửa đúng giữ a cửa lò (nói lái)*

*Đối* : *Cá đối nằm trong cối đá*

4) *Tám người thôi tu huýt (Huit : tám)*

*Đối* : *Hai đứa nằm ngay đor.*

\* **Bạn Trần-dinh-Hào, Tri Thiện.**

1.— Nước AFGANISTAN (chó không phải « *Atghanistan* » ở phía đông-bắc Ba Tư (Perse, nay gọi là Iran và phía Tây Bắc Ấn-d Độ. (Tàu dịch là A-phủ-Hàn. Quyển sách quý do một nhà nghệ-sĩ Afganistan chép trên lụa và do vua xứ ấy tặng vua Anh, chính là quyển kinh *Coran* của Hồi-giáo. Vua Afganistan lúc bấy giờ tên là ZAHIR CHAH, vua Anh là GEORGE V, và năm ấy là 1921.

2. — Chữ NUMÉRO, viết tắt là №, không viết N, để khỏi lộn với N còn nhiều nghĩa khác, thí dụ : № = Nota ; № = Azota, (Nitre) ; № = Napoléon, v.v...

3. — POIRET, (Jean Louis), là một nhà Thảo-mộc-học của Pháp, tác giả Bộ « Tự-Điển Bách-Khoa và Thực-vật-học » (Dictionnaire encyclopédique botanique). Sinh 1755, chết 1834.

4. — *Tổ-chức Quốc-Tế cứu-trợ Nhi-đồng*, tiếng Anh là U.N.A.C. (United Nations Appeal for Children).

Do L.H.Q. đặt ra từ tháng Bảy 1948 để bảo trợ những

nhi đòng đau khổ trên hoàn cầu, như trẻ mồ côi, trẻ con hoang v.v...

## \* Ông Hoàng-văn-Nghi, Giáo sư trường Phan-thanh-Giản, Cần-Thơ, và bạn Nguyễn-dinh-Tráng, Sinh-viên khoa-học, Đại-học Saigon.

Thường thường, muốn cầu cơ thận mật trong gia-dình, người ta hay dùng một phương pháp rất giản-dị, không có nghi lễ gì phiền phức, chỉ cần phải có một cái «cô», bằng ván hòm của người chết (ở các Nghĩa địa thường có), tiện thành hình một trái tim (*Cœur*, do đây mà có chữ «Cô») lớn gần bằng một bàn tay trẻ em. Một mặt cô gắn ba hòn đạn nhỏ bằng hột đậu xanh, để cho chiếc cô lăn được dễ dàng. Nếu không có 3 viên đạn, thì bao mặt dưới thật láng cũng được, miễn là để cho chiếc cô chạy qua lại nhẹ nhàng, mau lẹ và đừng vấp. Khi muốn cầu cơ, phải lựa nơi vắng vê tĩnh-mịch, và ít người, (5, 6 hoặc 8 người thôi) và đừng ồn ào, đừng đùa giỡn. Thường phải cầu cơ ban đêm, và càng khuya càng tốt, càng thanh tịnh càng hay. Những người tham dự cuộc cầu cơ, cần nên sạch sẽ, và thành tâm.

Hai người cầu cơ, bắt luận đàn bà, con gái, người lớn ông già, miễn là hai người khỏe mạnh, sạch sẽ, thành thật, để từ-lực của mình (flux magnétique) có thể kết cảm dễ-dàng với từ-lực của huyền bí.

Nâng một tấm bìa, hoặc tờ giấy trắng lớn, hình chữ nhật, trên đó ghi chữ mẫu tự và các con số như sau đây:

A B C D E F G H I J K L M N O 0 0 P Q R S T U V E  
1 2 3 4 5 6 7 8 9 0



Đặt tấm bìa đó trên bàn. Hai người cầm-cơ (médiums) ngồi hai bên, mỗi người đặt một ngón tay trỏ trên mặt cơ. Ngồi yên lặng. Hai ngón tay của hai người (bất luận đàn ông hay đàn bà), là nơi tiếp nhận từ lực huyền bí của Thần linh để truyền vào chiếc cơ, nghĩa là hai ngón tay ấy hoàn toàn thụ động.

Ngồi yên lặng. Muốn tháp hương cũng được, vì mùi hương có công dụng làm cho không khí thơm tho trong sạch, chớ không có ảnh hưởng huyền vi nào trong việc cầu cơ cả, không phải là một yếu tố cần thiết.

Một người nào đó tự xưng tên tuổi, và thành tâm cầu khẩn Vong hồn của người chết để mời hồn hiện về đàn-cơ, nói chuyện với con cháu hay bạn hữu, gia-dinh. Thường thường; nếu có những điều-kiện hoàn-toàn thích-hợp, chỉ cầu khẩn ba hay bốn, năm lần, trong mươi lăm, hai mươi phút, hoặc nửa giờ, là Hồn hiện về. Hồn sẽ chứng hiện khi từ lực thần-linh đã kết-cảm với từ-lực của người trong hai ngón tay trên cơ, nhập vào đó và khẽ đẩy cơ đi. Chiếc cơ bắt đầu nhúc-ních và trả lời những câu hỏi. Nên có một người ngồi chép những câu hỏi và những câu trả lời.

Nếu hồn không hiện về, đàn-cơ thất bại, là tại thiếu một điều-kiện nào đó, tinh-thần hay vật chất không tạo được không-khí thích-hợp cho sự thần-linh kết cảm. Hoặc cái *flux magnétique* của người cầm cơ không được mạnh.

Bất cứ người theo Tôn-giáo nào, đều có thể cầu cơ, nếu có *flux magnétique* mạnh.

Cầu Cơ có thể là một dị-doan, nếu không được thực-hiện đúng-dắn; hoặc lừa bịa. Nhưng nếu nó được tổ-chức đàng-hoàng, nó sẽ là một thí-nghiệm phi-thường, để dành cho ta nhiều kinh-ngạc, & ngoài mọi sự giải-thích về khoa học của loài người.

#### \* **Bạn Phan-văn-Vy, 2, La Sơn phu-tử, Dalat.**

Dầu lửa lấy nguyên-chất ở dưới đất lên, đem vào các máy lọc, có thể chế thành 9 chất dầu thông-dụng hiện nay :  
1º ETHER DE PÉTROLE, dùng trong kỹ nghệ dầu-thơm, nhiếp-ảnh, y-khoa ; 2º ESSENCE DE PÉTROLE (dầu xăng);

3º/ DẦU LỬA, dùng đốt đèn ; 4º/ HUILE À GAZ, dùng trong các mô-tơ Diesel ; 5º MAZOUT ; 6º HUILE DE GRAISSAGE (dầu mỡ) ; 7º/ PARAFFINE ; 8º/ GOUDRON (nhựa trán đường cái) 9º/ COKE DE PÉTROLE dùng làm electrode, trong kỹ nghệ điện ; 10º/ VASELINE) bào-chẽ được pha m, và kỹ nghệ).

\* **Ô. Nguyễn-Tr. Cang, KBC 4172.**

- 1) Xin miễn trả lời về cá-nhân của ông N.V.
- 2) Trong Phổ Thông số 24 (kỷ niệm đệ-nhất chu-niên) có đăng gẫn đủ các ảnh của nhân viên Bộ Biên tập P. T. có ảnh của ông N. V. trong đó.
- 3) Tiết nhuận bút các bài và tiết đăng quang-cáo trong các báo, đều tùy riêng nơi mỗi báo, không có một giá nhất định.
- 4) Chúng tôi không được biết Ông Lê-Quỳnh.

\* **Bà Cang-thị-Sanh, Bến cát, Bình Dương.**

- 5) Bình « Mộng tinh » của đàn ông cũng là một nguyễn-nhân không có con. Bà nên hỏi Bác-sĩ về cách chửa bình.

\* **Ngô-đức-Suy, k.b.c. 4277.**

- Giải thưởng OSCAR về điện ảnh thường thường là một pho tượng bằng bạc, hoặc bằng đồng, trị giá vô chừng.
- Giải NOBEL bằng tiền, có khi tương đương với một triệu đồng bạc V.N.

\* **Ông Quốc-Tuấn, Tây-Ninh.**

— Lịch-sử Gia-tô giáo không có nói đến thế thúc nổi dòng của các vị Giáo-Hoàng. Chúng ta chỉ biết rằng từ khi có vị Giáo-Hoàng đầu tiên là SAINT PIERRE (33 — 64) cho đến Giáo-Hoàng Jean XXIII ngày nay, đã có 264 vị Giáo-Hoàng.

SAINT PIERRE, do Chúa JÉSUS-CHRIST chỉ định, để đại diện Chúa, bảo vệ và truyền mối đạo. Sau Saint Pierre, kế tiếp là SAINT LIN, SAINT CLET, SAINT CLÉMENT 1er, v.v... .

Từ đầu thế kỷ XX, có PIE X (1903 — 1914) BENOÎT XV (1914 — 1922), PIE XI (1922 — 1929), PIE XII (1929 — 1958...) và JEAN XXIII (1958...)

Về danh hiệu Jean, trong lịch sử các Giáo-Hoàng có ghi : JEAN Ier (523 — 526) JEAN II (532 — 535) JEAN III (559 — 574) v.v., JEAN XXII (1316 — 1334) JEAN XXIII (1410 — 1415)... mãi cho đến nay vị Giáo-Hoàng mới lại lấy tên JEAN XXIII đã có hời thế-kỷ XV, không hiểu vì lý do cá nhân nào.

— CẮT BĂNG KHÁNH THÀNH, có ý nghĩa tượng trưng rằng cuộc lễ được chính thức khai trương.

— Danh từ « BỊ MỌC SỪNG », « CẤM SỪNG CHO CHỒNG » là theo danh từ của Pháp : *porter des cornes, planter des cornes...*

Người Âu-Châu tưởng-tượng hình con quỷ sứ (Le Diable) có hai cái sừng trên đầu, và bị Chúa Trời dày dưới địa ngục. Do đó, người ta chế nhạo người đàn ông bị vợ phản bội không khác nào con quỷ sứ mọc sừng, phải bị dày xuống âm phủ.

#### \* Ông Tri-Thiện, Qui-Nhơn,

Ông nói chuyện con «ma» doi ở nhà lao Qui-Nhơn, trong miệng nó có máu. Sự thực; không phải. Doi có 2 loại, loại doi lớn thường ăn trái cây, doi nhỏ ăn sâu bọ. Thứ doi các anh em bắt được trên nóc nhà Lao Qui-Nhơn là loại doi lớn. Nó ăn các thứ trái cây chín đỏ, như cà chua, rồi còn dài nhót đỏ trong miệng. Đêm đêm nó đi ăn vè, nó đeo trên trần nhà Lao, và làm rót nước bọt đỏ xuống đầu anh em tù nhân nằm trong Lao, anh em sợ hoảng tưởng là «ma phun máu». Sự thực, đó là con doi thật, và «máu» đó là nước cà chua chín.

#### \* Bạn Mai-thanh-Hoàng, Xuân-Quang, Vĩnh-long.

— Câu «Chiến đấu gian khổ, chiến thắng mới rực vang» là dịch nỗi câu thơ của nhà kịch sĩ Pháp Pierre CORNEILLE :

«A vaincre sans péril, on triomphe sans gloire» đúng nghĩa là : chiến đấu không gian khổ, thắng trận không vẻ vang.

— Trong chuyện ngụ ngôn «cô gái và bình sữa» của La Fontaine, cô gái ấy tên là PERRETTE.

(Perrette, sur la tête, ayant un pot au lait...)

— Quân thư đề *F.M.* = miễn phí (Franchise Militaire),

— Về kinh-tuyến và vi-tuyến, sẽ nói trong một bài dài.

\* **Bạn Hàng-Diệu-Quang, Tuy-Phong.**

— ĐỘC-GIẢ (chữ Hán) = người đọc, Vậy nếu nói theo chữ Hán, phải nói: ĐỘC-GIẢ (chữ Ô) hoặc nói theo tiếng Việt thì Bạn đọc » (chữ Ô) chứ không thể nói : đọc giả.

— Vẫn đề ss. lô an ủi trong vé số kiển thiết, bạn viết thư hỏi thẳng nha xổ-số kiển thiết.

\* **Bạn Ng. quang-Triều, Nha Trang.**

— MUSSOLINI bị dân-quân cách-mạng Ý giết chết chứ không phải bị quân Đồng-Minh giết.

— Nhứt và Tày Đức hiện bị quân Đồng-Minh chiếm đóng, nhưng vẫn được hoàn-toàn độc-lập.

— Vâng, D.H. Tác-giả quyền truyện nhi-dồng *“nàng chim áo dù”* là D.H. & Phê Thông.

\* **Trung-sĩ Lương-sĩ-Điệm, KBC 3186.**

Bạn nên hỏi thẳng Bác-sĩ có lẽ chắc chắn hơn.

\* **Bạn Thái Phượng Kiều, Saigon.**

Về thuyết Nhân-tâm học của FREUD, và thuyết Sinh-tồn của J. P. SARTRE, sẽ có bài riêng trong một số tôi, đầy-dủ hơn.

\* **Cô Định-thị-Xuân, Định Tường.**

Chữ « *honor* » có ý-nghĩa khinh-khi, không nên dùng để chỉ người thứ ba mà mình thân-mến hoặc kính trọng.

\* **Bạn Đào-thể-Hải, Gia Định.**

Về việc đổi giấy khai-sanh bạn hỏi nơi phòng Hộ-tịch địa phương.

\* **Bạn Chi-Thành, Gia Định**

*Yoto*, tiếng Nhật, nghĩa là tốt. *Nai*, là không. *Yotonai* là không tốt. Đây là tiếng bình dân, rất thông dụng.

— Bài thơ « *tù già vợ nhả, ài làm quan* » tục truyền là của PHAN-THANH.GIÁN.

— Chuyện dài « *Kiên-Trinh* » là một chuyện có thật.

**TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM  
VÀ DƯƠNG LỊCH**

**\* Ô. Lê.văn.Giỏi Tây-Ninh.**

- 1) Ngày 21-1 âm-lịch năm ất-hợi : chúa nhựt 24-2-1935
- 2) Âm-lịch 26-11 Đinh-Dậu : dương-lịch thứ sáu 10-1-1958;
- 3) Âm-lịch 8-8 năm Đinh-hợi=D. l. ngày thứ tư 22-9-1947
- 4) Âm-lịch 8-4 Kỷ-Mão=D. l. thứ sáu 26-5-1939.
- 5) Âm-lịch 19-4 Mậu-dần=d. l. thứ tư 18-5-1938
- 6) Dương lịch 11-8-1928 : âm-lịch 16-7 (ngày ất hợi, tháng canh thân năm Mậu dần.

**\* Ông Nguyễn.văn-Huân, Phan-Rang.**

Âm-lịch ngày 5-8 năm ất-hợi giờ tuất, ngày Tân-tị, tháng ất-dậu) d. l. thứ hai 2-9-1935 vào lối 8-9 giờ tối (hay 21 giờ)

**\* Trần-sT.Phương, Đà.Nẵng.**

- 1) D. l. 13-2-1934 (15 giờ) : âm-lịch 30 tháng chạp quý-dậu (ngày ất mão, tháng ất sửu) cuối giờ mùi sang giờ thân.
- 2) D l 13-10-1936 lúc 7 giờ 35 = âm-lịch 28 tháng 8 năm Bính-tý (ngày kỷ-tị, tháng đinh-dậu) vào giờ thìn.
- 3) D. l. 8-1-39 , 9giờ50' = âm-lịch ngày 18-11 (ngày ất-tị, tháng giáp-tý, năm mậu-dần, vào giờ Tị).
- 4) D. l. 7-8-1940 lúc 19.g20' : âm-lịch ngày 4-7 (ngày nhâm-ngọ, tháng giá p-thân, năm canh-thìn) vào đầu giờ tuất;
- 5) d.l. 20-9-1941 lúc 12 giờ = âm-lịch 29-7 (ngày tân-vi, tháng Bính-thân, năm tân-tị) vào giờ Ngọ.
- 6) D. l. 6/12/1943 lúc 5 giờ = âm lịch 10-11 (ngày mậu-tuất, tháng giáp, tý năm quý-vi, vào cuối giờ dần,
- 7) d. l. 2/5/1946 lúc 2 giờ đêm = âm-lịch 2-4 tức ngày bính-tý, tháng quý-tị, năm Bính-tuất, giờ sửu.

**\* Ông Trần Kính — k.b.c 4.311**

Ngày 11-9-1930 nhằm ngày 19 tháng 7 năm Canh ngọ, tháng Giáp Thân, ngày Canh Tý.

## ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

### \* Ông Hoàng-Đũng — k.b.c 6083.

Ngày 28 tháng Chạp âm-lịch năm Mậu-Thìn, là ngày thứ bảy  
25-1-1941

### \* Bạn Mỹ-Viện-Ánh.

Ngày 2.6.1936 nhằm ngày 12 tháng Giêng Âm-lịch, năm Kỷ  
Mão, tháng Bính Dần, ngày Mậu Tuất.

### \* Cô Diệu-Mi — trường Đồng-Khánh — Huế.

Ngày 21-4-1939 là ngày 2-3 âm-lịch năm Kỷ-Mão, tháng  
Mậu-Thìn, ngày Mậu ngũ.

### \* Bạn Văn-An — Saigon.

Ngày 23 tháng Chạp âm-lịch năm Nhâm-Ngọ, là ngày thứ  
năm 28-1-1943 chứ không phải là 13-2-43

### \* Ông Bửu-Cung — Huế.

1) 16 tháng 7 (thiếu)

16 — 6 (")

16 — 2 ("")

17 — 4 ("")

30 — 3 (đủ)

8 — 10 (\*)

2) 20-2 Bính-Dần = Thứ hai 2-4-1926.

16-6 Quý-Hợi = Chúa nhựt 29-7-1923.

10-10 Ất-Hợi = Thứ ba 5-11-1935.

3) Chỉ có năm Ất-Sửu (1925) nhuần tháng 4 chứ không phải  
tháng 5.

### LỚP DẠY RIÊNG PHÁP VĂN

I.— Chương trình Pháp-văn lớp Đề-Tú (T.H.D.N.C.)

II.— Dissertation Morale (Tú-tài Việt, phần I)

III. Dissertation littéraire (Tú-tài Việt, phần II)

IV.— Luyện Pháp-văn chuẩn bị vào Đại-học.

Hỏi Ông NGUYỄN-VŨ tòa-soạn tạp-chí PHÒ-  
THÔNG — 283, Gia-Long — Saigon.

# XỔ SỐ KIẾN - THIẾT

LOẠI ĐẶC - BIỆT

Thanh - niêm bảo - vé hương - thôn

Phát - hành 4 kỳ :

Loại I	mở ngày	10-5-1960
— II	—	24-5-1960
— III	—	7.6.1960
— IV	—	21-6-1960

Mỗi vé giá 10\*